



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 10

Số 237 + 238 (01/10/2009)

MỤC LỤC

Ngày ban hành

Trích yếu nội dung

Trang

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

05-9-2009 - Quyết định số 4199/QĐ-UBND về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh.

2

(Tiếp theo Công báo số 235 + 236)

13. Thủ tục Thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư có quy mô từ 300 tỷ đồng trở lên và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Bước 2: Sau khi chuẩn bị đầy đủ hồ sơ thì nhà đầu tư sẽ nộp hồ sơ tại Văn phòng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh, đường D1, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9 (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần).

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận sẽ tiến hành hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận viết giấy biên nhận.

Bước 3: Sau khi có giấy biên nhận hẹn ngày nhận kết quả thì nhà đầu tư sẽ nhận kết quả tại bộ phận trả hồ sơ.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu).
2. Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất hoặc Giấy chứng nhận ngân hàng).
3. Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của nhà đầu tư:

- *Đối với nhà đầu tư là tổ chức:* Bản sao công chứng Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác và kèm bản sao y chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện.

- *Đối với nhà đầu tư là cá nhân:* Bản sao công chứng hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân.

- *Lưu ý:* Các bản sao công chứng không quá 03 tháng, kể từ ngày công chứng.

4. Hợp đồng Liên doanh hoặc Hợp đồng Hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư giữa nhà đầu tư trong nước và nước ngoài (theo mẫu). Hợp đồng Liên doanh

hoặc Hợp đồng Hợp tác kinh doanh do đại diện có thẩm quyền của các Bên liên doanh ký vào từng trang và ký đầy đủ vào cuối Hợp đồng;

5. Bản giải trình công nghệ, với nội dung bổ sung đầy đủ các góp ý đã được Hội đồng Khoa học Công nghệ thông qua.

6. Giải trình kinh tế - kỹ thuật gồm các nội dung theo mẫu (theo mẫu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ gốc và 03 bộ sao

- **Thời hạn giải quyết:** 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): các Bộ, ngành có liên quan

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Lệ phí (nếu có):** Không có

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (Phụ lục I-1);

+ Hợp đồng Liên doanh hoặc Hợp đồng Hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư giữa nhà đầu tư trong nước và nước ngoài;

+ Giải trình kinh tế - kỹ thuật.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Dự án phải đáp ứng các tiêu chí công nghệ cao về chi phí nghiên cứu phát triển, ngành, đào tạo,...

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006;

-
- + Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006;
 - + Luật Kinh doanh bất động sản số 63/2006/QH11 ban hành ngày 12 tháng 7 năm 2006, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2007;
 - + Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ban hành ngày 27 tháng 6 năm 2005, có hiệu lực thi hành 01 tháng 01 năm 2006;
 - + Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008;
 - + Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
 - + Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;
 - + Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản;
 - + Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;
 - + Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;
 - + Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;
 - + Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHCN ngày 18 tháng 02 năm 2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành “Quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao”;
 - + Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam;
 - + Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự thủ đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

+ Quyết định số 71/QĐ-KCNC ngày 20 tháng 6 năm 2007 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực kể từ ngày ký, về việc ban hành quy trình hướng dẫn thủ tục đầu tư vào Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh.

(Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam)

Phụ lục I-1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ/ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ
(đối với trường hợp không gắn với thành lập doanh nghiệp/hoặc Chi nhánh)

Kính gửi: BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
TP. HỒ CHÍ MINH (SHPT)

Nhà đầu tư:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Chức vụ: Ngày sinh:

Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/hộ chiếu số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với trường hợp không có CMND/hộ chiếu (*tên giấy, số, ngày, nơi cấp*):

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện nay: Điện thoại:

Fax: Mail:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư/Quyết định thành lập

Số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Ngày sinh:

Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/hộ chiếu số: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với trường hợp không có CMND/hộ chiếu (*tên giấy, số, ngày, nơi cấp*)

Chức vụ:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện nay:..... Điện thoại:.....

Fax: Email:.....

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

1. Tên dự án đầu tư:

2. Địa điểm thực hiện dự án:

Diện tích đất dự kiến sử dụng:

3. Mục tiêu và quy mô của dự án:

4. Vốn đầu tư dự kiến để thực hiện dự án:

Trong đó: Vốn góp để thực hiện dự án:

5. Thời hạn hoạt động:.....

6. Tiến độ thực hiện dự án:.....

7. Kiến nghị được hưởng ưu đãi đầu tư:.....

8. Nhà đầu tư cam kết:

a) Về tính chính xác của nội dung hồ sơ đầu tư;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đầu tư

....., ngày tháng năm

NHÀ ĐẦU TƯ

Hồ sơ kèm theo:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

HỢP ĐỒNG LIÊN DOANH
JOINT VENTURE CONTRACT

Căn cứ Luật Đầu tư tại Việt Nam và các văn bản pháp lý khác có liên quan, các Bên dưới đây đã ký Hợp đồng liên doanh để xin thành lập tại Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam một Doanh nghiệp liên doanh với nội dung như sau:

Based on the Investment Law in Vietnam and other relevant legal documents, the parties mentioned hereinafter have signed a joint venture contract to establish in the Socialist Republic of Vietnam a joint venture enterprise with the following contents and on the following terms:

A. Bên (các Bên) Việt Nam/ Vietnamese party(ies)

1. Tên Công ty:.....

Name of company

2. Đại diện được ủy quyền:

Authorized representative:

Chức vụ / Title:

3. Trụ sở chính / Head office:

Điện thoại/ Telephone:..... **Fax:**.....

4. Ngành, nghề kinh doanh chính/ Main business lines:.....

.....

5. Giấy phép thành lập công ty/ Certificate of incorporation no:

Đăng ký tại/ Registered at:

Ngày/ Date:.....

B. Bên (các Bên) nước ngoài /Foreign party(ies):

1. Tên công ty hoặc cá nhân :.....

Name of company or individual:

2. Đại diện được ủy quyền:

Authorized representative:

Chức vụ/ Title:

Quốc tịch /Nationality:

3. Trụ sở chính/ Head office:

Điện thoại / Telephone: **Fax:**.....

4. Ngành, nghề kinh doanh chính:

Main line of business:

5. Giấy phép thành lập công ty:.....

Certificate of incorporation no:

Đăng ký tại/ Registered at:

Ngày/ Date:.....

Ghi chú: Nếu một hoặc cả hai Bên liên doanh gồm nhiều thành viên, thì từng thành viên sẽ mô tả đầy đủ các chi tiết nêu trên; Mỗi Bên cần chỉ định đại diện được ủy quyền của mình.

(Note: If any of the joint venture parties comprises more than one member, each member shall provide in full the above details. Each party shall appoint an authorized representative...)

Điều 1/ Article 1:

1. Các Bên thỏa thuận thành lập một Doanh nghiệp liên doanh tại Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhằm mục đích: (mô tả các mục tiêu sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp liên doanh).

The parties agree to establish the joint venture enterprise in the Socialist Republic of Vietnam with the purpose of: (State in detail the objectives of production and business of the joint venture enterprise)

2. Tên Doanh nghiệp liên doanh là. . . . (tiếng Việt Nam), tên giao dịch (bằng tiếng nước ngoài thông dụng) của Doanh nghiệp liên doanh là

The name of the joint venture enterprise is :(in Vietnamese); the transaction name of the joint venture enterprise in a commonly foreign language is:

Điều 2 / Article 2:

1. Địa chỉ của Doanh nghiệp liên doanh

Address of the joint venture enterprise

- **Trụ sở chính/ Head office:**.....

- **Nhà máy/xưởng sản xuất chính:**

Main production factory/workshop

- **Chi nhánh (nếu có):**.....

Branch(es)

- **Văn phòng đại diện (nếu có):**

Representative office(s)

2. Năng lực sản xuất: Hàng hóa/dịch vụ vào năm sản xuất ổn định**Chia thành sản phẩm chính và phụ (nếu cần thiết)**Production capacity: goods/services * in the year in which the production becomes stable.
Split into main and auxiliary products (if necessary).**3. Sản phẩm của Doanh nghiệp liên doanh sẽ được tiêu thụ:**

Products of the joint venture enterprise shall be marketed as follows

- **Tại thị trường Việt Nam:**.....% sản phẩm
Vietnamese market: % of products
- **Tại thị trường nước ngoài:**% sản phẩm
Foreign markets: % of product

4. Các cam kết chung khác của các Bên liên doanh trong việc thực hiện dự án:...
(tiến độ và nội dung thực hiện chương trình nội địa hóa đối với các sản phẩm cơ khí, điện, điện tử...).

Any other general undertaking of joint venture parties in relation to the implementation of the project such as the progress and the contents of the localization program for mechanical, electric and electronic products, and so forth.

Điều 3/ Article 3:**1. Tổng vốn đầu tư của Doanh nghiệp là:**

The total invested capital of the enterprise

2. Vốn đăng ký của Doanh nghiệp là:

The register capital of the enterprise

Trong đó:

To which

a. Bên Việt Nam góp/ The Vietnamese party contributes:**chiếm/ accounting for.....% vốn pháp định/ of legal capital, bằng/ comprising:**- **Tiền/ Cash:**.....- **Giá trị máy móc, thiết bị:**

Value of equipment, machinery

- **Giá trị chuyển giao công nghệ (nếu có):.....**

Value of technology transfer (if any)

(kèm theo Hợp đồng chuyển giao công nghệ)**(Enclose technology transfer contract)**- **Giá trị quyền sử dụng đất, nhà xưởng hoặc các khoản góp vốn khác**

Value of the land use right, factory, or other contributions

b. Bên nước ngoài góp/ The foreign party contributes:....., chiếm/**accounting for.....% vốn đăng ký / of register capital, bằng/ comprising:**- **Tiền/ Cash:**.....- **Giá trị máy móc, thiết bị:**

Value of equipment, machinery

- **Giá trị chuyển giao công nghệ (nếu có):.....**

Value of technology transfer (if any)

(kèm theo Hợp đồng chuyển giao công nghệ)**(Enclose technology transfer contract)**

- Các khoản góp vốn khác theo Luật Đầu tư nước ngoài

Other contributions in accordance with the Law on Foreign Investment

(Trường hợp Doanh nghiệp liên doanh gồm nhiều Bên, trình bày chi tiết tỷ lệ, phương thức góp vốn của từng Bên).

(In case of a multi-party joint venture describe in detail the capital contribution percentage and method of contribution by each party.)

3. Vốn vay/ Loans:

(Nêu chi tiết về quy mô; Bên chịu trách nhiệm thu xếp vốn vay; các điều kiện vay trả, bảo lãnh.)

(Describe in detail the scale; the party responsible for arranging the loans; the conditions of loans, repayment, guarantee, and so forth.)

Điều 4/ Article 4:

Các Bên cam kết góp vốn đầy đủ theo đúng tiến độ như sau:

The parties undertake to contribute their respective capital contributions fully and on time as follows

(miêu tả chi tiết tiến độ góp vốn của từng Bên).

(Describe in detail the schedule for capital contribution by each party.)

Điều 5/ Article 5:

Bên nào không có khả năng hoàn thành tiến độ góp vốn như đã cam kết tại Điều 4 thì Bên đó phải thông báo cho (các) Bên kia lý do và biện pháp xử lý trước. . . . ngày và phải bồi thường những thiệt hại cho (các) Bên kia nếu có, mức bồi thường do các Bên thỏa thuận, trường hợp không thỏa thuận được sẽ do cơ quan xét xử hoặc Trọng tài quy định tại Điều 10 Hợp đồng này quyết định.

Any party unable to complete the capital contribution schedule as agreed in article 4 shall have to inform the other party(ies) of the reasons therefore and the measures to be taken by the party in order to resolve the situation ...(days) in advance and shall provide compensation to the other party(ies) for losses (if any). The compensation rate shall be agreed by the parties; in case of disagreement, the decision shall be made by the judicial body or arbitration organization stipulated in article 10 of this contract.

Điều 6/ Article 6:

Thời hạn Hợp đồng liên doanh này là. . . . năm kể từ ngày được cấp Giấy Phép đầu tư. Bất kỳ sự thay đổi nào về thời hạn phải được các Bên thỏa thuận và báo cáo cơ quan cấp Giấy Phép đầu tư xem xét chuẩn y.

The duration of this joint venture contract is.... years, commencing from the date of issuance of the investment registration certificate. Any changes to this duration must be agreed by all parties and reported to the investment registration certificate - issuing body for consideration and approval.

Điều 7/ Article 7:

Kể từ ngày được cấp Giấy phép đầu tư, dự án này được thực hiện theo tiến độ sau:
Commencing from the date of issuance the investment registration certificate, this contract shall be implemented following the schedule below:

1. Khởi công xây dựng: : từ tháng thứ.

Construction: from month

2. Lắp đặt thiết bị: từ tháng thứ.

Equipment installation: from month

3. Vận hành thử: từ tháng thứ.

Trial operation: from month

4. Sản xuất chính thức: từ tháng thứ.

Official production: from month

Điều 8/ Article 8:

Trách nhiệm khác của các Bên liên doanh được quy định như sau:.....

Other responsibilities of joint venture parties are stipulated as follows

(Phân định rõ trách nhiệm của từng Bên trong việc xin cấp giấy phép đầu tư, thuê đất, cung ứng điện, nước, tài chính, vật liệu xây dựng, thiết bị, công nghệ, thị trường, quản lý, đào tạo. . .)

(Allocate clearly the responsibilities of each party in the application for the investment license, entry visas, land rent, supply of electric power and water, finance, building materials, equipment, technology, markets, management, training, and so forth)

Điều 9/ Article 9:

Sau khi hoàn thành mọi nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam, các Bên chia lợi nhuận và chịu rủi ro của Doanh nghiệp liên doanh theo tỷ lệ góp vốn của mỗi Bên (trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác phù hợp với pháp luật Việt Nam được quy định trong Hợp đồng liên doanh).

(Ghi rõ tỷ lệ chia lợi nhuận và rủi ro cho từng Bên liên doanh).

After fulfilling all financial obligations to the State of Vietnam, the remaining profits and losses of the joint venture enterprise shall be shared in proportion to the capital contribution of each party, except where otherwise agreed by the parties in accordance with the law of Vietnam and provided for in the joint venture contract. The percentage of profits and losses shared by each joint venture party shall be specified.

Điều 10/ Article 10:

Tranh chấp giữa các Bên có liên quan, hoặc phát sinh từ Hợp đồng trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trong trường hợp các Bên tranh chấp vẫn không thỏa thuận được với nhau thì vụ tranh chấp sẽ được đưa ra. . . . (ghi rõ tên và địa chỉ tòa án hoặc tổ chức trọng tài).

Any disputes between the parties related to or arising from the contract shall be resolved first through negotiation and conciliation. In cases where the parties in dispute cannot agree with each other, the dispute shall be referred to.....(*State clearly the name and address of the court or arbitration organization*).

Quyết định của. . . . (tổ chức trên) là chung thẩm và các Bên sẽ phải tuân theo

The decision of ... (above organization)... shall be final and binding on the parties.

Điều 11/ Article 11:

Doanh nghiệp liên doanh có thể chấm dứt hoạt động, giải thể doanh nghiệp trong các trường hợp sau:

The joint venture enterprise may terminate its operations or dissolve the enterprise in the following cases:

Điều 12/ Article 12:

Các Bên liên doanh có quyền chuyển nhượng giá trị phần vốn của mình trong Doanh nghiệp liên doanh theo các quy định tại điều lệ doanh nghiệp và theo quy định của Luật doanh nghiệp, luật đầu tư.

The joint venture parties may assign the value of their respective contributed capital in the contract as stipulated in the charter and in the enterprise Law, in the Investment Law.

Điều 13/ Article 13:

Mọi điều khoản khác có liên quan không được quy định cụ thể tại Hợp đồng liên doanh này sẽ được các Bên thực hiện theo pháp luật Việt Nam và Giấy chứng nhận đầu tư.

All other related terms that are not stipulated in this joint venture contract shall be implemented by the parties in accordance with the law of Vietnam and the investment license.

Điều 14/ Article 14:

Hợp đồng liên doanh này có thể được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị và thông báo cho Ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh trước khi thực hiện.

The joint venture contract may be supplemented and/or amended in accordance with the resolution of the board of management and subject to approval by the Saigon Hi-tech Park prior to the implementation (*of such amendment and/or addition*)

Điều 15/ Article 15:

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

This contract shall take effect as of the date of issuance of the investment registration certificate.

Điều 16/ Article 16:

Hợp đồng liên doanh này được ký ngày. . . tại., gồm. . . bản gốc bằng tiếng Việt Nam và bằng tiếng. (tiếng nước ngoài thông dụng). Cả hai bản tiếng Việt Nam và tiếng. đều có giá trị pháp lý như nhau.

This joint venture contract is signed at.. (location)...on.... (date)...in....originals in Vietnamese and in....(a commonly used foreign language). Both versions shall be of equal legal validity.

Đại diện

Bên (các Bên) nước ngoài
FOREIGN PARTY(IES)
(Ký tên, chức vụ và dấu)
(Signature and seal)

Đại diện

Bên (các Bên) Việt Nam
VIETNAMESE PARTY(IES)
(Ký tên, chức vụ và dấu)
(Signature and seal)

Trường hợp có nhiều Bên: từng Bên sẽ ký, ghi rõ chức vụ người đại diện ký và đóng dấu (nếu có).

Where there are several parties, state the name of each party and affix the appropriate seal (if any).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
 Independence - Freedom - Happiness



HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH
BUSINESS CO-OPERATION CONTRACT

Căn cứ Luật Đầu tư tại Việt Nam và các văn bản pháp lý khác có liên quan, các Bên dưới đây mong muốn được tiến hành hoạt động đầu tư tại Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo hình thức Hợp đồng hợp tác kinh doanh với nội dung và phạm vi được quy định trong Hợp đồng này như sau:

Pursuant to the Investment Law in Vietnam and other relevant legal instruments, the parties mentioned hereinafter wish to carry out investment activities in the Socialist Republic of Vietnam in the form of a business co-operation contracts as outlined in the contents and scope of this business co-operation contract.

A. Bên (các Bên) Việt Nam:

A. Vietnamese party(ies):

1. Tên Công ty / *Company name*:
2. Đại diện được ủy quyền / *Authorized representative*:
- Chức vụ / *Title*:
3. Trụ sở chính / *Head office*:
- Điện thoại / *Telephone*:
- Fax:
4. Ngành, nghề kinh doanh chính/ *Main business line(s)*
5. Giấy phép thành lập công ty / *Certificate of incorporation No*:
- Đăng ký tại / *Register at*:
- Ngày / *Date*:

B. Bên (các Bên) nước ngoài:

B. Foreign party(ies):

1. Tên công ty hoặc cá nhân / *Name of company or individual*.....
2. Đại diện được ủy quyền / *Authorized representative*:
- Chức vụ / *Title*:
- Quốc tịch / *Nationality*:

Địa chỉ thường trú / *Permanet address*:

3. Trụ sở chính / *Head office*:

Điện thoại / *Telephone*: Fax:

4. Ngành, nghề kinh doanh chính/ *Main business lines*:

5. Giấy phép thành lập công ty / *Certifiaace of incoporation No*:

Đăng ký tại / *Registered at*:

Ngày / *Date*:

Ghi chú: Nếu một hoặc cả hai Bên liên doanh gồm nhiều thành viên, thì từng thành viên sẽ mô tả đầy đủ các chi tiết nêu trên; Mỗi Bên cần chỉ định đại diện được ủy quyền của mình.

(Note: If either contracting party comprises more than one member, then each member shall provide all above details. Each party needs to appoint its own authorized representative.)

Cùng thỏa thuận ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh này với các điều khoản và điều kiện sau đây:

Hereby agree to sign this Business Co-operation Contract with the following terms and conditions:

Điều 1/Article 1:

Mục tiêu hợp tác kinh doanh trên cơ sở Hợp đồng.

Objectives of business co-operation on the basis of a contract:

(mô tả chi tiết nội dung và phạm vi hợp tác kinh doanh)

(State in detail a clear description of the proposed content and scope of business co-operation)

Điều 2/ Article 2:

1. Địa điểm thực hiện / *Location*:

2. Năng lực sản xuất: Hàng hóa/dịch vụ vào năm sản xuất ổn định

Product capacity: goods/services in the stabilized production year

○ *(Chia thành sản phẩm chính và phụ - nếu cần thiết)*

○ *Split into main and auxiliary products(if necessary)*

3. Sản phẩm của Hợp đồng hợp tác kinh doanh này sẽ được tiêu thụ:

Product(s) of this Cooperation contract shall be marketed as follows:

○ *Tại thị trường Việt Nam/Vietnamese market: % sản phẩm/% of products*

○ *Tại thị trường nước ngoài/Foreign market: % sản phẩm/% of products*

4. Văn phòng điều hành của Bên nước ngoài (nếu có).....

Operating office (if any):

Địa chỉ/ *Address*:.....

Điện thoại/ *Telephone*: Fax:.....

Điều 3/ Article 3:

Trách nhiệm của các Bên hợp doanh trong việc góp vốn để thực hiện Hợp đồng:

Responsibilities of business co-operation parties to contribute capital for the implementation of the contracts:

a) Bên (các Bên) Việt Nam: góp..... bằng.....

(quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, nguyên vật liệu, bộ phận rời, linh kiện, tiền mặt, các chi phí khác...)

Then Vietnamese party(ies) shall contribute.....in the form of.....(the land use right, machinery and equipment, raw materials, spare parts, components, cash, other costs....)

b) Bên (các Bên) nước ngoài: góp bằng.....

(máy móc thiết bị, nguyên vật liệu, bộ phận rời, linh kiện, tiền nước ngoài, các chi phí khác...)

The foreign party(ies) shall contribute.....in the form of.....(machinery and equipment, , raw materials, spare parts, components, cash, other costs....)

Nếu vào thời điểm đóng góp thực tế, những giá trị trên đây thay đổi so với giá trị hiện tại thì các Bên phải thỏa thuận về những sửa đổi đó và báo cáo Ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh xem xét và chuẩn y.

At the time when the actual contribution is made, if the projected values shown above differ from the actual contributes values, the two parties must reach an agreement on the differences and report same to the Saigon Hi-tech Park for consideration and approval.

Trong trường hợp một Bên không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ như đã thỏa thuận thì Bên đó phải thông báo cho các Bên kia biết lý do và những biện pháp xử lý trước . . . ngày. Thiệt hại thực tế và chính đáng do sự chậm trễ hay không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của một Bên gây ra, sẽ được bồi thường theo thỏa thuận của các Bên; trong trường hợp không thỏa thuận được thì sẽ do cơ quan xét xử hoặc trọng tài quy định tại Điều 10 Hợp đồng này quyết định.

Where one of the parties is unable to fulfill its responsibilities as agreed, that party must inform the other party withindays of the reasons as well as the measures to be taken to remedy the situation. The actual and legitimate losses caused by any delay or inability of one party to carry out its responsibility(ies) must be compensated for as mutually agreed; in cases of disagreement, the decision shall be made by the judicial body or arbitration organization stipulated in article 10 of this contract.

Điều 4/Article 4:

Các trách nhiệm, nghĩa vụ khác của các Bên trong việc thực hiện Hợp đồng/*Other duties and responsibilities of the parties in the implementation of the contract:*

- Bên Việt Nam/*Vietnamese party(ies):*.....

- Bên nước ngoài/*Foreign party(ies):*.....

(Quy định cụ thể Bên chịu trách nhiệm, thời hạn hoàn thành. . . trong từng việc như tổ chức và quản lý sản xuất, quản lý kỹ thuật và công nghệ, mua sắm thiết bị, nguyên liệu, tiêu thụ sản phẩm. . .).

(State in detail the party bearing the responsibilities for, and the time-limit for, completion of each jobs, such as organization and management of production, technical and technology control, purchase of equipment, raw materials, consumption of products, and so forth).

Điều 5/Article 5:

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các Bên thỏa thuận cơ chế giám sát như sau:....

During the implementation of the contract, the parties agree on the following supervision mechanism:

(Miêu tả cụ thể cơ chế, trong đó có thể thành lập Ban điều phối, Văn phòng điều hành của Bên nước ngoài bao gồm phương thức thành lập, hoạt động, quyền hạn, trách nhiệm...).

(Describe in detail the mechanism whereby a co-ordination board and operating office may be established and the method of establishment, activities, authority, responsibilities, and so forth).

Điều 6/Article 6:

Thời hạn Hợp đồng này là. . . . năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Bất kỳ sự thay đổi nào về thời hạn của Hợp đồng phải được các Bên thỏa thuận và báo cáo xem xét và chuẩn y.

The duration of this contract is.....years from the date of issuance of the investment registration certificate. Any changes to the duration of the contract must be agreed by the parties and reported to the investment registration certificate issuing-body for consideration and approval.

Nếu một Bên hợp doanh muốn kéo dài thời hạn Hợp đồng ngoài thời hạn đã được thỏa thuận phải thông báo cho (các) Bên kia ít nhất là. . . . tháng trước ngày Hợp đồng hết hạn. Nếu các Bên thỏa thuận kéo dài thời hạn Hợp đồng thì phải báo cáo Ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh xem xét trong thời hạn ít nhất là 6 tháng trước khi hết hạn Hợp đồng.

Any of the business co-operation parties wishing to extend the agreed duration of the contract must so inform the other party at least.....months prior to the expiry of the contract. If the parties agree to the extension of the contract, they must submit an application for consideration by the SHTP at least six months prior to the expiry of the contract.

If all conditions for termination of the contract in which are stipulated in the contract cannot be implemented, the contract shall remain in effect regardless of the expiry of the contract, provided that the extended duration of the contract is approved by the investment registration certificate - issuing body.

Điều 7/Article 7:

Kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đầu tư, Hợp đồng này được thực hiện theo tiến độ sau:

The schedule for implementing this contract from the date of issuance of the investment registration certificate shall be as follows:

1. Khởi công xây dựng: từ tháng thứ.

Construction: from month.....to month.....

2. Lắp đặt thiết bị: từ tháng thứ.

Equipment installation: from month.....to month.....

3. Vận hành thử: từ tháng thứ.

Trial operation: from month.....to month....

4. Sản xuất chính thức: từ tháng thứ.

Official production: from month.....

Điều 8/Article 8:

1. (các Bên) nước ngoài thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư. (ghi rõ phương thức nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của Bên nước ngoài: nộp trực tiếp, Bên Việt Nam nộp hộ v.v...).

The foreign party(ies) must fully carry out its/their tax obligations and other financial obligation as stipulated in the investment license. (State clearly the method of paying profits tax and the profit remittance tax of the foreign party(ies): via direct payment, via the Vietnamese party(ies), and so forth).

2. (Các) Bên Việt Nam thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật áp dụng đối với Doanh nghiệp trong nước và các quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư.

The Vietnamese party (ies) shall fully carry out its/their taxation obligations and other financial obligations in accordance with the laws applicable to domestic enterprises and the provisions stipulated in the investment license.

Lưu ý: cần xác định rõ Bên chịu trách nhiệm nộp các loại thuế chung liên quan đến thực hiện Hợp đồng như thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng. . .

(Note: The party responsible for paying the general taxes related to the implementation of the contract such as export duties, import duties, turnover tax....should be clearly defined.)

Điều 9/Article 9:

Các Bên tham gia Hợp đồng thỏa thuận chi sản phẩm và / hoặc lợi nhuận, các khoản lỗ thông qua việc thực hiện Hợp đồng như sau:

The contracting parties agree to share products and/or profits losses from the implementation of the contract as follows:

○ (các) Bên Việt Nam (ghi rõ từng Bên, nếu cần thiết)

Vietnamese party(ies) : (State clearly each party, if necessary)

○ (các Bên) nước ngoài (ghi rõ từng Bên, nếu cần thiết)

Foreign party(ies): (State clearly each party, if necessary)

Điều 10/Article 10:

Tranh chấp giữa các Bên có liên quan, hoặc phát sinh từ Hợp đồng trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trong trường hợp các Bên tranh chấp vẫn không thỏa thuận được với nhau thì vụ tranh chấp sẽ được đưa ra. . . (ghi rõ tên và địa chỉ Tòa án hoặc tổ chức trọng tài).

Any disputes among the parties related to or arising from the contract must first be resolved through negotiation and conciliation. In case of continued disagreement, the disputes shall be referred to.....(clearly state name and address of court or arbitration organization).

Quyết định của. . . (tổ chức trên) là chung thẩm và các Bên phải tuân theo.

The decision of.....(name of above organization)..shall be final and binding on both parties.

Điều 11/Article 11:

Các Bên có quyền chuyển nhượng giá trị phần vốn của mình trong Hợp đồng, theo các quy định tại Luật Đầu tư và các điều khoản liên quan của Nghị định số 108/NĐ-CP của Chính phủ.

The parties may assign the value of their respective capital contributions in the contract as stipulated in the Investment law and Degree 108/ND-CP.

Điều 12/Article 12:

Hợp đồng hợp tác kinh doanh này có thể chấm dứt hoạt động trước thời hạn và / hoặc kết thúc trong các trường hợp sau:

This business co-operation contract may be terminated prior to the expiry of its duration or terminate in the following cases:

Điều 13/Article 13:

Khi Hợp đồng hết hạn, các Bên thỏa thuận việc thanh lý các tài sản liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của các Bên trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

Upon expiry of the contract, the parties agree on the liquidation of the assets relating to their rights and responsibilities in the business co-operation contract as follows:

(Mô tả chi tiết các điều kiện có liên quan đến quyền hạn, nghĩa vụ, tài sản. . . phù hợp với các quy định tại Luật Đầu tư và các điều khoản liên quan của Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ).

(Describe in detail the condition in respect of each party's rights, responsibilities, assets, and so forth, in conformity with the spirit of the Law on Investment and relevant provisions of the Decree.)

Điều 14/Article 14:

Mọi điều khoản khác có liên quan không được quy định cụ thể tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh này sẽ được các Bên thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và của Giấy chứng nhận đầu tư.

All other terms relating to the business co-operation contract but not specifically provided for in this business co-operation contract shall be implemented by the parties in accordance with the provisions of the law of Vietnam and of the investment license.

Điều 15/Article 15:

Hợp đồng hợp tác kinh doanh này có thể được sửa đổi, bổ sung sau khi có thỏa thuận bằng văn bản giữa các Bên và phải được cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư chuẩn y trước khi thực hiện.

This business co-operation contract may be supplemented and/or amended pursuant to a written agreement between the parties and must be approved by the investment license issuing body prior to being implemented.

Điều 16/Article 16:

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

This contract shall take effect from the date of issuance of the investment registration certificate.

Điều 17/Article 17:

Hợp đồng hợp tác kinh doanh này được ký ngày., tại., gồm . . . bản gốc bằng tiếng Việt Nam và bằng tiếng. . . . (tiếng nước ngoài thông dụng). Cả hai bản tiếng Việt Nam và tiếng. . . . đều có giá trị pháp lý như nhau.

This contract is signed at....(location)....on.....(date).....inoriginals in Vietnamese and in.....(a commonly used foreign language).....Both the Vietnamese version and the.....version shall be of equal validity.

Đại diện

Bên (các Bên) nước ngoài

(Ký tên, chức vụ và dấu)

FOREIGN PARTY

(Signature, title and seal)

Đại diện

Bên (các Bên) Việt Nam

(Ký tên, chức vụ và dấu)

VIETNAMESE PARTY

(Signature, title and seal)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HƯỚNG DẪN LẬP
GIẢI TRÌNH KINH TẾ KỸ THUẬT

I. CHỦ ĐẦU TƯ:

1. Tên Công ty:
2. Đại diện pháp luật:
 - Họ, tên; năm sinh; quốc tịch.
 - Số hộ chiếu. . ., Ngày cấp. . ., Nơi cấp. . .
 - Chức vụ, địa chỉ thường trú.
3. Trụ sở chính:
Điện thoại, Telex, Fax:
4. Ngành nghề kinh doanh chính:
5. Giấy phép thành lập Công ty:
Đăng ký tại. . ., Ngày. . .
Vốn đăng ký:
Công ty mở tài khoản tại Ngân hàng:
Số tài khoản:

(Nếu có nhiều chủ đầu tư thì mô tả riêng từng chủ đầu tư theo những nội dung trên)

II. DOANH NGHIỆP XIN THÀNH LẬP:

1. Tên gọi của doanh nghiệp
 - Tên tiếng Việt:
 - Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài thông dụng:
2. Hình thức đầu tư của doanh nghiệp: (100% vốn nước ngoài, Liên doanh, Hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng).
3. Thời gian hoạt động của doanh nghiệp:
4. Mục tiêu hoạt động chính của doanh nghiệp:
5. Vốn đầu tư:
 - 5.1 Tổng vốn đầu tư dự kiến:, trong đó:
 - Vốn cố định: USD, bao gồm:
 - + Nhà xưởng: m2, trị giá. USD
 - + Văn phòng: m2, trị giá. USD
 - + Máy móc, thiết bị: USD
 - + Vốn cố định khác: USD
 - Vốn lưu động: USD
 - 5.2 Nguồn vốn:
 - Tổng số: USD, trong đó:
 - Vốn pháp định (hoặc vốn góp): USD, trong đó:
 - + Bên (các bên) Việt Nam góp: USD, gồm:
 - * Tiền: USD
 - * Tài sản: USD
 - + Bên (các bên) nước ngoài góp: USD, gồm:
 - * Tiền nước ngoài: USD

* Thiết bị, máy móc: USD

* Tài sản khác: USD

- Vốn vay: USD. Nêu rõ ai chịu trách nhiệm dàn xếp vốn vay, các điều kiện vay trả, bảo lãnh.

III. SẢN PHẨM DỊCH VỤ VÀ THỊ TRƯỜNG:

1. Sản phẩm, dịch vụ: tên, ký mã hiệu, thông số kỹ thuật chủ yếu, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm.

2. Thị trường dự kiến sẽ tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ:

3. Căn cứ lựa chọn sản phẩm, dịch vụ và thị trường:

- Tình hình cung-cầu về sản phẩm, dịch vụ trên các thị trường đã xác định trong qua khứ, hiện tại và dự báo tình hình cung cầu này trong tương lai, cơ sở của những dự báo đó.

- So sánh sản phẩm, dịch vụ của dự án với các sản phẩm, dịch vụ cùng loại đạt chất lượng quốc tế hiện có trên thị trường thế giới.

IV. QUY MÔ SẢN PHẨM VÀ DỰ KIẾN THỊ TRƯỜNG TIÊU THỤ:

Tên sản phẩm, dịch vụ (đơn vị)	Năm thứ 1			Năm . . .	Năm sản xuất ổn định		
	Số lượng	Giá ước tính	Thành tiền		Số lượng	Giá ước tính	Thành tiền
1.							
2.							
3.							
Tổng doanh thu							

Tỷ lệ tiêu thụ sản phẩm

- Tiêu thụ nội địa: % sản phẩm

- Xuất khẩu: % sản phẩm

V. CÔNG NGHỆ, MÁY MÓC, THIẾT BỊ VÀ MÔI TRƯỜNG:

1. Công nghệ:

- Sơ đồ quy trình công nghệ chủ yếu (hoặc các công nghệ chủ yếu)

- Đặc điểm chủ yếu của giải pháp công nghệ đã lựa chọn

- Dự thảo Hợp đồng chuyển giao công nghệ, hỗ trợ kỹ thuật (nếu có)

2. Danh mục máy móc, thiết bị:

Đơn vị: USD

Tên thiết bị	Xuất xứ	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng	Ước giá	Giá trị
I. Thiết bị sản xuất					
II. Thiết bị phụ trợ					
III. Thiết bị vận chuyển					
IV. Thiết bị văn phòng					

Ghi chú: Nếu là thiết bị cũ, thì cần bổ sung năm sản xuất, đánh giá chất lượng và giá trị còn lại. Biên bản giám định máy móc, thiết bị (nếu có).

3. Môi trường: trình bày rõ việc dự án có thải ra các tác nhân gây ô nhiễm môi trường không, nếu có thì trình bày các biện pháp xử lý cần thiết để bảo vệ môi trường không bị ô nhiễm quá giới hạn cho phép; đối với các trường hợp cần phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thì cần phải thực hiện đúng theo quy định của Bộ KH, CN & MT.

VI. CÁC NHU CẦU CHO SẢN XUẤT:

1. Nhu cầu về nguyên liệu và bán thành phẩm:

Đơn vị: USD

Danh mục (chủng loại)	Năm thứ 1			Năm thứ. . .	Năm sx ổn định
	Số lượng	Ước giá	Giá trị		
I. Nhập khẩu vào Việt Nam					
1.					
2.					
3.					
...					
II. Mua tại Việt Nam					
1.					
2.					
3.					
...					

2. Nhu cầu nhiên liệu, năng lượng, nước, các dịch vụ và nguồn cung cấp:

Tên gọi (chủng loại)	Nguồn cung cấp	Năm thứ 1		Năm thứ...	Năm sx ổn định
		Khối lượng	Giá trị		
1.					
2.					
3.					

Trình bày phương án giải quyết nhu cầu cấp điện, nước của dự án.

3. Nhu cầu về lao động vào năm thứ. . . khi đạt công suất thiết kế

Loại lao động	Người Việt Nam	Người nước ngoài	Cộng
1. Cán bộ quản lý			
2. Nhân viên kỹ thuật và giám sát			
3. Công nhân lành nghề			
4. Công nhân giản đơn			
5. Nhân viên văn phòng			
Tổng số			

VII. MẶT BẰNG ĐỊA ĐIỂM VÀ XÂY DỰNG - KIẾN TRÚC:

1. Địa điểm và mặt bằng

- Địa chỉ (xã, huyện, tỉnh), ranh giới và/hoặc tọa độ địa lý của địa điểm dự án (kèm theo bản vẽ).
- Hiện trạng mặt bằng và cơ sở hạ tầng của địa điểm (đường sá, cầu cống, điện, nước, thoát nước, thông tin liên lạc. . .).

- Diện tích mặt đất, mặt nước, mặt biển sử dụng cho dự án và mức giá cho thuê.
- Giá trị đền bù, di chuyển cần thực hiện để giải phóng mặt bằng trên cơ sở thỏa thuận với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

2. Xây dựng - Kiến trúc

2.1 Các hạng mục trong khuôn viên và ngoài khuôn viên

Đơn vị: USD

Tên hạng mục	Đơn vị	Quy mô	Đơn giá	Thành tiền
I. Các hạng mục xây mới				
1.				
2.				
3.				
II. Các hạng mục sửa chữa, cải tạo				
1.				
2.				
3.				
Cộng				

Ghi chú: các hạng mục có kết cấu đặc biệt cần có giải trình cụ thể.

2.2 Sơ đồ tổng mặt bằng (kèm theo bản vẽ)

2.3 Tổng tiến độ xây dựng

VIII. TỔ CHỨC QUẢN LÝ, LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG:

1. Sơ đồ tổ chức của doanh nghiệp

2. Quỹ lương hàng năm

	Năm			
	1	2	ổn định
I. Nhân viên người nước ngoài (ở các bộ phận)				
1.				
2.				
3.				
Tổng quỹ lương cho nhân viên nước ngoài				
II. Nhân viên người Việt Nam (ở các bộ phận)				
1.				
2.				
3.				
Tổng quỹ lương cho nhân viên người Việt Nam				
III. Tổng quỹ lương (I + II)				

3. Phương thức tuyển dụng, kế hoạch đào tạo cán bộ quản lý, kỹ thuật và công nhân (nêu rõ nội dung và chi phí dự kiến)

IX. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN:

- Hoàn thành thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp: tháng thứ.
- Thuê địa điểm: tháng thứ.
- Khởi công xây dựng: tháng thứ.

- Lắp đặt thiết bị: tháng thứ.
- Vận hành thử: tháng thứ.
- Sản xuất chính thức: tháng thứ.

X. CƠ CẤU VỐN ĐẦU TƯ THEO NĂM THỰC HIỆN:

1. Vốn lưu động (chỉ áp dụng cho những dự án có tổng vốn đầu tư trên 5 triệu USD)

Đơn vị: USD

Thành phần	Năm thứ 1	Năm. . .	Năm sx ổn định
1. Vốn sản xuất			
- Nguyên liệu và bán thành phẩm nhập khẩu			
- Nguyên liệu và bán thành phẩm nội địa			
- Lương và bảo hiểm xã hội			
- Chi phí điện, nước, nhiên liệu			
- Phụ tùng thay thế			
2. Vốn lưu thông			
- Nguyên vật liệu tồn kho			
- Bán thành phẩm tồn kho			
- Thành phẩm tồn kho			
- Hàng bán chịu			
3. Vốn bằng tiền mặt			
Tổng vốn lưu động			

2. Vốn cố định:

Đơn vị: USD

Thành phần	Năm thứ 1	Năm. . .	Năm sx ổn định
1. Chi phí chuẩn bị đầu tư			
2. Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san nền và giá trị góp vốn bằng quyền sử dụng đất của Bên Việt Nam (nếu có)			
3. Giá trị nhà cửa và kết cấu hạ tầng sẵn có			
4. Chi phí xây dựng mới hoặc/và cải tạo nhà xưởng, kết cấu hạ tầng			
5. Chi phí máy móc, thiết bị dụng cụ			
6. Vốn góp bằng chuyển giao công nghệ hoặc mau công nghệ trả gọn (nếu có)			
7. Chi phí đào tạo ban đầu			
8. Chi phí khác			
Tổng vốn cố định			

XI. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH:

1. Doanh thu (giá trị)

Đơn vị: USD

Các khoản thu	Năm thứ 1	Năm. . .	Năm sx ổn định
1.			
2.			
...			
Tổng doanh thu hàng năm			

2. Chi phí (giá thành) sản xuất, dịch vụ:

3. Dự kiến lãi, lỗ:

Các chỉ tiêu	Năm thứ 1	Năm . . .	Năm sx ổn định
1. Tổng doanh thu			
2. Tổng chi phí (kể cả lỗ năm trước)			
3. Lợi nhuận trước thuế			
4. Thuế lợi tức			
5. Lợi nhuận sau thuế			
6. Các quỹ			
7. Lợi nhuận được chia			
Trong đó:			
- Bên (các bên) Việt Nam			
- Bên (các bên) nước ngoài			

XII. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA DỰ ÁN:

1. Hiệu quả tài chính:

- Thời gian hoàn vốn
- Điểm hòa vốn lý thuyết
- Hiện giá thuần NPV
- Tỷ suất thu hồi nội bộ IRR
- Phân tích độ nhạy đối với các dự án có sự biến động lớn về giá của các yếu tố đầu vào (vật tư, nguyên liệu, bán thành phẩm. . .)
- Khả năng cân đối ngoại tệ

2. Hiệu quả kinh tế-xã hội của dự án:

- Các loại thu và khoản nộp cho Nhà nước Việt Nam
- Mức độ tiên tiến của sản phẩm và công nghệ áp dụng
- Giá trị sản phẩm tạo ra, trong đó có giá trị xuất khẩu
- Số việc làm được tạo ra bởi dự án

XIII. TỰ NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ:

- Tính khả thi và hiệu quả của dự án
- Các kiến nghị về ưu đãi và các biện pháp mà Nhà nước Việt Nam cần áp dụng liên quan đến dự án.

Ngày. tháng. năm 20...

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký tên, đóng dấu)

14. Thủ tục Đăng ký đầu tư đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Bước 2: Sau khi chuẩn bị đầy đủ hồ sơ thì nhà đầu tư sẽ nộp hồ sơ tại Văn phòng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh, đường D1, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9 (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần).

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận sẽ tiến hành hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận viết giấy biên nhận.

Bước 3: Sau khi có giấy biên nhận hẹn ngày nhận kết quả thì nhà đầu tư sẽ nhận kết quả tại bộ phận trả hồ sơ.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Bản đăng ký/đề nghị điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu).

2. Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất hoặc Giấy chứng nhận Ngân hàng);

3. Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của nhà đầu tư:

- *Đối với nhà đầu tư là tổ chức:* Bản sao công chứng Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác và kèm bản sao y chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện.

- *Đối với nhà đầu tư là cá nhân:* Bản sao công chứng hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân.

- *Lưu ý:* Các bản sao công chứng không quá 03 tháng, kể từ ngày công chứng.

4. Hợp đồng Liên doanh hoặc Hợp đồng Hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư giữa nhà đầu tư trong nước và nước ngoài (theo mẫu). Hợp đồng Liên doanh hoặc Hợp đồng Hợp tác kinh doanh do đại diện có thẩm quyền của các Bên liên doanh ký vào từng trang và ký đầy đủ vào cuối Hợp đồng;

5. Bản giải trình công nghệ, với nội dung bổ sung đầy đủ các góp ý (nếu có) đã được Hội đồng Khoa học Công nghệ thông qua.

6. Dự thảo Điều lệ công ty tương ứng mỗi loại hình doanh nghiệp và phải có đầy đủ chữ ký của các thành viên thành lập công ty;

7. Danh sách thành viên công ty ứng mỗi loại hình doanh nghiệp (theo mẫu);

8. Văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với công ty kinh doanh ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có vốn pháp định;

9. Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề đối với công ty kinh doanh ngành, nghề mà theo quy định của Pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ bản chính và 03 bộ bản sao

- **Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Lệ phí (nếu có):** Không có

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (Phụ lục I-3).

+ Hợp đồng Liên doanh hoặc Hợp đồng Hợp tác kinh doanh.

+ Danh sách thành viên công ty ứng mỗi loại hình doanh nghiệp.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Dự án phải đáp ứng các tiêu chí công nghệ cao về chi phí nghiên cứu phát triển, ngành, đào tạo,...

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- + Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006;
- + Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006;
- + Luật Kinh doanh bất động sản số 63/2006/QH11 ban hành ngày 12 tháng 7 năm 2006, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2007;
- + Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ban hành ngày 27 tháng 6 năm 2005, có hiệu lực thi hành 01 tháng 01 năm 2006;
- + Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008;
- + Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- + Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- + Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản;
- + Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;
- + Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;
- + Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp;
- + Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHHCN ngày 18 tháng 02 năm 2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành “quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao”;
- + Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam;
- + Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự thủ đăng ký kinh

doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

+ Quyết định số 71/QĐ-KCNC ngày 20 tháng 6 năm 2007 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực kể từ ngày ký, về việc ban hành Quy trình hướng dẫn thủ tục đầu tư vào Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh.

Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

Phụ lục I-3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ/ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ
(đối với trường hợp gắn với thành lập Doanh nghiệp)

Kính gửi: BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
TP. HỒ CHÍ MINH (SHTP)

Nhà đầu tư:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Chức vụ: Ngày sinh:

Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/hộ chiếu số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với trường hợp không có CMND/hộ chiếu (*tên giấy, số, ngày, nơi cấp*):

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện nay: Điện thoại:

Fax: Mail:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư/Quyết định thành lập

Số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Ngày sinh:

Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/hộ chiếu số: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với trường hợp không có CMND/hộ chiếu (*tên giấy, số, ngày, nơi cấp*)

Chức vụ:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện nay:..... Điện thoại:.....

Fax:..... Email:.....

Đăng ký thành lập tổ chức kinh tế để thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

I. Nội dung đăng ký thành lập doanh nghiệp:

1. Tên doanh nghiệp:

a) Tên bằng tiếng Việt:.....

b) Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....

c) Tên viết tắt nếu có:.....

2. Địa chỉ trụ sở chi nhánh:

✓ Số nhà/đường:

✓ Phố/xã:

✓ Phường/quận:.....

✓ Huyện/tỉnh:.....

✓ Thành phố:.....

Chi nhánh/văn phòng đại diện (nếu có):

✓ Số nhà/đường:

✓ Phố/xã:.....

✓ Phường/quận:.....

✓ Huyện/tỉnh:.....

✓ Thành phố:.....

3. Loại hình doanh nghiệp đăng ký thành lập:

4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

.....

5. Ngành nghề kinh doanh:

STT	Mã ngành	Tên ngành

6. Vốn của doanh nghiệp:.....

7. Vốn pháp định:

II. Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án đầu tư:

2. Địa điểm thực hiện dự án:

Diện tích đất dự kiến sử dụng:

3. Mục tiêu và quy mô của dự án:
4. Vốn đầu tư thực hiện dự án:
Trong đó: Vốn góp để thực hiện dự án:
5. Thời hạn hoạt động:.....
6. Tiến độ thực hiện dự án:.....
7. Kiến nghị được hưởng ưu đãi đầu tư:.....

III. Nhà đầu tư cam kết:

1. Về tính chính xác của nội dung hồ sơ đầu tư;
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đầu tư.

....., ngày tháng năm

NHÀ ĐẦU TƯ

Hồ sơ kèm theo:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**Independence - Freedom - Happiness***HỢP ĐỒNG LIÊN DOANH****JOINT VENTURE CONTRACT**

Căn cứ Luật Đầu tư tại Việt Nam và các văn bản pháp lý khác có liên quan, các Bên dưới đây đã ký Hợp đồng liên doanh để xin thành lập tại Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam một Doanh nghiệp liên doanh với nội dung như sau:

Based on the Investment Law in Vietnam and other relevant legal documents, the parties mentioned hereinafter have signed a joint venture contract to establish in the Socialist Republic of Vietnam a joint venture enterprise with the following contents and on the following terms:

A. Bên (các Bên) Việt Nam/ Vietnamese party(ies)**2. Tên Công ty:**.....

Name of company

2. Đại diện được ủy quyền:

Authorized representative:

Chức vụ / Title:**3. Trụ sở chính / Head office:****Điện thoại/ Telephone:**..... **Fax:**.....**4. Ngành, nghề kinh doanh chính/ Main business lines:**.....**5. Giấy phép thành lập công ty/ Certificate of incorporation no:****Đăng ký tại/ Registered at:****Ngày/ Date:**.....**B. Bên (các Bên) nước ngoài /Foreign party(ies):****1. Tên công ty hoặc cá nhân :**.....

Name of company or individual:

2. Đại diện được ủy quyền:

Authorized representative:

Chức vụ/ Title:

Quốc tịch /Nationality:

3. Trụ sở chính/ Head office:

Điện thoại / Telephone: **Fax:**.....

4. Ngành, nghề kinh doanh chính:

Main line of business:

5. Giấy phép thành lập công ty:.....

Certificate of incorporation no:

Đăng ký tại/ Registered at:

Ngày/ Date:.....

Ghi chú: Nếu một hoặc cả hai Bên liên doanh gồm nhiều thành viên, thì từng thành viên sẽ mô tả đầy đủ các chi tiết nêu trên; Mỗi Bên cần chỉ định đại diện được ủy quyền của mình.

(Note: If any of the joint venture parties comprises more than one member, each member shall provide in full the above details. Each party shall appoint an authorized representative...)

Điều 1/ Article 1:

1. Các Bên thỏa thuận thành lập một Doanh nghiệp liên doanh tại Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhằm mục đích:(mô tả các mục tiêu sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp liên doanh).

The parties agree to establish the joint venture enterprise in the Socialist Republic of Vietnam with the purpose of: (State in detail the objectives of production and business of the joint venture enterprise)

2. Tên Doanh nghiệp liên doanh là. . . . (tiếng Việt Nam), tên giao dịch (bằng tiếng nước ngoài thông dụng) của Doanh nghiệp liên doanh là

The name of the joint venture enterprise is :(in Vietnamese); the transaction name of the joint venture enterprise in a commonly foreign language is:

Điều 2 / Article 2:

1. Địa chỉ của Doanh nghiệp liên doanh

Address of the joint venture enterprise

- **Trụ sở chính/ Head office:**.....

- **Nhà máy/xưởng sản xuất chính:**

Main production factory/workshop

- **Chi nhánh (nếu có):**.....

Branch(es)

- **Văn phòng đại diện (nếu có):**

Representative office(s)

2. Năng lực sản xuất: Hàng hóa/dịch vụ vào năm sản xuất ổn định**Chia thành sản phẩm chính và phụ (nếu cần thiết)**

Production capacity: goods/services * in the year in which the production becomes stable.
 Split into main and auxiliary products (if necessary).

3. Sản phẩm của Doanh nghiệp liên doanh sẽ được tiêu thụ:

Products of the joint venture enterprise shall be marketed as follows

- **Tại thị trường Việt Nam:**% sản phẩm
 Vietnamese market: % of products
- **Tại thị trường nước ngoài:**% sản phẩm
 Foreign markets: % of product

4. Các cam kết chung khác của các Bên liên doanh trong việc thực hiện dự án:...

(tiến độ và nội dung thực hiện chương trình nội địa hóa đối với các sản phẩm cơ khí, điện, điện tử...).

Any other general undertaking of joint venture parties in relation to the implementation of the project such as the progress and the contents of the localization program for mechanical, electric and electronic products, and so forth.

Điều 3/ Article 3:**1. Tổng vốn đầu tư của Doanh nghiệp là:**

The total invested capital of the enterprise

2. Vốn đăng ký của Doanh nghiệp là:

The register capital of the enterprise

Trong đó:

To which

a. Bên Việt Nam góp/ The Vietnamese party contributes:

chiếm/ accounting for.....% vốn pháp định/ of legal capital, bằng/ comprising:

- **Tiền/ Cash:**.....

- **Giá trị máy móc, thiết bị:**

Value of equipment, machinery

- **Giá trị chuyển giao công nghệ (nếu có):.....**

Value of technology transfer (if any)

(kèm theo Hợp đồng chuyển giao công nghệ)

(Enclose technology transfer contract)

- **Giá trị quyền sử dụng đất, nhà xưởng hoặc các khoản góp vốn khác**

Value of the land use right, factory, or other contributions

b. Bên nước ngoài góp/ The foreign party contributes:....., chiếm/

accounting for.....% vốn đăng ký / of register capital, bằng/ comprising:

- **Tiền/ Cash:**.....

- **Giá trị máy móc, thiết bị:**

Value of equipment, machinery

- **Giá trị chuyển giao công nghệ (nếu có):.....**

Value of technology transfer (if any)

(kèm theo Hợp đồng chuyển giao công nghệ)

(Enclose technology transfer contract)

- Các khoản góp vốn khác theo Luật Đầu tư nước ngoài

Other contributions in accordance with the Law on Foreign Investment

(Trường hợp Doanh nghiệp liên doanh gồm nhiều Bên, trình bày chi tiết tỷ lệ, phương thức góp vốn của từng Bên).

(In case of a multi-party joint venture describe in detail the capital contribution percentage and method of contribution by each party.)

3. Vốn vay/ Loans:

(Nêu chi tiết về quy mô; Bên chịu trách nhiệm thu xếp vốn vay; các điều kiện vay trả, bảo lãnh.)

(Describe in detail the scale; the party responsible for arranging the loans; the conditions of loans, repayment, guarantee, and so forth.)

Điều 4/ Article 4:

Các Bên cam kết góp vốn đầy đủ theo đúng tiến độ như sau:

The parties undertake to contribute their respective capital contributions fully and on time as follows

(miêu tả chi tiết tiến độ góp vốn của từng Bên).

(Describe in detail the schedule for capital contribution by each party.)

Điều 5/ Article 5:

Bên nào không có khả năng hoàn thành tiến độ góp vốn như đã cam kết tại Điều 4 thì Bên đó phải thông báo cho (các) Bên kia lý do và biện pháp xử lý trước. . . . ngày và phải bồi thường những thiệt hại cho (các) Bên kia nếu có, mức bồi thường do các Bên thỏa thuận, trường hợp không thỏa thuận được sẽ do cơ quan xét xử hoặc Trọng tài quy định tại Điều 10 Hợp đồng này quyết định.

Any party unable to complete the capital contribution schedule as agreed in article 4 shall have to inform the other party(ies) of the reasons therefore and the measures to be taken by the party in order to resolve the situation ...(days) in advance and shall provide compensation to the other party(ies) for losses (if any). The compensation rate shall be agreed by the parties; in case of disagreement, the decision shall be made by the judicial body or arbitration organization stipulated in article 10 of this contract.

Điều 6/ Article 6:

Thời hạn Hợp đồng liên doanh này là. . . . năm kể từ ngày được cấp Giấy Phép đầu tư. Bất kỳ sự thay đổi nào về thời hạn phải được các Bên thỏa thuận và báo cáo cơ quan cấp Giấy Phép đầu tư xem xét chuẩn y.

The duration of this joint venture contract is.... years, commencing from the date of issuance of the investment registration certificate. Any changes to this duration must be agreed by all parties and reported to the investment registration certificate - issuing body for consideration and approval.

Điều 7/ Article 7:

Kể từ ngày được cấp Giấy phép đầu tư, dự án này được thực hiện theo tiến độ sau:
Commencing from the date of issuance the investment registration certificate, this contract shall be implemented following the schedule below:

1. Khởi công xây dựng: : từ tháng thứ.

Construction: from month

2. Lắp đặt thiết bị: từ tháng thứ.

Equipment installation: from month

3. Vận hành thử: từ tháng thứ.

Trial operation: from month

4. Sản xuất chính thức: từ tháng thứ.

Official production: from month

Điều 8/ Article 8:

Trách nhiệm khác của các Bên liên doanh được quy định như sau:.....

Other responsibilities of joint venture parties are stipulated as follows

(Phân định rõ trách nhiệm của từng Bên trong việc xin cấp giấy phép đầu tư, thuê đất, cung ứng điện, nước, tài chính, vật liệu xây dựng, thiết bị, công nghệ, thị trường, quản lý, đào tạo. . .)

(Allocate clearly the responsibilities of each party in the application for the investment license, entry visas, land rent, supply of electric power and water, finance, building materials, equipment, technology, markets, management, training, and so forth)

Điều 9/ Article 9:

Sau khi hoàn thành mọi nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam, các Bên chia lợi nhuận và chịu rủi ro của Doanh nghiệp liên doanh theo tỷ lệ góp vốn của mỗi Bên (trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác phù hợp với pháp luật Việt Nam được quy định trong Hợp đồng liên doanh).

(Ghi rõ tỷ lệ chia lợi nhuận và rủi ro cho từng Bên liên doanh).

After fulfilling all financial obligations to the State of Vietnam, the remaining profits and losses of the joint venture enterprise shall be shared in proportion to the capital contribution of each party, except where otherwise agreed by the parties in accordance with the law of Vietnam and provided for in the joint venture contract. The percentage of profits and losses shared by each joint venture party shall be specified.

Điều 10/ Article 10:

Tranh chấp giữa các Bên có liên quan, hoặc phát sinh từ Hợp đồng trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trong trường hợp các Bên tranh chấp vẫn không thỏa thuận được với nhau thì vụ tranh chấp sẽ được đưa ra. . . . (ghi rõ tên và địa chỉ tòa án hoặc tổ chức trọng tài).

Any disputes between the parties related to or arising from the contract shall be resolved first through negotiation and conciliation. In cases where the parties in dispute cannot agree with each other, the dispute shall be referred to.....(*State clearly the name and address of the court or arbitration organization*).

Quyết định của. . . . (tổ chức trên) là chung thẩm và các Bên sẽ phải tuân theo

The decision of ... (above organization)... shall be final and binding on the parties.

Điều 11/ Article 11:

Doanh nghiệp liên doanh có thể chấm dứt hoạt động, giải thể doanh nghiệp trong các trường hợp sau:

The joint venture enterprise may terminate its operations or dissolve the enterprise in the following cases:

Điều 12/ Article 12:

Các Bên liên doanh có quyền chuyển nhượng giá trị phần vốn của mình trong Doanh nghiệp liên doanh theo các quy định tại điều lệ doanh nghiệp và theo quy định của Luật doanh nghiệp, luật đầu tư.

The joint venture parties may assign the value of their respective contributed capital in the contract as stipulated in the charter and in the enterprise Law, in the Investment Law.

Điều 13/ Article 13:

Mọi điều khoản khác có liên quan không được quy định cụ thể tại Hợp đồng liên doanh này sẽ được các Bên thực hiện theo pháp luật Việt Nam và Giấy chứng nhận đầu tư.

All other related terms that are not stipulated in this joint venture contract shall be implemented by the parties in accordance with the law of Vietnam and the investment license.

Điều 14/ Article 14:

Hợp đồng liên doanh này có thể được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị và thông báo cho Ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh trước khi thực hiện.

The joint venture contract may be supplemented and/or amended in accordance with the resolution of the board of management and subject to approval by the Saigon Hi-tech Park prior to the implementation (*of such amendment and/or addition*)

Điều 15/ Article 15:

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

This contract shall take effect as of the date of issuance of the investment registration certificate.

Điều 16/ Article 16:

Hợp đồng liên doanh này được ký ngày. . . tại., gồm. . . bản gốc bằng tiếng Việt Nam và bằng tiếng. (tiếng nước ngoài thông dụng). Cả hai bản tiếng Việt Nam và tiếng. đều có giá trị pháp lý như nhau.

This joint venture contract is signed at.. (location)...on.... (date)...in....originals in Vietnamese and in....(a commonly used foreign language). Both versions shall be of equal legal validity.

Đại diện

Bên (các Bên) nước ngoài
FOREIGN PARTY(IES)
(Ký tên, chức vụ và dấu)
(Signature and seal)

Đại diện

Bên (các Bên) Việt Nam
VIETNAMESE PARTY(IES)
(Ký tên, chức vụ và dấu)
(Signature and seal)

Trường hợp có nhiều Bên: từng Bên sẽ ký, ghi rõ chức vụ người đại diện ký và đóng dấu (nếu có).

Where there are several parties, state the name of each party and affix the appropriate seal (if any).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

**HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH****BUSINESS CO-OPERATION CONTRACT**

Căn cứ Luật Đầu tư tại Việt Nam và các văn bản pháp lý khác có liên quan, các Bên dưới đây mong muốn được tiến hành hoạt động đầu tư tại Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo hình thức Hợp đồng hợp tác kinh doanh với nội dung và phạm vi được quy định trong Hợp đồng này như sau:

Pursuant to the Investment Law in Vietnam and other relevant legal instruments, the parties mentioned hereinafter wish to carry out investment activities in the Socialist Republic of Vietnam in the form of a business co-operation contracts as outlined in the contents and scope of this business co-operation contract.

A. Bên (các Bên) Việt Nam:**A. Vietnamese party(ies):**

1. Tên Công ty / *Company name*:
2. Đại diện được ủy quyền / *Authorized representative*:
- Chức vụ / *Title*:
3. Trụ sở chính / *Head office*:
- Điện thoại / *Telephone*:
- Fax:
4. Ngành, nghề kinh doanh chính/ *Main business line(s)*
5. Giấy phép thành lập công ty / *Certificate of incorporation No*:
- Đăng ký tại / *Register at*:
- Ngày / *Date*:

B. Bên (các Bên) nước ngoài:**B. Foreign party(ies):**

1. Tên công ty hoặc cá nhân / *Name of company or individual*.....
2. Đại diện được ủy quyền / *Authorized representative*:
- Chức vụ / *Title*:
- Quốc tịch / *Nationality*:

Địa chỉ thường trú / *Permanet address*:

3. Trụ sở chính / *Head office*:

Điện thoại / *Telephone*: Fax:

4. Ngành, nghề kinh doanh chính/ *Main business lines*:

5. Giấy phép thành lập công ty / *Certifiaace of incoporation No*:

Đăng ký tại / *Registered at*:

Ngày / *Date*:

Ghi chú: Nếu một hoặc cả hai Bên liên doanh gồm nhiều thành viên, thì từng thành viên sẽ mô tả đầy đủ các chi tiết nêu trên; Mỗi Bên cần chỉ định đại diện được ủy quyền của mình.

(Note: If either contracting party comprises more than one member, then each member shall provide all above details. Each party needs to appoint its own authorized representative.)

Cùng thỏa thuận ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh này với các điều khoản và điều kiện sau đây:

Hereby agree to sign this Business Co-operation Contract with the following terms and conditions:

Điều 1/Article 1:

Mục tiêu hợp tác kinh doanh trên cơ sở Hợp đồng.

Objectives of business co-operation on the basis of a contract:

(mô tả chi tiết nội dung và phạm vi hợp tác kinh doanh)

(State in detail a clear description of the proposed content and scope of business co-operation)

Điều 2/ Article 2:

1. Địa điểm thực hiện / *Location*:

2. Năng lực sản xuất: Hàng hóa/dịch vụ vào năm sản xuất ổn định

Product capacity: goods/services in the stabilized production year

○ *(Chia thành sản phẩm chính và phụ - nếu cần thiết)*

○ *Split into main and auxiliary products(if necessary)*

3. Sản phẩm của Hợp đồng hợp tác kinh doanh này sẽ được tiêu thụ:

Product(s) of this Cooperation contract shall be marketed as follows:

○ *Tại thị trường Việt Nam/Vietnamese market: % sản phẩm/% of products*

○ *Tại thị trường nước ngoài/Foreign market: % sản phẩm/% of products*

4. Văn phòng điều hành của Bên nước ngoài (nếu có).....

Operating office (if any):

Địa chỉ/ *Address*:.....

Điện thoại/ *Telephone*:..... Fax:.....

Điều 3/ Article 3:

Trách nhiệm của các Bên hợp doanh trong việc góp vốn để thực hiện Hợp đồng:

Responsibilities of business co-operation parties to contribute capital for the implementation of the contracts:

a) Bên (các Bên) Việt Nam: góp..... bằng.....

(quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, nguyên vật liệu, bộ phận rời, linh kiện, tiền mặt, các chi phí khác...)

Then Vietnamese party(ies) shall contribute.....in the form of.....(the land use right, machinery and equipment, raw materials, spare parts, components, cash, other costs....)

b) Bên (các Bên) nước ngoài: góp bằng.....

(máy móc thiết bị, nguyên vật liệu, bộ phận rời, linh kiện, tiền nước ngoài, các chi phí khác...)

The foreign party(ies) shall contribute.....in the form of.....(machinery and equipment, , raw materials, spare parts, components, cash, other costs....)

Nếu vào thời điểm đóng góp thực tế, những giá trị trên đây thay đổi so với giá trị hiện tại thì các Bên phải thỏa thuận về những sửa đổi đó và báo cáo Ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh xem xét và chuẩn y.

At the time when the actual contribution is made, if the projected values shown above differ from the actual contributes values, the two parties must reach an agreement on the differences and report same to the Saigon Hi-tech Park for consideration and approval.

Trong trường hợp một Bên không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ như đã thỏa thuận thì Bên đó phải thông báo cho các Bên kia biết lý do và những biện pháp xử lý trước . . . ngày. Thiệt hại thực tế và chính đáng do sự chậm trễ hay không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của một Bên gây ra, sẽ được bồi thường theo thỏa thuận của các Bên; trong trường hợp không thỏa thuận được thì sẽ do cơ quan xét xử hoặc trọng tài quy định tại Điều 10 Hợp đồng này quyết định.

Where one of the parties is unable to fulfill its responsibilities as agreed, that party must inform the other party withindays of the reasons as well as the measures to be taken to remedy the situation. The actual and legitimate losses caused by any delay or inability of one party to carry out its responsibility(ies) must be compensated for as mutually agreed; in cases of disagreement, the decision shall be made by the judicial body or arbitration organization stipulated in article 10 of this contract.

Điều 4/Article 4:

Các trách nhiệm, nghĩa vụ khác của các Bên trong việc thực hiện Hợp đồng/*Other duties and responsibilities of the parties in the implementation of the contract:*

- Bên Việt Nam/*Vietnamese party(ies):*.....

- Bên nước ngoài/*Foreign party(ies):*.....

(Quy định cụ thể Bên chịu trách nhiệm, thời hạn hoàn thành. . . trong từng việc như tổ chức và quản lý sản xuất, quản lý kỹ thuật và công nghệ, mua sắm thiết bị, nguyên liệu, tiêu thụ sản phẩm. . .).

(State in detail the party bearing the responsibilities for, and the time-limit for, completion of each jobs, such as organization and management of production, technical and technology control, purchase of equipment, raw materials, consumption of products, and so forth).

Điều 5/Article 5:

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các Bên thỏa thuận cơ chế giám sát như sau:....

During the implementation of the contract, the parties agree on the following supervision mechanism:

(Miêu tả cụ thể cơ chế, trong đó có thể thành lập Ban điều phối, Văn phòng điều hành của Bên nước ngoài bao gồm phương thức thành lập, hoạt động, quyền hạn, trách nhiệm...).

(Describe in detail the mechanism whereby a co-ordination board and operating office may be established and the method of establishment, activities, authority, responsibilities, and so forth).

Điều 6/Article 6:

Thời hạn Hợp đồng này là. năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Bất kỳ sự thay đổi nào về thời hạn của Hợp đồng phải được các Bên thỏa thuận và báo cáo xem xét và chuẩn y.

The duration of this contract is.....years from the date of issuance of the investment registration certificate. Any changes to the duration of the contract must be agreed by the parties and reported to the investment registration certificate issuing-body for consideration and approval.

Nếu một Bên hợp doanh muốn kéo dài thời hạn Hợp đồng ngoài thời hạn đã được thỏa thuận phải thông báo cho (các) Bên kia ít nhất là. tháng trước ngày Hợp đồng hết hạn. Nếu các Bên thỏa thuận kéo dài thời hạn Hợp đồng thì phải báo cáo Ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh xem xét trong thời hạn ít nhất là 6 tháng trước khi hết hạn Hợp đồng.

Any of the business co-operation parties wishing to extend the agreed duration of the contract must so inform the other party at least.....months prior to the expiry of the contract. If the parties agree to the extension of the contract, they must submit an application for consideration by the SHTP at least six months prior to the expiry of the contract.

If all conditions for termination of the contract in which are stipulated in the contract cannot be implemented, the contract shall remain in effect regardless of the expiry of the contract, provided that the extended duration of the contract is approved by the investment registration certificate - issuing body.

Điều 7/Article 7:

Kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đầu tư, Hợp đồng này được thực hiện theo tiến độ sau:

The schedule for implementing this contract from the date of issuance of the investment registration certificate shall be as follows:

1. Khởi công xây dựng: từ tháng thứ.

Construction: from month.....to month.....

2. Lắp đặt thiết bị: từ tháng thứ.

Equipment installation: from month.....to month.....

3. Vận hành thử: từ tháng thứ.

Trial operation: from month.....to month....

4. Sản xuất chính thức: từ tháng thứ.

Official production: from month.....

Điều 8/Article 8:

1. (các Bên) nước ngoài thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư. (ghi rõ phương thức nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của Bên nước ngoài: nộp trực tiếp, Bên Việt Nam nộp hộ v.v...).

The foreign party(ies) must fully carry out its/their tax obligations and other financial obligation as stipulated in the investment license. (State clearly the method of paying profits tax and the profit remittance tax of the foreign party(ies): via direct payment, via the Vietnamese party(ies), and so forth).

2. (Các) Bên Việt Nam thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật áp dụng đối với Doanh nghiệp trong nước và các quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư.

The Vietnamese party (ies) shall fully carry out its/their taxation obligations and other financial obligations in accordance with the laws applicable to domestic enterprises and the provisions stipulated in the investment license.

Lưu ý: cần xác định rõ Bên chịu trách nhiệm nộp các loại thuế chung liên quan đến thực hiện Hợp đồng như thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng. . .

(Note: The party responsible for paying the general taxes related to the implementation of the contract such as export duties, import duties, turnover tax....should be clearly defined.)

Điều 9/Article 9:

Các Bên tham gia Hợp đồng thỏa thuận chi sản phẩm và / hoặc lợi nhuận, các khoản lỗ thông qua việc thực hiện Hợp đồng như sau:

The contracting parties agree to share products and/or profits losses from the implementation of the contract as follows:

○ (các) Bên Việt Nam (ghi rõ từng Bên, nếu cần thiết)

Vietnamese party(ies) : (State clearly each party, if necessary)

○ (các Bên) nước ngoài (ghi rõ từng Bên, nếu cần thiết)

Foreign party(ies): (State clearly each party, if necessary)

Điều 10/Article 10:

Tranh chấp giữa các Bên có liên quan, hoặc phát sinh từ Hợp đồng trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trong trường hợp các Bên tranh chấp vẫn không thỏa thuận được với nhau thì vụ tranh chấp sẽ được đưa ra. . . (ghi rõ tên và địa chỉ Tòa án hoặc tổ chức trọng tài).

Any disputes among the parties related to or arising from the contract must first be resolved through negotiation and conciliation. In case of continued disagreement, the disputes shall be referred to.....(clearly state name and address of court or arbitration organization).

Quyết định của. . . (tổ chức trên) là chung thẩm và các Bên phải tuân theo.

The decision of.....(name of above organization)..shall be final and binding on both parties.

Điều 11/Article 11:

Các Bên có quyền chuyển nhượng giá trị phần vốn của mình trong Hợp đồng, theo các quy định tại Luật Đầu tư và các điều khoản liên quan của Nghị định số 108/NĐ-CP của Chính phủ.

The parties may assign the value of their respective capital contributions in the contract as stipulated in the Investment law and Degree 108/ND-CP.

Điều 12/Article 12:

Hợp đồng hợp tác kinh doanh này có thể chấm dứt hoạt động trước thời hạn và / hoặc kết thúc trong các trường hợp sau:

This business co-operation contract may be terminated prior to the expiry of its duration or terminate in the following cases:

Điều 13/Article 13:

Khi Hợp đồng hết hạn, các Bên thỏa thuận việc thanh lý các tài sản liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của các Bên trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

Upon expiry of the contract, the parties agree on the liquidation of the assets relating to their rights and responsibilities in the business co-operation contract as follows:

(Mô tả chi tiết các điều kiện có liên quan đến quyền hạn, nghĩa vụ, tài sản. . . phù hợp với các quy định tại Luật Đầu tư và các điều khoản liên quan của Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ).

(Describe in detail the condition in respect of each party's rights, responsibilities, assets, and so forth, in conformity with the spirit of the Law on Investment and relevant provisions of the Decree.)

Điều 14/Article 14:

Mọi điều khoản khác có liên quan không được quy định cụ thể tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh này sẽ được các Bên thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và của Giấy chứng nhận đầu tư.

All other terms relating to the business co-operation contract but not specifically provided for in this business co-operation contract shall be implemented by the parties in accordance with the provisions of the law of Vietnam and of the investment license.

Điều 15/Article 15:

Hợp đồng hợp tác kinh doanh này có thể được sửa đổi, bổ sung sau khi có thỏa thuận bằng văn bản giữa các Bên và phải được cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư chuẩn y trước khi thực hiện.

This business co-operation contract may be supplemented and/or amended pursuant to a written agreement between the parties and must be approved by the investment license issuing body prior to being implemented.

Điều 16/Article 16:

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

This contract shall take effect from the date of issuance of the investment registration certificate.

Điều 17/Article 17:

Hợp đồng hợp tác kinh doanh này được ký ngày., tại., gồm . . . bản gốc bằng tiếng Việt Nam và bằng tiếng. (tiếng nước ngoài thông dụng). Cả hai bản tiếng Việt Nam và tiếng. đều có giá trị pháp lý như nhau.

This contract is signed at....(location)....on.....(date).....inoriginals in Vietnamese and in.....(a commonly used foreign language).....Both the Vietnamese version and the.....version shall be of equal validity.

Đại diện

Bên (các Bên) nước ngoài

(Ký tên, chức vụ và dấu)

FOREIGN PARTY

(Signature, title and seal)

Đại diện

Bên (các Bên) Việt Nam

(Ký tên, chức vụ và dấu)

VIETNAMESE PARTY

(Signature, title and seal)

Ban hành kèm Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

Phụ lục I-8

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN ĐỐI VỚI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
CÓ TỪ HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Số TT	Tên thành viên sáng lập	Địa chỉ	Quyết định thành lập	Vốn góp			Chữ ký của thành viên	Ghi chú
				Tổng giá trị vốn góp	Phương thức góp vốn	Thời điểm góp vốn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

....., ngày tháng năm

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Cột (2) Thành viên là cá nhân: Họ và tên/ngày sinh/Giới tính /Quốc tịch

Cột (3) Địa chỉ: Thành viên là cá nhân: Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú

Đối với thành viên là tổ chức: địa chỉ trụ sở chính

Cột (4) Đối với thành viên sáng lập là cá nhân: Số, ngày, nơi cấp Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân

Đối với thành viên sáng lập là pháp nhân: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác

Cột (6) Phương thức góp vốn: liệt kê tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

Ban hành kèm Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

Phụ lục I-9

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP ĐỐI VỚI CÔNG TY CỔ PHẦN

Số TT	Tên Cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Quyết định thành lập	Vốn góp						Thời điểm góp vốn	Chữ ký của cổ đông sáng lập
				Tổng số cổ phần		Loại cổ phần					
						Phổ thông				
				Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

....., ngày tháng năm

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Cột (2) Cổ đông sáng lập là cá nhân : Họ và tên/ngày sinh/Giới tính /Quốc tịch

Cột (3) Địa chỉ: Cổ đông sáng lập là cá nhân: nơi đăng ký hộ khẩu thường trú
Cổ đông sáng lập là pháp nhân: địa chỉ trụ sở chính

Cột (4) Đối với cổ đông sáng lập là cá nhân: Số, ngày, nơi cấp Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân

Đối với cổ đông sáng lập là pháp nhân: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác

Ban hành kèm Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

Phụ lục I-10

DANH SÁCH THÀNH VIÊN SÁNG LẬP ĐỐI VỚI CÔNG TY HỢP DANH

Số TT	Tên thành viên	Địa chỉ	Quyết định thành lập	Nghề nghiệp, trình độ chuyên môn của thành viên hợp danh	Vốn góp			Chữ ký của thành viên	Ghi chú
					Tổng giá trị vốn góp	Phần vốn góp	Thời điểm góp vốn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

....., ngày tháng năm

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Cột (2) Thành viên là cá nhân : Họ và tên/ngày sinh/Giới tính /Quốc tịch

Cột (3) Địa chỉ: Thành viên là cá nhân: Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú

Đối với thành viên là tổ chức: địa chỉ trụ sở chính

Cột (4) Đối với thành viên sáng lập là cá nhân: Số, ngày, nơi cấp Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân

Đối với thành viên sáng lập là pháp nhân: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác

Cột (6) Phương thức góp vốn: liệt kê tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

15. Thủ tục Thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư cho dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng chính phủ

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Bước 2: Sau khi chuẩn bị đầy đủ hồ sơ thì nhà đầu tư sẽ nộp hồ sơ tại VP Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh, đường D1, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9 (Trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận sẽ tiến hành hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ;

+ Nếu hồ sơ đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận viết giấy biên nhận.

Bước 3: Sau khi có giấy biên nhận hẹn ngày nhận kết quả thì nhà đầu tư sẽ nhận kết quả tại bộ phận trả hồ sơ.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Bản sao Quyết định của Thủ tướng đồng ý về nguyên tắc cho phép dự án được triển khai tại Khu Công nghệ cao TP.HCM;

2. Bản sao Quyết định của UBND TP đồng ý cho phép dự án được triển khai tại Khu Công nghệ cao TP.HCM;

3. Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu);

4. Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất hoặc Giấy chứng nhận Ngân hàng);

5. Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của nhà đầu tư:

- *Đối với nhà đầu tư là tổ chức:* Bản sao công chứng Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD hoặc các tài liệu tương đương khác và kèm bản sao y CMND, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện.

- *Đối với nhà đầu tư là cá nhân:* Bản sao công chứng hộ chiếu hoặc CMND.

- *Lưu ý:* Các bản sao công chứng không quá 03 tháng, kể từ ngày công chứng.

6. Hợp đồng Liên doanh hoặc Hợp đồng Hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư giữa nhà đầu tư trong nước và nước ngoài (theo mẫu). Hợp đồng Liên doanh

hoặc Hợp đồng Hợp tác kinh doanh do đại diện có thẩm quyền của các Bên liên doanh ký vào từng trang và ký đầy đủ vào cuối Hợp đồng;

7. Bản giải trình công nghệ, với nội dung bổ sung đầy đủ các góp ý (nếu có) đã được Hội đồng Khoa học Công nghệ thông qua;

8. Bản Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng khi tham gia thị trường (theo quy định đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện);

9. Giải trình kinh tế - kỹ thuật gồm các nội dung theo mẫu (theo mẫu);

10. Dự thảo Điều lệ công ty tương ứng mỗi loại hình doanh nghiệp và phải có đầy đủ chữ ký của các thành viên thành lập công ty;

11. Danh sách thành viên công ty ứng mỗi loại hình doanh nghiệp (theo mẫu);

12. Văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với công ty kinh doanh ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có vốn pháp định;

13. Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề đối với công ty kinh doanh ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ gốc và 03 bộ sao.

- **Thời hạn giải quyết:** 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): các Bộ, ngành có liên quan.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận .

- **Lệ phí (nếu có):** Không có.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (Phụ lục I-3).

+ Hợp đồng Liên doanh hoặc Hợp đồng Hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư giữa nhà đầu tư trong nước và nước ngoài.

+ Giải trình kinh tế - kỹ thuật.

+ Danh sách thành viên công ty ứng mỗi loại hình doanh nghiệp

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Dự án phải đáp ứng các tiêu chí công nghệ cao về chi phí nghiên cứu phát triển, ngành, đào tạo,...

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006;

+ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006;

+ Luật Kinh doanh bất động sản số 63/2006/QH11 ban hành ngày 12 tháng 7 năm 2006, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2007;

+ Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ban hành ngày 27 tháng 6 năm 2005, có hiệu lực thi hành 01 tháng 01 năm 2006;

+ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008;

+ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

+ Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;

+ Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản;

+ Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

+ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

+ Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp;

+ Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHCN ngày 18 tháng 02 năm 2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành “quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao”;

+ Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế

hoạch và Đầu tư về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam;

+ Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự thủ đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

+ Quyết định số 71/QĐ-KCNC ngày 20 tháng 6 năm 2007 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh, có hiệu lực kể từ ngày ký, về việc ban hành quy trình hướng dẫn thủ tục đầu tư vào Khu Công nghệ cao Tp Hồ Chí Minh.

Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

Phụ lục I-3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ/ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ
(đối với trường hợp gắn với thành lập Doanh nghiệp)

Kính gửi: BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
TP. HỒ CHÍ MINH (SHTP)

Nhà đầu tư:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Chức vụ: Ngày sinh:

Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/hộ chiếu số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với trường hợp không có CMND/hộ chiếu (*tên giấy, số, ngày, nơi cấp*):

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện nay: Điện thoại:

Fax: Mail:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư/Quyết định thành lập

Số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Ngày sinh:

Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/hộ chiếu số: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với trường hợp không có CMND/hộ chiếu (*tên giấy, số, ngày, nơi cấp*)

Chức vụ:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện nay:..... Điện thoại:.....

Fax:..... Email:.....

Đăng ký thành lập tổ chức kinh tế để thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

I. Nội dung đăng ký thành lập doanh nghiệp:

1. Tên doanh nghiệp:

d) Tên bằng tiếng Việt:.....

e) Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....

f) Tên viết tắt nếu có:.....

2. Địa chỉ trụ sở chi nhánh:

✓ Số nhà/đường:

✓ Phố/xã:

✓ Phường/quận:.....

✓ Huyện/tỉnh:.....

✓ Thành phố:.....

Chi nhánh/văn phòng đại diện (nếu có):

✓ Số nhà/đường:

✓ Phố/xã:.....

✓ Phường/quận:.....

✓ Huyện/tỉnh:.....

✓ Thành phố:.....

8. Loại hình doanh nghiệp đăng ký thành lập:

9. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

.....

10. Ngành nghề kinh doanh:

STT	Mã ngành	Tên ngành

11. Vốn của doanh nghiệp:.....

12. Vốn pháp định:

II. Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án đầu tư:

2. Địa điểm thực hiện dự án:

Diện tích đất dự kiến sử dụng:

3. Mục tiêu và quy mô của dự án:
4. Vốn đầu tư thực hiện dự án:
Trong đó: Vốn góp để thực hiện dự án:
5. Thời hạn hoạt động:.....
6. Tiến độ thực hiện dự án:.....
7. Kiến nghị được hưởng ưu đãi đầu tư:.....

III. Nhà đầu tư cam kết:

1. Về tính chính xác của nội dung hồ sơ đầu tư;
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đầu tư.

....., ngày tháng năm

NHÀ ĐẦU TƯ

Hồ sơ kèm theo:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**Independence - Freedom - Happiness***HỢP ĐỒNG LIÊN DOANH****JOINT VENTURE CONTRACT**

Căn cứ Luật Đầu tư tại Việt Nam và các văn bản pháp lý khác có liên quan, các Bên dưới đây đã ký Hợp đồng liên doanh để xin thành lập tại Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam một Doanh nghiệp liên doanh với nội dung như sau:

Based on the Investment Law in Vietnam and other relevant legal documents, the parties mentioned hereinafter have signed a joint venture contract to establish in the Socialist Republic of Vietnam a joint venture enterprise with the following contents and on the following terms:

A. Bên (các Bên) Việt Nam/ Vietnamese party(ies)

3. Tên Công ty:.....

Name of company

2. Đại diện được ủy quyền:

Authorized representative:

Chức vụ / Title:

3. Trụ sở chính / Head office:

Điện thoại/ Telephone:..... **Fax:**.....

4. Ngành, nghề kinh doanh chính/ Main business lines:.....

5. Giấy phép thành lập công ty/ Certificate of incorporation no:

Đăng ký tại/ Registered at:

Ngày/ Date:.....

B. Bên (các Bên) nước ngoài /Foreign party(ies):

1. Tên công ty hoặc cá nhân :.....

Name of company or individual:

2. Đại diện được ủy quyền:

Authorized representative:

Chức vụ/ Title:

Quốc tịch /Nationality:

3. Trụ sở chính/ Head office:

Điện thoại / Telephone: **Fax:**.....

4. Ngành, nghề kinh doanh chính:

Main line of business:

5. Giấy phép thành lập công ty:.....

Certificate of incorporation no:

Đăng ký tại/ Registered at:

Ngày/ Date:.....

Ghi chú: Nếu một hoặc cả hai Bên liên doanh gồm nhiều thành viên, thì từng thành viên sẽ mô tả đầy đủ các chi tiết nêu trên; Mỗi Bên cần chỉ định đại diện được ủy quyền của mình.

(Note: If any of the joint venture parties comprises more than one member, each member shall provide in full the above details. Each party shall appoint an authorized representative...)

Điều 1/ Article 1:

1. Các Bên thỏa thuận thành lập một Doanh nghiệp liên doanh tại Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhằm mục đích: (mô tả các mục tiêu sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp liên doanh).

The parties agree to establish the joint venture enterprise in the Socialist Republic of Vietnam with the purpose of: (State in detail the objectives of production and business of the joint venture enterprise)

2. Tên Doanh nghiệp liên doanh là. . . . (tiếng Việt Nam), tên giao dịch (bằng tiếng nước ngoài thông dụng) của Doanh nghiệp liên doanh là

The name of the joint venture enterprise is :(in Vietnamese); the transaction name of the joint venture enterprise in a commonly foreign language is:

Điều 2 / Article 2:

1. Địa chỉ của Doanh nghiệp liên doanh

Address of the joint venture enterprise

- **Trụ sở chính/ Head office:**.....

- **Nhà máy/xưởng sản xuất chính:**

Main production factory/workshop

- **Chi nhánh (nếu có):**.....

Branch(es)

- **Văn phòng đại diện (nếu có):**

Representative office(s)

2. Năng lực sản xuất: Hàng hóa/dịch vụ vào năm sản xuất ổn định**Chia thành sản phẩm chính và phụ (nếu cần thiết)**

Production capacity: goods/services * in the year in which the production becomes stable.
Split into main and auxiliary products (if necessary).

3. Sản phẩm của Doanh nghiệp liên doanh sẽ được tiêu thụ:

Products of the joint venture enterprise shall be marketed as follows

- **Tại thị trường Việt Nam:**.....% sản phẩm
Vietnamese market: % of products
- **Tại thị trường nước ngoài:**% sản phẩm
Foreign markets: % of product

4. Các cam kết chung khác của các Bên liên doanh trong việc thực hiện dự án:...**(tiến độ và nội dung thực hiện chương trình nội địa hóa đối với các sản phẩm cơ khí, điện, điện tử...).**

Any other general undertaking of joint venture parties in relation to the implementation of the project such as the progress and the contents of the localization program for mechanical, electric and electronic products, and so forth.

Điều 3/ Article 3:**1. Tổng vốn đầu tư của Doanh nghiệp là:**

The total invested capital of the enterprise

2. Vốn đăng ký của Doanh nghiệp là:

The register capital of the enterprise

Trong đó:

To which

a. Bên Việt Nam góp/ The Vietnamese party contributes:

chiếm/ accounting for.....% vốn pháp định/ of legal capital, bằng/ comprising:

- **Tiền/ Cash:**.....- **Giá trị máy móc, thiết bị:**

Value of equipment, machinery

- **Giá trị chuyển giao công nghệ (nếu có):.....**

Value of technology transfer (if any)

(kèm theo Hợp đồng chuyển giao công nghệ)**(Enclose technology transfer contract)**- **Giá trị quyền sử dụng đất, nhà xưởng hoặc các khoản góp vốn khác**

Value of the land use right, factory, or other contributions

b. Bên nước ngoài góp/ The foreign party contributes:....., chiếm/

accounting for.....% vốn đăng ký / of register capital, bằng/ comprising:

- **Tiền/ Cash:**.....- **Giá trị máy móc, thiết bị:**

Value of equipment, machinery

- **Giá trị chuyển giao công nghệ (nếu có):.....**

Value of technology transfer (if any)

(kèm theo Hợp đồng chuyển giao công nghệ)**(Enclose technology transfer contract)**

- Các khoản góp vốn khác theo Luật Đầu tư nước ngoài

Other contributions in accordance with the Law on Foreign Investment

(Trường hợp Doanh nghiệp liên doanh gồm nhiều Bên, trình bày chi tiết tỷ lệ, phương thức góp vốn của từng Bên).

(In case of a multi-party joint venture describe in detail the capital contribution percentage and method of contribution by each party.)

3. Vốn vay/ Loans:

(Nêu chi tiết về quy mô; Bên chịu trách nhiệm thu xếp vốn vay; các điều kiện vay trả, bảo lãnh.)

(Describe in detail the scale; the party responsible for arranging the loans; the conditions of loans, repayment, guarantee, and so forth.)

Điều 4/ Article 4:

Các Bên cam kết góp vốn đầy đủ theo đúng tiến độ như sau:

The parties undertake to contribute their respective capital contributions fully and on time as follows

(miêu tả chi tiết tiến độ góp vốn của từng Bên).

(Describe in detail the schedule for capital contribution by each party.)

Điều 5/ Article 5:

Bên nào không có khả năng hoàn thành tiến độ góp vốn như đã cam kết tại Điều 4 thì Bên đó phải thông báo cho (các) Bên kia lý do và biện pháp xử lý trước. . . . ngày và phải bồi thường những thiệt hại cho (các) Bên kia nếu có, mức bồi thường do các Bên thỏa thuận, trường hợp không thỏa thuận được sẽ do cơ quan xét xử hoặc Trọng tài quy định tại Điều 10 Hợp đồng này quyết định.

Any party unable to complete the capital contribution schedule as agreed in article 4 shall have to inform the other party(ies) of the reasons therefore and the measures to be taken by the party in order to resolve the situation ...(days) in advance and shall provide compensation to the other party(ies) for losses (if any). The compensation rate shall be agreed by the parties; in case of disagreement, the decision shall be made by the judicial body or arbitration organization stipulated in article 10 of this contract.

Điều 6/ Article 6:

Thời hạn Hợp đồng liên doanh này là. . . . năm kể từ ngày được cấp Giấy Phép đầu tư. Bất kỳ sự thay đổi nào về thời hạn phải được các Bên thỏa thuận và báo cáo cơ quan cấp Giấy Phép đầu tư xem xét chuẩn y.

The duration of this joint venture contract is.... years, commencing from the date of issuance of the investment registration certificate. Any changes to this duration must be agreed by all parties and reported to the investment registration certificate - issuing body for consideration and approval.

Điều 7/ Article 7:

Kể từ ngày được cấp Giấy phép đầu tư, dự án này được thực hiện theo tiến độ sau:
Commencing from the date of issuance the investment registration certificate, this contract shall be implemented following the schedule below:

1. Khởi công xây dựng: : từ tháng thứ.

Construction: from month

2. Lắp đặt thiết bị: từ tháng thứ.

Equipment installation: from month

3. Vận hành thử: từ tháng thứ.

Trial operation: from month

4. Sản xuất chính thức: từ tháng thứ.

Official production: from month

Điều 8/ Article 8:

Trách nhiệm khác của các Bên liên doanh được quy định như sau:.....

Other responsibilities of joint venture parties are stipulated as follows

(Phân định rõ trách nhiệm của từng Bên trong việc xin cấp giấy phép đầu tư, thuê đất, cung ứng điện, nước, tài chính, vật liệu xây dựng, thiết bị, công nghệ, thị trường, quản lý, đào tạo. . .)

(Allocate clearly the responsibilities of each party in the application for the investment license, entry visas, land rent, supply of electric power and water, finance, building materials, equipment, technology, markets, management, training, and so forth)

Điều 9/ Article 9:

Sau khi hoàn thành mọi nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam, các Bên chia lợi nhuận và chịu rủi ro của Doanh nghiệp liên doanh theo tỷ lệ góp vốn của mỗi Bên (trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác phù hợp với pháp luật Việt Nam được quy định trong Hợp đồng liên doanh).

(Ghi rõ tỷ lệ chia lợi nhuận và rủi ro cho từng Bên liên doanh).

After fulfilling all financial obligations to the State of Vietnam, the remaining profits and losses of the joint venture enterprise shall be shared in proportion to the capital contribution of each party, except where otherwise agreed by the parties in accordance with the law of Vietnam and provided for in the joint venture contract. The percentage of profits and losses shared by each joint venture party shall be specified.

Điều 10/ Article 10:

Tranh chấp giữa các Bên có liên quan, hoặc phát sinh từ Hợp đồng trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trong trường hợp các Bên tranh chấp vẫn không thỏa thuận được với nhau thì vụ tranh chấp sẽ được đưa ra. . . . (ghi rõ tên và địa chỉ tòa án hoặc tổ chức trọng tài).

Any disputes between the parties related to or arising from the contract shall be resolved first through negotiation and conciliation. In cases where the parties in dispute cannot agree with each other, the dispute shall be referred to.....(*State clearly the name and address of the court or arbitration organization*).

Quyết định của. . . . (tổ chức trên) là chung thẩm và các Bên sẽ phải tuân theo

The decision of ... (above organization)... shall be final and binding on the parties.

Điều 11/ Article 11:

Doanh nghiệp liên doanh có thể chấm dứt hoạt động, giải thể doanh nghiệp trong các trường hợp sau:

The joint venture enterprise may terminate its operations or dissolve the enterprise in the following cases:

Điều 12/ Article 12:

Các Bên liên doanh có quyền chuyển nhượng giá trị phần vốn của mình trong Doanh nghiệp liên doanh theo các quy định tại điều lệ doanh nghiệp và theo quy định của Luật doanh nghiệp, luật đầu tư.

The joint venture parties may assign the value of their respective contributed capital in the contract as stipulated in the charter and in the enterprise Law, in the Investment Law.

Điều 13/ Article 13:

Mọi điều khoản khác có liên quan không được quy định cụ thể tại Hợp đồng liên doanh này sẽ được các Bên thực hiện theo pháp luật Việt Nam và Giấy chứng nhận đầu tư.

All other related terms that are not stipulated in this joint venture contract shall be implemented by the parties in accordance with the law of Vietnam and the investment license.

Điều 14/ Article 14:

Hợp đồng liên doanh này có thể được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị và thông báo cho Ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh trước khi thực hiện.

The joint venture contract may be supplemented and/or amended in accordance with the resolution of the board of management and subject to approval by the Saigon Hi-tech Park prior to the implementation (*of such amendment and/or addition*)

Điều 15/ Article 15:

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

This contract shall take effect as of the date of issuance of the investment registration certificate.

Điều 16/ Article 16:

Hợp đồng liên doanh này được ký ngày. . . tại., gồm. . . bản gốc bằng tiếng Việt Nam và bằng tiếng. (tiếng nước ngoài thông dụng). Cả hai bản tiếng Việt Nam và tiếng. đều có giá trị pháp lý như nhau.

This joint venture contract is signed at.. (location)...on.... (date)...in....originals in Vietnamese and in....(a commonly used foreign language). Both versions shall be of equal legal validity.

Đại diện

Bên (các Bên) nước ngoài
FOREIGN PARTY(IES)
(Ký tên, chức vụ và dấu)
(Signature and seal)

Đại diện

Bên (các Bên) Việt Nam
VIETNAMESE PARTY(IES)
(Ký tên, chức vụ và dấu)
(Signature and seal)

Trường hợp có nhiều Bên: từng Bên sẽ ký, ghi rõ chức vụ người đại diện ký và đóng dấu (nếu có).

Where there are several parties, state the name of each party and affix the appropriate seal (if any).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

**HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH****BUSINESS CO-OPERATION CONTRACT**

Căn cứ Luật Đầu tư tại Việt Nam và các văn bản pháp lý khác có liên quan, các Bên dưới đây mong muốn được tiến hành hoạt động đầu tư tại Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo hình thức Hợp đồng hợp tác kinh doanh với nội dung và phạm vi được quy định trong Hợp đồng này như sau:

Pursuant to the Investment Law in Vietnam and other relevant legal instruments, the parties mentioned hereinafter wish to carry out investment activities in the Socialist Republic of Vietnam in the form of a business co-operation contracts as outlined in the contents and scope of this business co-operation contract.

A. Bên (các Bên) Việt Nam:**A. Vietnamese party(ies):**

1. Tên Công ty / *Company name*:
2. Đại diện được ủy quyền / *Authorized representative*:
- Chức vụ / *Title*:
3. Trụ sở chính / *Head office*:
- Điện thoại / *Telephone*:
- Fax:
4. Ngành, nghề kinh doanh chính/ *Main business line(s)*
5. Giấy phép thành lập công ty / *Certificate of incorporation No*:
- Đăng ký tại / *Register at*:
- Ngày / *Date*:

B. Bên (các Bên) nước ngoài:**B. Foreign party(ies):**

1. Tên công ty hoặc cá nhân / *Name of company or individual*.....
2. Đại diện được ủy quyền / *Authorized representative*:
- Chức vụ / *Title*:
- Quốc tịch / *Nationality*:

Địa chỉ thường trú / *Permanet address*:

3. Trụ sở chính / *Head office*:

Điện thoại / *Telephone*: Fax:

4. Ngành, nghề kinh doanh chính/ *Main business lines*:

5. Giấy phép thành lập công ty / *Certifiaice of incoporation No*:

Đăng ký tại / *Registered at*:

Ngày / *Date*:

Ghi chú: Nếu một hoặc cả hai Bên liên doanh gồm nhiều thành viên, thì từng thành viên sẽ mô tả đầy đủ các chi tiết nêu trên; Mỗi Bên cần chỉ định đại diện được ủy quyền của mình.

(Note: If either contracting party comprises more than one member, then each member shall provide all above details. Each party needs to appoint its own authorized representative.)

Cùng thỏa thuận ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh này với các điều khoản và điều kiện sau đây:

Hereby agree to sign this Business Co-operation Contract with the following terms and conditions:

Điều 1/Article 1:

Mục tiêu hợp tác kinh doanh trên cơ sở Hợp đồng.

Objectives of business co-operation on the basis of a contract:

(mô tả chi tiết nội dung và phạm vi hợp tác kinh doanh)

(State in detail a clear description of the proposed content and scope of business co-operation)

Điều 2/ Article 2:

1. Địa điểm thực hiện / *Location*:

2. Năng lực sản xuất: Hàng hóa/dịch vụ vào năm sản xuất ổn định

Product capacity: goods/services in the stabilized production year

○ *(Chia thành sản phẩm chính và phụ - nếu cần thiết)*

○ *Split into main and auxiliary products(if necessary)*

3. Sản phẩm của Hợp đồng hợp tác kinh doanh này sẽ được tiêu thụ:

Product(s) of this Cooperation contract shall be marketed as follows:

○ *Tại thị trường Việt Nam/Vietnamese market: % sản phẩm/% of products*

○ *Tại thị trường nước ngoài/Foreign market: % sản phẩm/% of products*

4. Văn phòng điều hành của Bên nước ngoài (nếu có).....

Operating office (if any):

Địa chỉ/ *Address*:.....

Điện thoại/ *Telephone*: Fax:.....

Điều 3/ Article 3:

Trách nhiệm của các Bên hợp doanh trong việc góp vốn để thực hiện Hợp đồng:

Responsibilities of business co-operation parties to contribute capital for the implementation of the contracts:

a) Bên (các Bên) Việt Nam: góp..... bằng.....

(quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, nguyên vật liệu, bộ phận rời, linh kiện, tiền mặt, các chi phí khác...)

Then Vietnamese party(ies) shall contribute.....in the form of.....(the land use right, machinery and equipment, raw materials, spare parts, components, cash, other costs....)

b) Bên (các Bên) nước ngoài: góp bằng.....

(máy móc thiết bị, nguyên vật liệu, bộ phận rời, linh kiện, tiền nước ngoài, các chi phí khác...)

The foreign party(ies) shall contribute.....in the form of.....(machinery and equipment, , raw materials, spare parts, components, cash, other costs....)

Nếu vào thời điểm đóng góp thực tế, những giá trị trên đây thay đổi so với giá trị hiện tại thì các Bên phải thỏa thuận về những sửa đổi đó và báo cáo Ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh xem xét và chuẩn y.

At the time when the actual contribution is made, if the projected values shown above differ from the actual contributes values, the two parties must reach an agreement on the differences and report same to the Saigon Hi-tech Park for consideration and approval.

Trong trường hợp một Bên không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ như đã thỏa thuận thì Bên đó phải thông báo cho các Bên kia biết lý do và những biện pháp xử lý trước . . . ngày. Thiệt hại thực tế và chính đáng do sự chậm trễ hay không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của một Bên gây ra, sẽ được bồi thường theo thỏa thuận của các Bên; trong trường hợp không thỏa thuận được thì sẽ do cơ quan xét xử hoặc trọng tài quy định tại Điều 10 Hợp đồng này quyết định.

Where one of the parties is unable to fulfill its responsibilities as agreed, that party must inform the other party withindays of the reasons as well as the measures to be taken to remedy the situation. The actual and legitimate losses caused by any delay or inability of one party to carry out its responsibility(ies) must be compensated for as mutually agreed; in cases of disagreement, the decision shall be made by the judicial body or arbitration organization stipulated in article 10 of this contract.

Điều 4/Article 4:

Các trách nhiệm, nghĩa vụ khác của các Bên trong việc thực hiện Hợp đồng/*Other duties and responsibilities of the parties in the implementation of the contract:*

- Bên Việt Nam/*Vietnamese party(ies):*.....

- Bên nước ngoài/*Foreign party(ies):*.....

(*Quy định cụ thể Bên chịu trách nhiệm, thời hạn hoàn thành. . . trong từng việc như tổ chức và quản lý sản xuất, quản lý kỹ thuật và công nghệ, mua sắm thiết bị, nguyên liệu, tiêu thụ sản phẩm. . .*).

(State in detail the party bearing the responsibilities for, and the time-limit for, completion of each jobs, such as organization and management of production, technical and technology control, purchase of equipment, raw materials, consumption of products, and so forth).

Điều 5/Article 5:

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các Bên thỏa thuận cơ chế giám sát như sau:....

During the implementation of the contract, the parties agree on the following supervision mechanism:

(Miêu tả cụ thể cơ chế, trong đó có thể thành lập Ban điều phối, Văn phòng điều hành của Bên nước ngoài bao gồm phương thức thành lập, hoạt động, quyền hạn, trách nhiệm...).

(Describe in detail the mechanism whereby a co-ordination board and operating office may be established and the method of establishment, activities, authority, responsibilities, and so forth).

Điều 6/Article 6:

Thời hạn Hợp đồng này là. . . . năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Bất kỳ sự thay đổi nào về thời hạn của Hợp đồng phải được các Bên thỏa thuận và báo cáo xem xét và chuẩn y.

The duration of this contract is.....years from the date of issuance of the investment registration certificate. Any changes to the duration of the contract must be agreed by the parties and reported to the investment registration certificate issuing-body for consideration and approval.

Nếu một Bên hợp doanh muốn kéo dài thời hạn Hợp đồng ngoài thời hạn đã được thỏa thuận phải thông báo cho (các) Bên kia ít nhất là. . . . tháng trước ngày Hợp đồng hết hạn. Nếu các Bên thỏa thuận kéo dài thời hạn Hợp đồng thì phải báo cáo Ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh xem xét trong thời hạn ít nhất là 6 tháng trước khi hết hạn Hợp đồng.

Any of the business co-operation parties wishing to extend the agreed duration of the contract must so inform the other party at least.....months prior to the expiry of the contract. If the parties agree to the extension of the contract, they must submit an application for consideration by the SHTP at least six months prior to the expiry of the contract.

If all conditions for termination of the contract in which are stipulated in the contract cannot be implemented, the contract shall remain in effect regardless of the expiry of the contract, provided that the extended duration of the contract is approved by the investment registration certificate - issuing body.

Điều 7/Article 7:

Kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đầu tư, Hợp đồng này được thực hiện theo tiến độ sau:

The schedule for implementing this contract from the date of issuance of the investment registration certificate shall be as follows:

1. Khởi công xây dựng: từ tháng thứ.
Construction: from month.....to month.....
2. Lắp đặt thiết bị: từ tháng thứ.
Equipment installation: from month.....to month.....
3. Vận hành thử: từ tháng thứ.
Trial operation: from month.....to month....
4. Sản xuất chính thức: từ tháng thứ.
Official production: from month.....

Điều 8/Article 8:

1. (các Bên) nước ngoài thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư. (ghi rõ phương thức nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của Bên nước ngoài: nộp trực tiếp, Bên Việt Nam nộp hộ v.v...).

The foreign party(ies) must fully carry out its/their tax obligations and other financial obligation as stipulated in the investment license. (State clearly the method of paying profits tax and the profit remittance tax of the foreign party(ies): via direct payment, via the Vietnamese party(ies), and so forth).

2. (Các) Bên Việt Nam thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật áp dụng đối với Doanh nghiệp trong nước và các quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư.

The Vietnamese party (ies) shall fully carry out its/their taxation obligations and other financial obligations in accordance with the laws applicable to domestic enterprises and the provisions stipulated in the investment license.

Lưu ý: cần xác định rõ Bên chịu trách nhiệm nộp các loại thuế chung liên quan đến thực hiện Hợp đồng như thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng. . .

(Note: The party responsible for paying the general taxes related to the implementation of the contract such as export duties, import duties, turnover tax....should be clearly defined.)

Điều 9/Article 9:

Các Bên tham gia Hợp đồng thỏa thuận chi sản phẩm và / hoặc lợi nhuận, các khoản lỗ thông qua việc thực hiện Hợp đồng như sau:

The contracting parties agree to share products and/or profits losses from the implementation of the contract as follows:

- (các) Bên Việt Nam (ghi rõ từng Bên, nếu cần thiết)
Vietnamese party(ies) : (State clearly each party, if necessary)
- (các Bên) nước ngoài (ghi rõ từng Bên, nếu cần thiết)
Foreign party(ies): (State clearly each party, if necessary)

Điều 10/Article 10:

Tranh chấp giữa các Bên có liên quan, hoặc phát sinh từ Hợp đồng trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trong trường hợp các Bên tranh chấp vẫn không thỏa thuận được với nhau thì vụ tranh chấp sẽ được đưa ra. . . (ghi rõ tên và địa chỉ Tòa án hoặc tổ chức trọng tài).

Any disputes among the parties related to or arising from the contract must first be resolved through negotiation and conciliation. In case of continued disagreement, the disputes shall be referred to.....(clearly state name and address of court or arbitration organization).

Quyết định của. . . (tổ chức trên) là chung thẩm và các Bên phải tuân theo.

The decision of.....(name of above organization)..shall be final and binding on both parties.

Điều 11/Article 11:

Các Bên có quyền chuyển nhượng giá trị phần vốn của mình trong Hợp đồng, theo các quy định tại Luật Đầu tư và các điều khoản liên quan của Nghị định số 108/NĐ-CP của Chính phủ.

The parties may assign the value of their respective capital contributions in the contract as stipulated in the Investment law and Degree 108/ND-CP.

Điều 12/Article 12:

Hợp đồng hợp tác kinh doanh này có thể chấm dứt hoạt động trước thời hạn và / hoặc kết thúc trong các trường hợp sau:

This business co-operation contract may be terminated prior to the expiry of its duration or terminate in the following cases:

Điều 13/Article 13:

Khi Hợp đồng hết hạn, các Bên thỏa thuận việc thanh lý các tài sản liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của các Bên trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

Upon expiry of the contract, the parties agree on the liquidation of the assets relating to their rights and responsibilities in the business co-operation contract as follows:

(Mô tả chi tiết các điều kiện có liên quan đến quyền hạn, nghĩa vụ, tài sản. . . phù hợp với các quy định tại Luật Đầu tư và các điều khoản liên quan của Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ).

(Describe in detail the condition in respect of each party's rights, responsibilities, assets, and so forth, in conformity with the spirit of the Law on Investment and relevant provisions of the Decree.)

Điều 14/Article 14:

Mọi điều khoản khác có liên quan không được quy định cụ thể tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh này sẽ được các Bên thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và của Giấy chứng nhận đầu tư.

All other terms relating to the business co-operation contract but not specifically provided for in this business co-operation contract shall be implemented by the parties in accordance with the provisions of the law of Vietnam and of the investment license.

Điều 15/Article 15:

Hợp đồng hợp tác kinh doanh này có thể được sửa đổi, bổ sung sau khi có thỏa thuận bằng văn bản giữa các Bên và phải được cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư chuẩn y trước khi thực hiện.

This business co-operation contract may be supplemented and/or amended pursuant to a written agreement between the parties and must be approved by the investment license issuing body prior to being implemented.

Điều 16/Article 16:

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

This contract shall take effect from the date of issuance of the investment registration certificate.

Điều 17/Article 17:

Hợp đồng hợp tác kinh doanh này được ký ngày., tại., gồm . . . bản gốc bằng tiếng Việt Nam và bằng tiếng. . . . (tiếng nước ngoài thông dụng). Cả hai bản tiếng Việt Nam và tiếng. . . . đều có giá trị pháp lý như nhau.

This contract is signed at....(location)....on.....(date).....inoriginals in Vietnamese and in.....(a commonly used foreign language).....Both the Vietnamese version and the.....version shall be of equal validity.

Đại diện

Bên (các Bên) nước ngoài

(Ký tên, chức vụ và dấu)

FOREIGN PARTY

(Signature, title and seal)

Đại diện

Bên (các Bên) Việt Nam

(Ký tên, chức vụ và dấu)

VIETNAMESE PARTY

(Signature, title and seal)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HƯỚNG DẪN LẬP
GIẢI TRÌNH KINH TẾ KỸ THUẬT

I. CHỦ ĐẦU TƯ:

1. Tên Công ty:
2. Đại diện pháp luật:
 - Họ, tên; năm sinh; quốc tịch.
 - Số hộ chiếu. . ., Ngày cấp. . ., Nơi cấp. . .
 - Chức vụ, địa chỉ thường trú.
3. Trụ sở chính:
Điện thoại, Telex, Fax:
4. Ngành nghề kinh doanh chính:
5. Giấy phép thành lập Công ty:
Đăng ký tại. . ., Ngày. . .
Vốn đăng ký:
Công ty mở tài khoản tại Ngân hàng:
Số tài khoản:

(Nếu có nhiều chủ đầu tư thì mô tả riêng từng chủ đầu tư theo những nội dung trên)

II. DOANH NGHIỆP XIN THÀNH LẬP:

1. Tên gọi của doanh nghiệp
 - Tên tiếng Việt:
 - Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài thông dụng:
2. Hình thức đầu tư của doanh nghiệp: (100% vốn nước ngoài, Liên doanh, Hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng).
3. Thời gian hoạt động của doanh nghiệp:
4. Mục tiêu hoạt động chính của doanh nghiệp:
5. Vốn đầu tư:
 - 5.1 Tổng vốn đầu tư dự kiến:, trong đó:
 - Vốn cố định: USD, bao gồm:
 - + Nhà xưởng: m2, trị giá. USD
 - + Văn phòng: m2, trị giá. USD
 - + Máy móc, thiết bị: USD
 - + Vốn cố định khác: USD
 - Vốn lưu động: USD
 - 5.2 Nguồn vốn:
 - Tổng số: USD, trong đó:
 - Vốn pháp định (hoặc vốn góp): USD, trong đó:
 - + Bên (các bên) Việt Nam góp: USD, gồm:
 - * Tiền: USD
 - * Tài sản: USD
 - + Bên (các bên) nước ngoài góp: USD, gồm:
 - * Tiền nước ngoài: USD

* Thiết bị, máy móc: USD

* Tài sản khác: USD

- Vốn vay: USD. Nêu rõ ai chịu trách nhiệm dàn xếp vốn vay, các điều kiện vay trả, bảo lãnh.

III. SẢN PHẨM DỊCH VỤ VÀ THỊ TRƯỜNG:

1. Sản phẩm, dịch vụ: tên, ký mã hiệu, thông số kỹ thuật chủ yếu, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm.

2. Thị trường dự kiến sẽ tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ:

3. Căn cứ lựa chọn sản phẩm, dịch vụ và thị trường:

- Tình hình cung-cầu về sản phẩm, dịch vụ trên các thị trường đã xác định trong qua khứ, hiện tại và dự báo tình hình cung cầu này trong tương lai, cơ sở của những dự báo đó.

- So sánh sản phẩm, dịch vụ của dự án với các sản phẩm, dịch vụ cùng loại đạt chất lượng quốc tế hiện có trên thị trường thế giới.

IV. QUY MÔ SẢN PHẨM VÀ DỰ KIẾN THỊ TRƯỜNG TIÊU THỤ:

Tên sản phẩm, dịch vụ (đơn vị)	Năm thứ 1			Năm . . .	Năm sản xuất ổn định		
	Số lượng	Giá ước tính	Thành tiền		Số lượng	Giá ước tính	Thành tiền
1.							
2.							
3.							
Tổng doanh thu							

Tỷ lệ tiêu thụ sản phẩm

- Tiêu thụ nội địa: % sản phẩm

- Xuất khẩu: % sản phẩm

V. CÔNG NGHỆ, MÁY MÓC, THIẾT BỊ VÀ MÔI TRƯỜNG:

1. Công nghệ:

- Sơ đồ quy trình công nghệ chủ yếu (hoặc các công nghệ chủ yếu)

- Đặc điểm chủ yếu của giải pháp công nghệ đã lựa chọn

- Dự thảo Hợp đồng chuyển giao công nghệ, hỗ trợ kỹ thuật (nếu có)

2. Danh mục máy móc, thiết bị:

Đơn vị: USD

Tên thiết bị	Xuất xứ	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng	Ước giá	Giá trị
I. Thiết bị sản xuất					
II. Thiết bị phụ trợ					
III. Thiết bị vận chuyển					
IV. Thiết bị văn phòng					

Ghi chú: Nếu là thiết bị cũ, thì cần bổ sung năm sản xuất, đánh giá chất lượng và giá trị còn lại. Biên bản giám định máy móc, thiết bị (nếu có).

3. Môi trường: trình bày rõ việc dự án có thải ra các tác nhân gây ô nhiễm môi trường không, nếu có thì trình bày các biện pháp xử lý cần thiết để bảo vệ môi trường không bị ô nhiễm quá giới hạn cho phép: đối với các trường hợp cần phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thì cần phải thực hiện đúng theo quy định của Bộ KH, CN & MT.

VI. CÁC NHU CẦU CHO SẢN XUẤT:

1. Nhu cầu về nguyên liệu và bán thành phẩm:

Đơn vị: USD

Danh mục (chủng loại)	Năm thứ 1			Năm thứ. . .	Năm sx ổn định
	Số lượng	Ước giá	Giá trị		
I. Nhập khẩu vào Việt Nam					
1.					
2.					
3.					
...					
II. Mua tại Việt Nam					
1.					
2.					
3.					
...					

2. Nhu cầu nhiên liệu, năng lượng, nước, các dịch vụ và nguồn cung cấp:

Tên gọi (chủng loại)	Nguồn cung cấp	Năm thứ 1		Năm thứ...	Năm sx ổn định
		Khối lượng	Giá trị		
1.					
2.					
3.					

Trình bày phương án giải quyết nhu cầu cấp điện, nước của dự án.

3. Nhu cầu về lao động vào năm thứ. . . khi đạt công suất thiết kế

Loại lao động	Người Việt Nam	Người nước ngoài	Cộng
1. Cán bộ quản lý			
2. Nhân viên kỹ thuật và giám sát			
3. Công nhân lành nghề			
4. Công nhân giản đơn			
5. Nhân viên văn phòng			
Tổng số			

VII. MẶT BẰNG ĐỊA ĐIỂM VÀ XÂY DỰNG - KIẾN TRÚC:

1. Địa điểm và mặt bằng

- Địa chỉ (xã, huyện, tỉnh), ranh giới và/hoặc tọa độ địa lý của địa điểm dự án (kèm theo bản vẽ).
- Hiện trạng mặt bằng và cơ sở hạ tầng của địa điểm (đường sá, cầu cống, điện, nước, thoát nước, thông tin liên lạc. . .).

- Diện tích mặt đất, mặt nước, mặt biển sử dụng cho dự án và mức giá cho thuê.
- Giá trị đền bù, di chuyển cần thực hiện để giải phóng mặt bằng trên cơ sở thỏa thuận với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

2. Xây dựng - Kiến trúc

2.1 Các hạng mục trong khuôn viên và ngoài khuôn viên

Đơn vị: USD

Tên hạng mục	Đơn vị	Quy mô	Đơn giá	Thành tiền
I. Các hạng mục xây mới				
1.				
2.				
3.				
II. Các hạng mục sửa chữa, cải tạo				
1.				
2.				
3.				
Cộng				

Ghi chú: các hạng mục có kết cấu đặc biệt cần có giải trình cụ thể.

2.2 Sơ đồ tổng mặt bằng (kèm theo bản vẽ)

2.3 Tổng tiến độ xây dựng

VIII. TỔ CHỨC QUẢN LÝ, LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG:

1. Sơ đồ tổ chức của doanh nghiệp

2. Quỹ lương hàng năm

	Năm			
	1	2	ổn định
I. Nhân viên người nước ngoài (ở các bộ phận)				
1.				
2.				
3.				
Tổng quỹ lương cho nhân viên nước ngoài				
II. Nhân viên người Việt Nam (ở các bộ phận)				
1.				
2.				
3.				
Tổng quỹ lương cho nhân viên người Việt Nam				
III. Tổng quỹ lương (I + II)				

3. Phương thức tuyển dụng, kế hoạch đào tạo cán bộ quản lý, kỹ thuật và công nhân (nêu rõ nội dung và chi phí dự kiến)

IX. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN:

- Hoàn thành thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp: tháng thứ.
- Thuê địa điểm: tháng thứ.
- Khởi công xây dựng: tháng thứ.

- Lắp đặt thiết bị: tháng thứ.
- Vận hành thử: tháng thứ.
- Sản xuất chính thức: tháng thứ.

X. CƠ CẤU VỐN ĐẦU TƯ THEO NĂM THỰC HIỆN:

1. Vốn lưu động (chỉ áp dụng cho những dự án có tổng vốn đầu tư trên 5 triệu USD)

Đơn vị: USD

Thành phần	Năm thứ 1	Năm. . .	Năm sx ổn định
1. Vốn sản xuất			
- Nguyên liệu và bán thành phẩm nhập khẩu			
- Nguyên liệu và bán thành phẩm nội địa			
- Lương và bảo hiểm xã hội			
- Chi phí điện, nước, nhiên liệu			
- Phụ tùng thay thế			
2. Vốn lưu thông			
- Nguyên vật liệu tồn kho			
- Bán thành phẩm tồn kho			
- Thành phẩm tồn kho			
- Hàng bán chịu			
3. Vốn bằng tiền mặt			
Tổng vốn lưu động			

2. Vốn cố định:

Đơn vị: USD

Thành phần	Năm thứ 1	Năm. . .	Năm sx ổn định
1. Chi phí chuẩn bị đầu tư			
2. Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san nền và giá trị góp vốn bằng quyền sử dụng đất của Bên Việt Nam (nếu có)			
3. Giá trị nhà cửa và kết cấu hạ tầng sẵn có			
4. Chi phí xây dựng mới hoặc/và cải tạo nhà xưởng, kết cấu hạ tầng			
5. Chi phí máy móc, thiết bị dụng cụ			
6. Vốn góp bằng chuyển giao công nghệ hoặc mau công nghệ trả gọn (nếu có)			
7. Chi phí đào tạo ban đầu			
8. Chi phí khác			
Tổng vốn cố định			

XI. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH:

1. Doanh thu (giá trị)

Đơn vị: USD

Các khoản thu	Năm thứ 1	Năm. . .	Năm sx ổn định
1.			
2.			
...			
Tổng doanh thu hàng năm			

2. Chi phí (giá thành) sản xuất, dịch vụ:

3. Dự kiến lãi, lỗ:

Các chỉ tiêu	Năm thứ 1	Năm . . .	Năm sx ổn định
1. Tổng doanh thu			
2. Tổng chi phí (kể cả lỗ năm trước)			
3. Lợi nhuận trước thuế			
4. Thuế lợi tức			
5. Lợi nhuận sau thuế			
6. Các quỹ			
7. Lợi nhuận được chia			
Trong đó:			
- Bên (các bên) Việt Nam			
- Bên (các bên) nước ngoài			

XII. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA DỰ ÁN:

1. Hiệu quả tài chính:

- Thời gian hoàn vốn
- Điểm hòa vốn lý thuyết
- Hiện giá thuần NPV
- Tỷ suất thu hồi nội bộ IRR
- Phân tích độ nhạy đối với các dự án có sự biến động lớn về giá của các yếu tố đầu vào (vật tư, nguyên liệu, bán thành phẩm. . .)
- Khả năng cân đối ngoại tệ

2. Hiệu quả kinh tế-xã hội của dự án:

- Các loại thu và khoản nộp cho Nhà nước Việt Nam
- Mức độ tiên tiến của sản phẩm và công nghệ áp dụng
- Giá trị sản phẩm tạo ra, trong đó có giá trị xuất khẩu
- Số việc làm được tạo ra bởi dự án

XIII. TỰ NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ:

- Tính khả thi và hiệu quả của dự án
- Các kiến nghị về ưu đãi và các biện pháp mà Nhà nước Việt Nam cần áp dụng liên quan đến dự án.

Ngày. tháng. năm 20...

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký tên, đóng dấu)

Ban hành kèm Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

Phụ lục I-8

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN ĐỐI VỚI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
CÓ TỪ HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Số TT	Tên thành viên sáng lập	Địa chỉ	Quyết định thành lập	Vốn góp			Chữ ký của thành viên	Ghi chú
				Tổng giá trị vốn góp	Phương thức góp vốn	Thời điểm góp vốn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

....., ngày tháng năm

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Cột (2) Thành viên là cá nhân: Họ và tên/ngày sinh/Giới tính /Quốc tịch

Cột (3) Địa chỉ: Thành viên là cá nhân: Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú

Đối với thành viên là tổ chức: địa chỉ trụ sở chính

Cột (4) Đối với thành viên sáng lập là cá nhân: Số, ngày, nơi cấp Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân

Đối với thành viên sáng lập là pháp nhân: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác

Cột (6) Phương thức góp vốn: liệt kê tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

Ban hành kèm Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

Phụ lục I-9

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP ĐỐI VỚI CÔNG TY CỔ PHẦN

Số TT	Tên Cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Quyết định thành lập	Vốn góp						Thời điểm góp vốn	Chữ ký của cổ đông sáng lập
				Tổng số cổ phần		Loại cổ phần					
						Phổ thông				
				Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

....., ngày tháng năm

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Cột (2) Cổ đông sáng lập là cá nhân : Họ và tên/ngày sinh/Giới tính /Quốc tịch

Cột (3) Địa chỉ: Cổ đông sáng lập là cá nhân: nơi đăng ký hộ khẩu thường trú
Cổ đông sáng lập là pháp nhân: địa chỉ trụ sở chính

Cột (4) Đối với cổ đông sáng lập là cá nhân: Số, ngày, nơi cấp Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân

Đối với cổ đông sáng lập là pháp nhân: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác

Ban hành kèm Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

Phụ lục I-10

DANH SÁCH THÀNH VIÊN SÁNG LẬP ĐỐI VỚI CÔNG TY HỢP DANH

Số TT	Tên thành viên	Địa chỉ	Quyết định thành lập	Nghề nghiệp, trình độ chuyên môn của thành viên hợp danh	Vốn góp			Chữ ký của thành viên	Ghi chú
					Tổng giá trị vốn góp	Phần vốn góp	Thời điểm góp vốn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

....., ngày tháng năm

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Cột (2) Thành viên là cá nhân : Họ và tên/ngày sinh/Giới tính /Quốc tịch

Cột (3) Địa chỉ: Thành viên là cá nhân: Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú

Đối với thành viên là tổ chức: địa chỉ trụ sở chính

Cột (4) Đối với thành viên sáng lập là cá nhân: Số, ngày, nơi cấp Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân

Đối với thành viên sáng lập là pháp nhân: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác

Cột (6) Phương thức góp vốn: liệt kê tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

16. Thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư có quy mô dưới 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập chi nhánh

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Bước 2: Sau khi chuẩn bị đầy đủ hồ sơ thì nhà đầu tư sẽ nộp hồ sơ tại VP Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh, đường D1, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9 (theo giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận sẽ tiến hành hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ;

+ Nếu hồ sơ đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận viết giấy biên nhận.

Bước 3: Sau khi có giấy biên nhận hẹn ngày nhận kết quả thì nhà đầu tư sẽ nhận kết quả tại bộ phận trả hồ sơ.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước;

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu);

2. Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất hoặc Giấy chứng nhận Ngân hàng);

3. Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của nhà đầu tư:

- *Đối với nhà đầu tư là tổ chức:* Bản sao công chứng Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD hoặc các tài liệu tương đương khác và kèm bản sao y CMND, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện.

- *Đối với nhà đầu tư là cá nhân:* Bản sao công chứng hộ chiếu hoặc CMND.

- *Lưu ý:* Các bản sao công chứng không quá 03 tháng, kể từ ngày công chứng.

4. Hợp đồng Liên doanh hoặc Hợp đồng Hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư giữa nhà đầu tư trong nước và nước ngoài (theo mẫu). Hợp đồng Liên doanh hoặc Hợp đồng Hợp tác kinh doanh do đại diện có thẩm quyền của các Bên liên doanh ký vào từng trang và ký đầy đủ vào cuối Hợp đồng;

5. Bản giải trình công nghệ, với nội dung bổ sung đầy đủ các góp ý (nếu có) đã được Hội đồng Khoa học Công nghệ thông qua.

6. Bản Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng khi tham gia thị trường (theo quy định đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện).

7. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp;

8. Bản sao Điều lệ công ty tương ứng mỗi loại hình doanh nghiệp;

9. Quyết định bằng văn bản và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của chủ sở hữu công ty hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần, của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh về việc thành lập chi nhánh;

10. Bản sao hợp lệ quyết định bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện);

11. Văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với công ty kinh doanh ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có vốn pháp định;

12. Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề đối với công ty kinh doanh ngành nghề mà theo quy định của Pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề.

* Lưu ý: Nếu chi nhánh được lập tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính thì doanh nghiệp không phải nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, bản sao Điều lệ công ty trong hồ sơ đăng ký hoạt động.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ gốc và 03 bộ sao.

- **Thời hạn giải quyết:** 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): các Bộ, ngành có liên quan.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Lệ phí (nếu có):** Không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (Phụ lục I-2);

+ Hợp đồng Liên doanh hoặc Hợp đồng Hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư giữa nhà đầu tư trong nước và nước ngoài.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Dự án phải đáp ứng các tiêu chí công nghệ cao về chi phí nghiên cứu phát triển, ngành, đào tạo,...

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006;

+ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006;

+ Luật Kinh doanh bất động sản số 63/2006/QH11 ban hành ngày 12 tháng 7 năm 2006, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2007;

+ Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ban hành ngày 27 tháng 6 năm 2005, có hiệu lực thi hành 01 tháng 01 năm 2006;

+ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008;

+ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

+ Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;

+ Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản;

+ Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

+ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

+ Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp;

+ Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHCN ngày 18 tháng 02 năm 2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành “quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao”;

+ Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam;

+ Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự thủ đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

+ Quyết định số 71/QĐ-KCNC ngày 20 tháng 6 năm 2007 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, có hiệu lực từ ngày ký, về việc ban hành quy trình hướng dẫn thủ tục đầu tư vào Khu Công nghệ cao Tp Hồ Chí Minh.

(Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

Phụ lục I-2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ/ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ
(đối với trường hợp gắn với thành lập Chi nhánh)

Kính gửi: BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
TP. HỒ CHÍ MINH (SHTP)

Nhà đầu tư:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Chức vụ: Ngày sinh:

Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/hộ chiếu số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với trường hợp không có CMND/hộ chiếu (*tên giấy, số, ngày, nơi cấp*):

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện nay: Điện thoại:

Fax: Mail:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư/Quyết định thành lập

Số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Ngày sinh:

Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/hộ chiếu số: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với trường hợp không có CMND/hộ chiếu (*tên giấy, số, ngày, nơi cấp*)

Chức vụ:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện nay: Điện thoại:

Fax: Email:

Đăng ký hoạt động của Chi nhánh để thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

I. Nội dung đăng ký hoạt động của Chi nhánh

1. Tên chi nhánh:

a) Tên bằng tiếng Việt:

b) Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

c) Tên viết tắt nếu có:

2. Địa chỉ:

a) Số nhà/đường:

b) Phố/xã:

c) Phường/quận:

d) Huyện/tỉnh:

e) Thành phố:

3. Người đứng đầu chi nhánh:

4. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Mã ngành	Tên ngành

II. Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án đầu tư:

2. Địa điểm thực hiện dự án:

Diện tích đất dự kiến sử dụng:

3. Mục tiêu và quy mô của dự án:

4. Vốn đầu tư thực hiện dự án:

Trong đó: Vốn góp để thực hiện dự án:

5. Thời hạn hoạt động:

6. Tiến độ thực hiện dự án:

7. Kiến nghị được hưởng ưu đãi đầu tư:

III. Nhà đầu tư cam kết:

1. Về tính chính xác của nội dung hồ sơ đầu tư;

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đầu tư

....., ngày tháng năm

NHÀ ĐẦU TƯ

Hồ sơ kèm theo:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**Independence - Freedom - Happiness***HỢP ĐỒNG LIÊN DOANH****JOINT VENTURE CONTRACT**

Căn cứ Luật Đầu tư tại Việt Nam và các văn bản pháp lý khác có liên quan, các Bên dưới đây đã ký Hợp đồng liên doanh để xin thành lập tại Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam một Doanh nghiệp liên doanh với nội dung như sau:

Based on the Investment Law in Vietnam and other relevant legal documents, the parties mentioned hereinafter have signed a joint venture contract to establish in the Socialist Republic of Vietnam a joint venture enterprise with the following contents and on the following terms:

A. Bên (các Bên) Việt Nam/ Vietnamese party(ies)**4. Tên Công ty:**.....

Name of company

2. Đại diện được ủy quyền:

Authorized representative:

Chức vụ / Title:**3. Trụ sở chính / Head office:****Điện thoại/ Telephone:**..... **Fax:**.....**4. Ngành, nghề kinh doanh chính/ Main business lines:**.....**5. Giấy phép thành lập công ty/ Certificate of incorporation no:****Đăng ký tại/ Registered at:****Ngày/ Date:**.....**B. Bên (các Bên) nước ngoài /Foreign party(ies):****1. Tên công ty hoặc cá nhân :**.....

Name of company or individual:

2. Đại diện được ủy quyền:

Authorized representative:

Chức vụ/ Title:

Quốc tịch /Nationality:

3. Trụ sở chính/ Head office:

Điện thoại / Telephone: **Fax:**.....

4. Ngành, nghề kinh doanh chính:

Main line of business:

5. Giấy phép thành lập công ty:.....

Certificate of incorporation no:

Đăng ký tại/ Registered at:

Ngày/ Date:.....

Ghi chú: Nếu một hoặc cả hai Bên liên doanh gồm nhiều thành viên, thì từng thành viên sẽ mô tả đầy đủ các chi tiết nêu trên; Mỗi Bên cần chỉ định đại diện được ủy quyền của mình.

(Note: If any of the joint venture parties comprises more than one member, each member shall provide in full the above details. Each party shall appoint an authorized representative...)

Điều 1/ Article 1:

1. Các Bên thỏa thuận thành lập một Doanh nghiệp liên doanh tại Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhằm mục đích: (mô tả các mục tiêu sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp liên doanh).

The parties agree to establish the joint venture enterprise in the Socialist Republic of Vietnam with the purpose of: (State in detail the objectives of production and business of the joint venture enterprise)

2. Tên Doanh nghiệp liên doanh là. . . . (tiếng Việt Nam), tên giao dịch (bằng tiếng nước ngoài thông dụng) của Doanh nghiệp liên doanh là

The name of the joint venture enterprise is :(in Vietnamese); the transaction name of the joint venture enterprise in a commonly foreign language is:

Điều 2 / Article 2:

1. Địa chỉ của Doanh nghiệp liên doanh

Address of the joint venture enterprise

- **Trụ sở chính/ Head office:**.....

- **Nhà máy/xưởng sản xuất chính:**

Main production factory/workshop

- **Chi nhánh (nếu có):**.....

Branch(es)

- **Văn phòng đại diện (nếu có):**

Representative office(s)

2. Năng lực sản xuất: Hàng hóa/dịch vụ vào năm sản xuất ổn định**Chia thành sản phẩm chính và phụ (nếu cần thiết)**

Production capacity: goods/services * in the year in which the production becomes stable.
Split into main and auxiliary products (if necessary).

3. Sản phẩm của Doanh nghiệp liên doanh sẽ được tiêu thụ:

Products of the joint venture enterprise shall be marketed as follows

- **Tại thị trường Việt Nam:**.....% sản phẩm
Vietnamese market: % of products
- **Tại thị trường nước ngoài:**% sản phẩm
Foreign markets: % of product

4. Các cam kết chung khác của các Bên liên doanh trong việc thực hiện dự án:...**(tiến độ và nội dung thực hiện chương trình nội địa hóa đối với các sản phẩm cơ khí, điện, điện tử...).**

Any other general undertaking of joint venture parties in relation to the implementation of the project such as the progress and the contents of the localization program for mechanical, electric and electronic products, and so forth.

Điều 3/ Article 3:**1. Tổng vốn đầu tư của Doanh nghiệp là:**

The total invested capital of the enterprise

2. Vốn đăng ký của Doanh nghiệp là:

The register capital of the enterprise

Trong đó:

To which

a. Bên Việt Nam góp/ The Vietnamese party contributes:**chiếm/ accounting for.....% vốn pháp định/ of legal capital, bằng/ comprising:****- Tiền/ Cash:.....****- Giá trị máy móc, thiết bị:**

Value of equipment, machinery

- Giá trị chuyển giao công nghệ (nếu có):.....

Value of technology transfer (if any)

(kèm theo Hợp đồng chuyển giao công nghệ)**(Enclose technology transfer contract)****- Giá trị quyền sử dụng đất, nhà xưởng hoặc các khoản góp vốn khác**

Value of the land use right, factory, or other contributions

b. Bên nước ngoài góp/ The foreign party contributes:....., chiếm/**accounting for.....% vốn đăng ký / of register capital, bằng/ comprising:****- Tiền/ Cash:.....****- Giá trị máy móc, thiết bị:**

Value of equipment, machinery

- Giá trị chuyển giao công nghệ (nếu có):.....

Value of technology transfer (if any)

(kèm theo Hợp đồng chuyển giao công nghệ)**(Enclose technology transfer contract)**

- Các khoản góp vốn khác theo Luật Đầu tư nước ngoài

Other contributions in accordance with the Law on Foreign Investment

(Trường hợp Doanh nghiệp liên doanh gồm nhiều Bên, trình bày chi tiết tỷ lệ, phương thức góp vốn của từng Bên).

(In case of a multi-party joint venture describe in detail the capital contribution percentage and method of contribution by each party.)

3. Vốn vay/ Loans:

(Nêu chi tiết về quy mô; Bên chịu trách nhiệm thu xếp vốn vay; các điều kiện vay trả, bảo lãnh.)

(Describe in detail the scale; the party responsible for arranging the loans; the conditions of loans, repayment, guarantee, and so forth.)

Điều 4/ Article 4:

Các Bên cam kết góp vốn đầy đủ theo đúng tiến độ như sau:

The parties undertake to contribute their respective capital contributions fully and on time as follows

(miêu tả chi tiết tiến độ góp vốn của từng Bên).

(Describe in detail the schedule for capital contribution by each party.)

Điều 5/ Article 5:

Bên nào không có khả năng hoàn thành tiến độ góp vốn như đã cam kết tại Điều 4 thì Bên đó phải thông báo cho (các) Bên kia lý do và biện pháp xử lý trước. . . . ngày và phải bồi thường những thiệt hại cho (các) Bên kia nếu có, mức bồi thường do các Bên thỏa thuận, trường hợp không thỏa thuận được sẽ do cơ quan xét xử hoặc Trọng tài quy định tại Điều 10 Hợp đồng này quyết định.

Any party unable to complete the capital contribution schedule as agreed in article 4 shall have to inform the other party(ies) of the reasons therefore and the measures to be taken by the party in order to resolve the situation ...(days) in advance and shall provide compensation to the other party(ies) for losses (if any). The compensation rate shall be agreed by the parties; in case of disagreement, the decision shall be made by the judicial body or arbitration organization stipulated in article 10 of this contract.

Điều 6/ Article 6:

Thời hạn Hợp đồng liên doanh này là. . . . năm kể từ ngày được cấp Giấy Phép đầu tư. Bất kỳ sự thay đổi nào về thời hạn phải được các Bên thỏa thuận và báo cáo cơ quan cấp Giấy Phép đầu tư xem xét chuẩn y.

The duration of this joint venture contract is.... years, commencing from the date of issuance of the investment registration certificate. Any changes to this duration must be agreed by all parties and reported to the investment registration certificate - issuing body for consideration and approval.

Điều 7/ Article 7:

Kể từ ngày được cấp Giấy phép đầu tư, dự án này được thực hiện theo tiến độ sau:
Commencing from the date of issuance the investment registration certificate, this contract shall be implemented following the schedule below:

1. Khởi công xây dựng: : từ tháng thứ.

Construction: from month

2. Lắp đặt thiết bị: từ tháng thứ.

Equipment installation: from month

3. Vận hành thử: từ tháng thứ.

Trial operation: from month

4. Sản xuất chính thức: từ tháng thứ.

Official production: from month

Điều 8/ Article 8:

Trách nhiệm khác của các Bên liên doanh được quy định như sau:.....

Other responsibilities of joint venture parties are stipulated as follows

(Phân định rõ trách nhiệm của từng Bên trong việc xin cấp giấy phép đầu tư, thuê đất, cung ứng điện, nước, tài chính, vật liệu xây dựng, thiết bị, công nghệ, thị trường, quản lý, đào tạo. . .)

(Allocate clearly the responsibilities of each party in the application for the investment license, entry visas, land rent, supply of electric power and water, finance, building materials, equipment, technology, markets, management, training, and so forth)

Điều 9/ Article 9:

Sau khi hoàn thành mọi nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam, các Bên chia lợi nhuận và chịu rủi ro của Doanh nghiệp liên doanh theo tỷ lệ góp vốn của mỗi Bên (trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác phù hợp với pháp luật Việt Nam được quy định trong Hợp đồng liên doanh).

(Ghi rõ tỷ lệ chia lợi nhuận và rủi ro cho từng Bên liên doanh).

After fulfilling all financial obligations to the State of Vietnam, the remaining profits and losses of the joint venture enterprise shall be shared in proportion to the capital contribution of each party, except where otherwise agreed by the parties in accordance with the law of Vietnam and provided for in the joint venture contract. The percentage of profits and losses shared by each joint venture party shall be specified.

Điều 10/ Article 10:

Tranh chấp giữa các Bên có liên quan, hoặc phát sinh từ Hợp đồng trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trong trường hợp các Bên tranh chấp vẫn không thỏa thuận được với nhau thì vụ tranh chấp sẽ được đưa ra. . . . (ghi rõ tên và địa chỉ tòa án hoặc tổ chức trọng tài).

Any disputes between the parties related to or arising from the contract shall be resolved first through negotiation and conciliation. In cases where the parties in dispute cannot agree with each other, the dispute shall be referred to.....(*State clearly the name and address of the court or arbitration organization*).

Quyết định của. . . . (tổ chức trên) là chung thẩm và các Bên sẽ phải tuân theo

The decision of ... (above organization)... shall be final and binding on the parties.

Điều 11/ Article 11:

Doanh nghiệp liên doanh có thể chấm dứt hoạt động, giải thể doanh nghiệp trong các trường hợp sau:

The joint venture enterprise may terminate its operations or dissolve the enterprise in the following cases:

Điều 12/ Article 12:

Các Bên liên doanh có quyền chuyển nhượng giá trị phần vốn của mình trong Doanh nghiệp liên doanh theo các quy định tại điều lệ doanh nghiệp và theo quy định của Luật doanh nghiệp, luật đầu tư.

The joint venture parties may assign the value of their respective contributed capital in the contract as stipulated in the charter and in the enterprise Law, in the Investment Law.

Điều 13/ Article 13:

Mọi điều khoản khác có liên quan không được quy định cụ thể tại Hợp đồng liên doanh này sẽ được các Bên thực hiện theo pháp luật Việt Nam và Giấy chứng nhận đầu tư.

All other related terms that are not stipulated in this joint venture contract shall be implemented by the parties in accordance with the law of Vietnam and the investment license.

Điều 14/ Article 14:

Hợp đồng liên doanh này có thể được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị và thông báo cho Ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh trước khi thực hiện.

The joint venture contract may be supplemented and/or amended in accordance with the resolution of the board of management and subject to approval by the Saigon Hi-tech Park prior to the implementation (*of such amendment and/or addition*)

Điều 15/ Article 15:

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

This contract shall take effect as of the date of issuance of the investment registration certificate.

Điều 16/ Article 16:

Hợp đồng liên doanh này được ký ngày. . . tại., gồm. . . bản gốc bằng tiếng Việt Nam và bằng tiếng. (tiếng nước ngoài thông dụng). Cả hai bản tiếng Việt Nam và tiếng. đều có giá trị pháp lý như nhau.

This joint venture contract is signed at.. (location)...on.... (date)...in....originals in Vietnamese and in....(a commonly used foreign language). Both versions shall be of equal legal validity.

Đại diện

Bên (các Bên) nước ngoài
FOREIGN PARTY(IES)
(Ký tên, chức vụ và dấu)
(Signature and seal)

Đại diện

Bên (các Bên) Việt Nam
VIETNAMESE PARTY(IES)
(Ký tên, chức vụ và dấu)
(Signature and seal)

Trường hợp có nhiều Bên: từng Bên sẽ ký, ghi rõ chức vụ người đại diện ký và đóng dấu (nếu có).

Where there are several parties, state the name of each party and affix the appropriate seal (if any).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

**HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH****BUSINESS CO-OPERATION CONTRACT**

Căn cứ Luật Đầu tư tại Việt Nam và các văn bản pháp lý khác có liên quan, các Bên dưới đây mong muốn được tiến hành hoạt động đầu tư tại Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo hình thức Hợp đồng hợp tác kinh doanh với nội dung và phạm vi được quy định trong Hợp đồng này như sau:

Pursuant to the Investment Law in Vietnam and other relevant legal instruments, the parties mentioned hereinafter wish to carry out investment activities in the Socialist Republic of Vietnam in the form of a business co-operation contracts as outlined in the contents and scope of this business co-operation contract.

A. Bên (các Bên) Việt Nam:**A. Vietnamese party(ies):**

1. Tên Công ty / *Company name*:
2. Đại diện được ủy quyền / *Authorized representative*:
- Chức vụ / *Title*:
3. Trụ sở chính / *Head office*:
- Điện thoại / *Telephone*:
- Fax:
4. Ngành, nghề kinh doanh chính/ *Main business line(s)*
5. Giấy phép thành lập công ty / *Certificate of incorporation No*:
- Đăng ký tại / *Register at*:
- Ngày / *Date*:

B. Bên (các Bên) nước ngoài:**B. Foreign party(ies):**

1. Tên công ty hoặc cá nhân / *Name of company or individual*.....
2. Đại diện được ủy quyền / *Authorized representative*:
- Chức vụ / *Title*:
- Quốc tịch / *Nationality*:

Địa chỉ thường trú / *Permanet address*:

3. Trụ sở chính / *Head office*:

Điện thoại / *Telephone*: Fax:

4. Ngành, nghề kinh doanh chính/ *Main business lines*:

5. Giấy phép thành lập công ty / *Certifiaace of incoporation No*:

Đăng ký tại / *Registered at*:

Ngày / *Date*:

Ghi chú: Nếu một hoặc cả hai Bên liên doanh gồm nhiều thành viên, thì từng thành viên sẽ mô tả đầy đủ các chi tiết nêu trên; Mỗi Bên cần chỉ định đại diện được ủy quyền của mình.

(Note: If either contracting party comprises more than one member, then each member shall provide all above details. Each party needs to appoint its own authorized representative.)

Cùng thỏa thuận ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh này với các điều khoản và điều kiện sau đây:

Hereby agree to sign this Business Co-operation Contract with the following terms and conditions:

Điều 1/Article 1:

Mục tiêu hợp tác kinh doanh trên cơ sở Hợp đồng.

Objectives of business co-operation on the basis of a contract:

(mô tả chi tiết nội dung và phạm vi hợp tác kinh doanh)

(State in detail a clear description of the proposed content and scope of business co-operation)

Điều 2/ Article 2:

1. Địa điểm thực hiện / *Location*:

2. Năng lực sản xuất: Hàng hóa/dịch vụ vào năm sản xuất ổn định

Product capacity: goods/services in the stabilized production year

○ *(Chia thành sản phẩm chính và phụ - nếu cần thiết)*

○ *Split into main and auxiliary products(if necessary)*

3. Sản phẩm của Hợp đồng hợp tác kinh doanh này sẽ được tiêu thụ:

Product(s) of this Cooperation contract shall be marketed as follows:

○ *Tại thị trường Việt Nam/Vietnamese market: % sản phẩm/% of products*

○ *Tại thị trường nước ngoài/Foreign market: % sản phẩm/% of products*

4. Văn phòng điều hành của Bên nước ngoài (nếu có).....

Operating office (if any):

Địa chỉ/ *Address*:.....

Điện thoại/ *Telephone*:..... Fax:.....

Điều 3/ Article 3:

Trách nhiệm của các Bên hợp doanh trong việc góp vốn để thực hiện Hợp đồng:

Responsibilities of business co-operation parties to contribute capital for the implementation of the contracts:

a) Bên (các Bên) Việt Nam: góp..... bằng.....

(quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, nguyên vật liệu, bộ phận rời, linh kiện, tiền mặt, các chi phí khác...)

Then Vietnamese party(ies) shall contribute.....in the form of.....(the land use right, machinery and equipment, raw materials, spare parts, components, cash, other costs....)

b) Bên (các Bên) nước ngoài: góp bằng.....

(máy móc thiết bị, nguyên vật liệu, bộ phận rời, linh kiện, tiền nước ngoài, các chi phí khác...)

The foreign party(ies) shall contribute.....in the form of.....(machinery and equipment, , raw materials, spare parts, components, cash, other costs....)

Nếu vào thời điểm đóng góp thực tế, những giá trị trên đây thay đổi so với giá trị hiện tại thì các Bên phải thỏa thuận về những sửa đổi đó và báo cáo Ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh xem xét và chuẩn y.

At the time when the actual contribution is made, if the projected values shown above differ from the actual contributes values, the two parties must reach an agreement on the differences and report same to the Saigon Hi-tech Park for consideration and approval.

Trong trường hợp một Bên không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ như đã thỏa thuận thì Bên đó phải thông báo cho các Bên kia biết lý do và những biện pháp xử lý trước . . . ngày. Thiệt hại thực tế và chính đáng do sự chậm trễ hay không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của một Bên gây ra, sẽ được bồi thường theo thỏa thuận của các Bên; trong trường hợp không thỏa thuận được thì sẽ do cơ quan xét xử hoặc trọng tài quy định tại Điều 10 Hợp đồng này quyết định.

Where one of the parties is unable to fulfill its responsibilities as agreed, that party must inform the other party withindays of the reasons as well as the measures to be taken to remedy the situation. The actual and legitimate losses caused by any delay or inability of one party to carry out its responsibility(ies) must be compensated for as mutually agreed; in cases of disagreement, the decision shall be made by the judicial body or arbitration organization stipulated in article 10 of this contract.

Điều 4/Article 4:

Các trách nhiệm, nghĩa vụ khác của các Bên trong việc thực hiện Hợp đồng/*Other duties and responsibilities of the parties in the implementation of the contract:*

- Bên Việt Nam/*Vietnamese party(ies):*.....

- Bên nước ngoài/*Foreign party(ies):*.....

(Quy định cụ thể Bên chịu trách nhiệm, thời hạn hoàn thành. . . trong từng việc như tổ chức và quản lý sản xuất, quản lý kỹ thuật và công nghệ, mua sắm thiết bị, nguyên liệu, tiêu thụ sản phẩm. . .).

(State in detail the party bearing the responsibilities for, and the time-limit for, completion of each jobs, such as organization and management of production, technical and technology control, purchase of equipment, raw materials, consumption of products, and so forth).

Điều 5/Article 5:

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các Bên thỏa thuận cơ chế giám sát như sau:....

During the implementation of the contract, the parties agree on the following supervision mechanism:

(Miêu tả cụ thể cơ chế, trong đó có thể thành lập Ban điều phối, Văn phòng điều hành của Bên nước ngoài bao gồm phương thức thành lập, hoạt động, quyền hạn, trách nhiệm...).

(Describe in detail the mechanism whereby a co-ordination board and operating office may be established and the method of establishment, activities, authority, responsibilities, and so forth).

Điều 6/Article 6:

Thời hạn Hợp đồng này là. . . . năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Bất kỳ sự thay đổi nào về thời hạn của Hợp đồng phải được các Bên thỏa thuận và báo cáo xem xét và chuẩn y.

The duration of this contract is.....years from the date of issuance of the investment registration certificate. Any changes to the duration of the contract must be agreed by the parties and reported to the investment registration certificate issuing-body for consideration and approval.

Nếu một Bên hợp doanh muốn kéo dài thời hạn Hợp đồng ngoài thời hạn đã được thỏa thuận phải thông báo cho (các) Bên kia ít nhất là. . . . tháng trước ngày Hợp đồng hết hạn. Nếu các Bên thỏa thuận kéo dài thời hạn Hợp đồng thì phải báo cáo Ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh xem xét trong thời hạn ít nhất là 6 tháng trước khi hết hạn Hợp đồng.

Any of the business co-operation parties wishing to extend the agreed duration of the contract must so inform the other party at least.....months prior to the expiry of the contract. If the parties agree to the extension of the contract, they must submit an application for consideration by the SHTP at least six months prior to the expiry of the contract.

If all conditions for termination of the contract in which are stipulated in the contract cannot be implemented, the contract shall remain in effect regardless of the expiry of the contract, provided that the extended duration of the contract is approved by the investment registration certificate - issuing body.

Điều 7/Article 7:

Kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đầu tư, Hợp đồng này được thực hiện theo tiến độ sau:

The schedule for implementing this contract from the date of issuance of the investment registration certificate shall be as follows:

1. Khởi công xây dựng: từ tháng thứ.
Construction: from month.....to month.....
2. Lắp đặt thiết bị: từ tháng thứ.
Equipment installation: from month.....to month.....
3. Vận hành thử: từ tháng thứ.
Trial operation: from month.....to month....
4. Sản xuất chính thức: từ tháng thứ.
Official production: from month.....

Điều 8/Article 8:

1. (các Bên) nước ngoài thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư. (ghi rõ phương thức nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của Bên nước ngoài: nộp trực tiếp, Bên Việt Nam nộp hộ v.v...).

The foreign party(ies) must fully carry out its/their tax obligations and other financial obligation as stipulated in the investment license. (State clearly the method of paying profits tax and the profit remittance tax of the foreign party(ies): via direct payment, via the Vietnamese party(ies), and so forth).

2. (Các) Bên Việt Nam thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật áp dụng đối với Doanh nghiệp trong nước và các quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư.

The Vietnamese party (ies) shall fully carry out its/their taxation obligations and other financial obligations in accordance with the laws applicable to domestic enterprises and the provisions stipulated in the investment license.

Lưu ý: cần xác định rõ Bên chịu trách nhiệm nộp các loại thuế chung liên quan đến thực hiện Hợp đồng như thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng. . .

(Note: The party responsible for paying the general taxes related to the implementation of the contract such as export duties, import duties, turnover tax....should be clearly defined.)

Điều 9/Article 9:

Các Bên tham gia Hợp đồng thỏa thuận chi sản phẩm và / hoặc lợi nhuận, các khoản lỗ thông qua việc thực hiện Hợp đồng như sau:

The contracting parties agree to share products and/or profits losses from the implementation of the contract as follows:

- (các) Bên Việt Nam (ghi rõ từng Bên, nếu cần thiết)
Vietnamese party(ies) : (State clearly each party, if necessary)
- (các Bên) nước ngoài (ghi rõ từng Bên, nếu cần thiết)
Foreign party(ies): (State clearly each party, if necessary)

Điều 10/Article 10:

Tranh chấp giữa các Bên có liên quan, hoặc phát sinh từ Hợp đồng trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trong trường hợp các Bên tranh chấp vẫn không thỏa thuận được với nhau thì vụ tranh chấp sẽ được đưa ra. . . (ghi rõ tên và địa chỉ Tòa án hoặc tổ chức trọng tài).

Any disputes among the parties related to or arising from the contract must first be resolved through negotiation and conciliation. In case of continued disagreement, the disputes shall be referred to.....(clearly state name and address of court or arbitration organization).

Quyết định của. . . (tổ chức trên) là chung thẩm và các Bên phải tuân theo.

The decision of.....(name of above organization)..shall be final and binding on both parties.

Điều 11/Article 11:

Các Bên có quyền chuyển nhượng giá trị phần vốn của mình trong Hợp đồng, theo các quy định tại Luật Đầu tư và các điều khoản liên quan của Nghị định số 108/NĐ-CP của Chính phủ.

The parties may assign the value of their respective capital contributions in the contract as stipulated in the Investment law and Degree 108/ND-CP.

Điều 12/Article 12:

Hợp đồng hợp tác kinh doanh này có thể chấm dứt hoạt động trước thời hạn và / hoặc kết thúc trong các trường hợp sau:

This business co-operation contract may be terminated prior to the expiry of its duration or terminate in the following cases:

Điều 13/Article 13:

Khi Hợp đồng hết hạn, các Bên thỏa thuận việc thanh lý các tài sản liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của các Bên trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

Upon expiry of the contract, the parties agree on the liquidation of the assets relating to their rights and responsibilities in the business co-operation contract as follows:

(Mô tả chi tiết các điều kiện có liên quan đến quyền hạn, nghĩa vụ, tài sản. . . phù hợp với các quy định tại Luật Đầu tư và các điều khoản liên quan của Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ).

(Describe in detail the condition in respect of each party's rights, responsibilities, assets, and so forth, in conformity with the spirit of the Law on Investment and relevant provisions of the Decree.)

Điều 14/Article 14:

Mọi điều khoản khác có liên quan không được quy định cụ thể tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh này sẽ được các Bên thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và của Giấy chứng nhận đầu tư.

All other terms relating to the business co-operation contract but not specifically provided for in this business co-operation contract shall be implemented by the parties in accordance with the provisions of the law of Vietnam and of the investment license.

Điều 15/Article 15:

Hợp đồng hợp tác kinh doanh này có thể được sửa đổi, bổ sung sau khi có thỏa thuận bằng văn bản giữa các Bên và phải được cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư chuẩn y trước khi thực hiện.

This business co-operation contract may be supplemented and/or amended pursuant to a written agreement between the parties and must be approved by the investment license issuing body prior to being implemented.

Điều 16/Article 16:

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

This contract shall take effect from the date of issuance of the investment registration certificate.

Điều 17/Article 17:

Hợp đồng hợp tác kinh doanh này được ký ngày., tại., gồm . . . bản gốc bằng tiếng Việt Nam và bằng tiếng. . . . (tiếng nước ngoài thông dụng). Cả hai bản tiếng Việt Nam và tiếng. . . . đều có giá trị pháp lý như nhau.

This contract is signed at....(location)....on.....(date).....inoriginals in Vietnamese and in.....(a commonly used foreign language).....Both the Vietnamese version and the.....version shall be of equal validity.

Đại diện

Bên (các Bên) nước ngoài

(Ký tên, chức vụ và dấu)

FOREIGN PARTY

(Signature, title and seal)

Đại diện

Bên (các Bên) Việt Nam

(Ký tên, chức vụ và dấu)

VIETNAMESE PARTY

(Signature, title and seal)

17. Thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư có quy mô từ 300 tỷ đồng trở lên và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập chi nhánh

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Bước 2: Sau khi chuẩn bị đầy đủ hồ sơ thì nhà đầu tư sẽ nộp hồ sơ tại VP Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh, đường D1, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9 (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận sẽ tiến hành hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ;

+ Nếu hồ sơ đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận viết giấy biên nhận.

Bước 3: Sau khi có giấy biên nhận hẹn ngày nhận kết quả thì nhà đầu tư sẽ nhận kết quả tại bộ phận trả hồ sơ.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu);

2. Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất hoặc Giấy chứng nhận Ngân hàng);

3. Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của nhà đầu tư:

- *Đối với nhà đầu tư là tổ chức:* Bản sao công chứng Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD hoặc các tài liệu tương đương khác và kèm bản sao y CMND, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện.

- *Đối với nhà đầu tư là cá nhân:* Bản sao công chứng hộ chiếu hoặc CMND.

- *Lưu ý:* Các bản sao công chứng không quá 03 tháng, kể từ ngày công chứng.

4. Hợp đồng Liên doanh hoặc Hợp đồng Hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư giữa nhà đầu tư trong nước và nước ngoài (theo mẫu). Hợp đồng Liên doanh hoặc Hợp đồng Hợp tác kinh doanh do đại diện có thẩm quyền của các Bên liên doanh ký vào từng trang và ký đầy đủ vào cuối Hợp đồng;

5. Bản giải trình công nghệ, với nội dung bổ sung đầy đủ các góp ý đã được Hội đồng Khoa học Công nghệ thông qua;

6. Giải trình kinh tế - kỹ thuật gồm các nội dung theo mẫu (theo mẫu);
7. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp;
8. Bản sao Điều lệ công ty tương ứng mỗi loại hình doanh nghiệp;
9. Quyết định bằng văn bản và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của chủ sở hữu công ty hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần, của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh về việc thành lập chi nhánh;
10. Bản sao hợp lệ quyết định bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện);
11. Văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với công ty kinh doanh ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có vốn pháp định;
12. Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề đối với công ty kinh doanh ngành, nghề mà theo quy định của Pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề;

* Lưu ý: Nếu chi nhánh được lập tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính thì doanh nghiệp không phải nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, bản sao Điều lệ công ty trong hồ sơ đăng ký hoạt động.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ gốc và 03 bộ sao.

- **Thời hạn giải quyết:** 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): các Bộ, ngành có liên quan.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Lệ phí (nếu có):** Không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (Phụ lục I-2).

+ Hợp đồng Liên doanh hoặc Hợp đồng Hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư giữa nhà đầu tư trong nước và nước ngoài.

+ Giải trình kinh tế - kỹ thuật.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Dự án phải đáp ứng các tiêu chí công nghệ cao về chi phí nghiên cứu phát triển, ngành, đào tạo,...

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006;

+ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006;

+ Luật Kinh doanh bất động sản số 63/2006/QH11 ban hành ngày 12 tháng 7 năm 2006, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2007;

+ Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ban hành ngày 27 tháng 6 năm 2005, có hiệu lực thi hành 01 tháng 01 năm 2006;

+ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008;

+ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

+ Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;

+ Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản;

+ Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

+ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

+ Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp;

+ Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHHCN ngày 18 tháng 02 năm 2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành “quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao”;

+ Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam;

+ Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự thủ đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

+ Quyết định số 71/QĐ-KCNC ngày 20 tháng 6 năm 2007 của Ban quản lý Khu Công nghệ cao Tp Hồ Chí Minh, có hiệu lực kể từ ngày ký, về việc ban hành quy trình hướng dẫn thủ tục đầu tư vào Khu Công nghệ cao Tp Hồ Chí Minh.

(Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

Phụ lục I-2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ/ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ
(đối với trường hợp gắn với thành lập Chi nhánh)

Kính gửi: BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
TP. HỒ CHÍ MINH (SHTP)

Nhà đầu tư:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Chức vụ: Ngày sinh:

Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/hộ chiếu số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với trường hợp không có CMND/hộ chiếu (*tên giấy, số, ngày, nơi cấp*):

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện nay: Điện thoại:

Fax: Mail:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư/Quyết định thành lập

Số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Ngày sinh:

Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/hộ chiếu số: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với trường hợp không có CMND/hộ chiếu (*tên giấy, số, ngày, nơi cấp*)

Chức vụ:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện nay: Điện thoại:

Fax: Email:

Đăng ký hoạt động của Chi nhánh để thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

I. Nội dung đăng ký hoạt động của Chi nhánh

1. Tên chi nhánh:

a) Tên bằng tiếng Việt:

b) Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

c) Tên viết tắt nếu có:

2. Địa chỉ:

f) Số nhà/đường:

g) Phố/xã:

h) Phường/quận:

i) Huyện/tỉnh:

j) Thành phố:

3. Người đứng đầu chi nhánh:

4. Ngành nghề kinh doanh:

STT	Mã ngành	Tên ngành

II. Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án đầu tư:

2. Địa điểm thực hiện dự án:

Diện tích đất dự kiến sử dụng:

3. Mục tiêu và quy mô của dự án:

4. Vốn đầu tư thực hiện dự án:

Trong đó: Vốn góp để thực hiện dự án:

5. Thời hạn hoạt động:

6. Tiến độ thực hiện dự án:

7. Kiến nghị được hưởng ưu đãi đầu tư:

III. Nhà đầu tư cam kết:

3. Về tính chính xác của nội dung hồ sơ đầu tư;

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đầu tư

....., ngày tháng năm

NHÀ ĐẦU TƯ

Hồ sơ kèm theo:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

HỢP ĐỒNG LIÊN DOANH
JOINT VENTURE CONTRACT

Căn cứ Luật Đầu tư tại Việt Nam và các văn bản pháp lý khác có liên quan, các Bên dưới đây đã ký Hợp đồng liên doanh để xin thành lập tại Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam một Doanh nghiệp liên doanh với nội dung như sau:

Based on the Investment Law in Vietnam and other relevant legal documents, the parties mentioned hereinafter have signed a joint venture contract to establish in the Socialist Republic of Vietnam a joint venture enterprise with the following contents and on the following terms:

A. Bên (các Bên) Việt Nam/ Vietnamese party(ies)

5. Tên Công ty:.....

Name of company

2. Đại diện được ủy quyền:

Authorized representative:

Chức vụ / Title:

3. Trụ sở chính / Head office:

Điện thoại/ Telephone:..... **Fax:**.....

4. Ngành, nghề kinh doanh chính/ Main business lines:.....

5. Giấy phép thành lập công ty/ Certificate of incorporation no:

Đăng ký tại/ Registered at:

Ngày/ Date:.....

B. Bên (các Bên) nước ngoài /Foreign party(ies):

1. Tên công ty hoặc cá nhân :.....

Name of company or individual:

2. Đại diện được ủy quyền:

Authorized representative:

Chức vụ/ Title:

Quốc tịch /Nationality:

3. Trụ sở chính/ Head office:

Điện thoại / Telephone: **Fax:**.....

4. Ngành, nghề kinh doanh chính:

Main line of business:

5. Giấy phép thành lập công ty:.....

Certificate of incorporation no:

Đăng ký tại/ Registered at:

Ngày/ Date:.....

Ghi chú: Nếu một hoặc cả hai Bên liên doanh gồm nhiều thành viên, thì từng thành viên sẽ mô tả đầy đủ các chi tiết nêu trên; Mỗi Bên cần chỉ định đại diện được ủy quyền của mình.

(Note: If any of the joint venture parties comprises more than one member, each member shall provide in full the above details. Each party shall appoint an authorized representative...)

Điều 1/ Article 1:

1. Các Bên thỏa thuận thành lập một Doanh nghiệp liên doanh tại Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhằm mục đích:(mô tả các mục tiêu sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp liên doanh).

The parties agree to establish the joint venture enterprise in the Socialist Republic of Vietnam with the purpose of: (State in detail the objectives of production and business of the joint venture enterprise)

2. Tên Doanh nghiệp liên doanh là. . . . (tiếng Việt Nam), tên giao dịch (bằng tiếng nước ngoài thông dụng) của Doanh nghiệp liên doanh là

The name of the joint venture enterprise is :(in Vietnamese); the transaction name of the joint venture enterprise in a commonly foreign language is:

Điều 2 / Article 2:

1. Địa chỉ của Doanh nghiệp liên doanh

Address of the joint venture enterprise

- **Trụ sở chính/ Head office:**.....

- **Nhà máy/xưởng sản xuất chính:**

Main production factory/workshop

- **Chi nhánh (nếu có):**.....

Branch(es)

- **Văn phòng đại diện (nếu có):**

Representative office(s)

2. Năng lực sản xuất: Hàng hóa/dịch vụ vào năm sản xuất ổn định**Chia thành sản phẩm chính và phụ (nếu cần thiết)**

Production capacity: goods/services * in the year in which the production becomes stable.
Split into main and auxiliary products (if necessary).

3. Sản phẩm của Doanh nghiệp liên doanh sẽ được tiêu thụ:

Products of the joint venture enterprise shall be marketed as follows

- **Tại thị trường Việt Nam:**.....% sản phẩm
Vietnamese market: % of products
- **Tại thị trường nước ngoài:**% sản phẩm
Foreign markets: % of product

4. Các cam kết chung khác của các Bên liên doanh trong việc thực hiện dự án:...**(tiến độ và nội dung thực hiện chương trình nội địa hóa đối với các sản phẩm cơ khí, điện, điện tử...).**

Any other general undertaking of joint venture parties in relation to the implementation of the project such as the progress and the contents of the localization program for mechanical, electric and electronic products, and so forth.

Điều 3/ Article 3:**1. Tổng vốn đầu tư của Doanh nghiệp là:**

The total invested capital of the enterprise

2. Vốn đăng ký của Doanh nghiệp là:

The register capital of the enterprise

Trong đó:

To which

a. Bên Việt Nam góp/ The Vietnamese party contributes:

chiếm/ accounting for.....% vốn pháp định/ of legal capital, bằng/ comprising:

- **Tiền/ Cash:**.....

- **Giá trị máy móc, thiết bị:**

Value of equipment, machinery

- **Giá trị chuyển giao công nghệ (nếu có):.....**

Value of technology transfer (if any)

(kèm theo Hợp đồng chuyển giao công nghệ)

(Enclose technology transfer contract)

- **Giá trị quyền sử dụng đất, nhà xưởng hoặc các khoản góp vốn khác**

Value of the land use right, factory, or other contributions

b. Bên nước ngoài góp/ The foreign party contributes:....., chiếm/

accounting for.....% vốn đăng ký / of register capital, bằng/ comprising:

- **Tiền/ Cash:**.....

- **Giá trị máy móc, thiết bị:**

Value of equipment, machinery

- **Giá trị chuyển giao công nghệ (nếu có):.....**

Value of technology transfer (if any)

(kèm theo Hợp đồng chuyển giao công nghệ)

(Enclose technology transfer contract)

- Các khoản góp vốn khác theo Luật Đầu tư nước ngoài

Other contributions in accordance with the Law on Foreign Investment

(Trường hợp Doanh nghiệp liên doanh gồm nhiều Bên, trình bày chi tiết tỷ lệ, phương thức góp vốn của từng Bên).

(In case of a multi-party joint venture describe in detail the capital contribution percentage and method of contribution by each party.)

3. Vốn vay/ Loans:

(Nêu chi tiết về quy mô; Bên chịu trách nhiệm thu xếp vốn vay; các điều kiện vay trả, bảo lãnh.)

(Describe in detail the scale; the party responsible for arranging the loans; the conditions of loans, repayment, guarantee, and so forth.)

Điều 4/ Article 4:

Các Bên cam kết góp vốn đầy đủ theo đúng tiến độ như sau:

The parties undertake to contribute their respective capital contributions fully and on time as follows

(miêu tả chi tiết tiến độ góp vốn của từng Bên).

(Describe in detail the schedule for capital contribution by each party.)

Điều 5/ Article 5:

Bên nào không có khả năng hoàn thành tiến độ góp vốn như đã cam kết tại Điều 4 thì Bên đó phải thông báo cho (các) Bên kia lý do và biện pháp xử lý trước. . . . ngày và phải bồi thường những thiệt hại cho (các) Bên kia nếu có, mức bồi thường do các Bên thỏa thuận, trường hợp không thỏa thuận được sẽ do cơ quan xét xử hoặc Trọng tài quy định tại Điều 10 Hợp đồng này quyết định.

Any party unable to complete the capital contribution schedule as agreed in article 4 shall have to inform the other party(ies) of the reasons therefore and the measures to be taken by the party in order to resolve the situation ...(days) in advance and shall provide compensation to the other party(ies) for losses (if any). The compensation rate shall be agreed by the parties; in case of disagreement, the decision shall be made by the judicial body or arbitration organization stipulated in article 10 of this contract.

Điều 6/ Article 6:

Thời hạn Hợp đồng liên doanh này là. . . . năm kể từ ngày được cấp Giấy Phép đầu tư. Bất kỳ sự thay đổi nào về thời hạn phải được các Bên thỏa thuận và báo cáo cơ quan cấp Giấy Phép đầu tư xem xét chuẩn y.

The duration of this joint venture contract is.... years, commencing from the date of issuance of the investment registration certificate. Any changes to this duration must be agreed by all parties and reported to the investment registration certificate - issuing body for consideration and approval.

Điều 7/ Article 7:

Kể từ ngày được cấp Giấy phép đầu tư, dự án này được thực hiện theo tiến độ sau:
Commencing from the date of issuance the investment registration certificate, this contract shall be implemented following the schedule below:

1. Khởi công xây dựng: : từ tháng thứ.

Construction: from month

2. Lắp đặt thiết bị: từ tháng thứ.

Equipment installation: from month

3. Vận hành thử: từ tháng thứ.

Trial operation: from month

4. Sản xuất chính thức: từ tháng thứ.

Official production: from month

Điều 8/ Article 8:

Trách nhiệm khác của các Bên liên doanh được quy định như sau:.....

Other responsibilities of joint venture parties are stipulated as follows

(Phân định rõ trách nhiệm của từng Bên trong việc xin cấp giấy phép đầu tư, thuê đất, cung ứng điện, nước, tài chính, vật liệu xây dựng, thiết bị, công nghệ, thị trường, quản lý, đào tạo. . .)

(Allocate clearly the responsibilities of each party in the application for the investment license, entry visas, land rent, supply of electric power and water, finance, building materials, equipment, technology, markets, management, training, and so forth)

Điều 9/ Article 9:

Sau khi hoàn thành mọi nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam, các Bên chia lợi nhuận và chịu rủi ro của Doanh nghiệp liên doanh theo tỷ lệ góp vốn của mỗi Bên (trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác phù hợp với pháp luật Việt Nam được quy định trong Hợp đồng liên doanh).

(Ghi rõ tỷ lệ chia lợi nhuận và rủi ro cho từng Bên liên doanh).

After fulfilling all financial obligations to the State of Vietnam, the remaining profits and losses of the joint venture enterprise shall be shared in proportion to the capital contribution of each party, except where otherwise agreed by the parties in accordance with the law of Vietnam and provided for in the joint venture contract. The percentage of profits and losses shared by each joint venture party shall be specified.

Điều 10/ Article 10:

Tranh chấp giữa các Bên có liên quan, hoặc phát sinh từ Hợp đồng trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trong trường hợp các Bên tranh chấp vẫn không thỏa thuận được với nhau thì vụ tranh chấp sẽ được đưa ra. . . . (ghi rõ tên và địa chỉ tòa án hoặc tổ chức trọng tài).

Any disputes between the parties related to or arising from the contract shall be resolved first through negotiation and conciliation. In cases where the parties in dispute cannot agree with each other, the dispute shall be referred to.....(*State clearly the name and address of the court or arbitration organization*).

Quyết định của. . . . (tổ chức trên) là chung thẩm và các Bên sẽ phải tuân theo

The decision of ... (above organization)... shall be final and binding on the parties.

Điều 11/ Article 11:

Doanh nghiệp liên doanh có thể chấm dứt hoạt động, giải thể doanh nghiệp trong các trường hợp sau:

The joint venture enterprise may terminate its operations or dissolve the enterprise in the following cases:

Điều 12/ Article 12:

Các Bên liên doanh có quyền chuyển nhượng giá trị phần vốn của mình trong Doanh nghiệp liên doanh theo các quy định tại điều lệ doanh nghiệp và theo quy định của Luật doanh nghiệp, luật đầu tư.

The joint venture parties may assign the value of their respective contributed capital in the contract as stipulated in the charter and in the enterprise Law, in the Investment Law.

Điều 13/ Article 13:

Mọi điều khoản khác có liên quan không được quy định cụ thể tại Hợp đồng liên doanh này sẽ được các Bên thực hiện theo pháp luật Việt Nam và Giấy chứng nhận đầu tư.

All other related terms that are not stipulated in this joint venture contract shall be implemented by the parties in accordance with the law of Vietnam and the investment license.

Điều 14/ Article 14:

Hợp đồng liên doanh này có thể được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị và thông báo cho Ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh trước khi thực hiện.

The joint venture contract may be supplemented and/or amended in accordance with the resolution of the board of management and subject to approval by the Saigon Hi-tech Park prior to the implementation (*of such amendment and/or addition*)

Điều 15/ Article 15:

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

This contract shall take effect as of the date of issuance of the investment registration certificate.

Điều 16/ Article 16:

Hợp đồng liên doanh này được ký ngày. . . tại., gồm. . . bản gốc bằng tiếng Việt Nam và bằng tiếng. (tiếng nước ngoài thông dụng). Cả hai bản tiếng Việt Nam và tiếng. đều có giá trị pháp lý như nhau.

This joint venture contract is signed at.. (location)...on.... (date)...in....originals in Vietnamese and in....(a commonly used foreign language). Both versions shall be of equal legal validity.

Đại diện

Bên (các Bên) nước ngoài
FOREIGN PARTY(IES)
(Ký tên, chức vụ và dấu)
(Signature and seal)

Đại diện

Bên (các Bên) Việt Nam
VIETNAMESE PARTY(IES)
(Ký tên, chức vụ và dấu)
(Signature and seal)

Trường hợp có nhiều Bên: từng Bên sẽ ký, ghi rõ chức vụ người đại diện ký và đóng dấu (nếu có).

Where there are several parties, state the name of each party and affix the appropriate seal (if any).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
 Independence - Freedom - Happiness



HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH
BUSINESS CO-OPERATION CONTRACT

Căn cứ Luật Đầu tư tại Việt Nam và các văn bản pháp lý khác có liên quan, các Bên dưới đây mong muốn được tiến hành hoạt động đầu tư tại Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo hình thức Hợp đồng hợp tác kinh doanh với nội dung và phạm vi được quy định trong Hợp đồng này như sau:

Pursuant to the Investment Law in Vietnam and other relevant legal instruments, the parties mentioned hereinafter wish to carry out investment activities in the Socialist Republic of Vietnam in the form of a business co-operation contracts as outlined in the contents and scope of this business co-operation contract.

A. Bên (các Bên) Việt Nam:

A. Vietnamese party(ies):

1. Tên Công ty / *Company name*:
2. Đại diện được ủy quyền / *Authorized representative*:
- Chức vụ / *Title*:
3. Trụ sở chính / *Head office*:
- Điện thoại / *Telephone*:
- Fax:
4. Ngành, nghề kinh doanh chính/ *Main business line(s)*
5. Giấy phép thành lập công ty / *Certificate of incorporation No*:
- Đăng ký tại / *Register at*:
- Ngày / *Date*:

B. Bên (các Bên) nước ngoài:

B. Foreign party(ies):

1. Tên công ty hoặc cá nhân / *Name of company or individual*.....
2. Đại diện được ủy quyền / *Authorized representative*:
- Chức vụ / *Title*:
- Quốc tịch / *Nationality*:

Địa chỉ thường trú / *Permanet address*:

3. Trụ sở chính / *Head office*:

Điện thoại / *Telephone*: Fax:

4. Ngành, nghề kinh doanh chính/ *Main business lines*:

5. Giấy phép thành lập công ty / *Certifiaace of incoporation No*:

Đăng ký tại / *Registered at*:

Ngày / *Date*:

Ghi chú: Nếu một hoặc cả hai Bên liên doanh gồm nhiều thành viên, thì từng thành viên sẽ mô tả đầy đủ các chi tiết nêu trên; Mỗi Bên cần chỉ định đại diện được ủy quyền của mình.

(*Note: If either contracting party comprises more than one member, then each member shall provide all above details. Each party needs to appoint its own authorized representative.*)

Cùng thỏa thuận ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh này với các điều khoản và điều kiện sau đây:

Hereby agree to sign this Business Co-operation Contract with the following terms and conditions:

Điều 1/Article 1:

Mục tiêu hợp tác kinh doanh trên cơ sở Hợp đồng.

Objectives of business co-operation on the basis of a contract:

(*mô tả chi tiết nội dung và phạm vi hợp tác kinh doanh*)

(*State in detail a clear description of the proposed content and scope of business co-operation*)

Điều 2/ Article 2:

1. Địa điểm thực hiện / *Location*:

2. Năng lực sản xuất: Hàng hóa/dịch vụ vào năm sản xuất ổn định

Product capacity: goods/services in the stabilized production year

○ (*Chia thành sản phẩm chính và phụ - nếu cần thiết*)

○ *Split into main and auxiliary products(if necessary)*

3. Sản phẩm của Hợp đồng hợp tác kinh doanh này sẽ được tiêu thụ:

Product(s) of this Cooperation contract shall be marketed as follows:

○ *Tại thị trường Việt Nam/Vietnamese market: % sản phẩm/% of products*

○ *Tại thị trường nước ngoài/Foreign market: % sản phẩm/% of products*

4. Văn phòng điều hành của Bên nước ngoài (nếu có).....

Operating office (if any):

Địa chỉ/ *Address*:.....

Điện thoại/ *Telephone*: Fax:.....

Điều 3/ Article 3:

Trách nhiệm của các Bên hợp doanh trong việc góp vốn để thực hiện Hợp đồng:

Responsibilities of business co-operation parties to contribute capital for the implementation of the contracts:

a) Bên (các Bên) Việt Nam: góp..... bằng.....

(quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, nguyên vật liệu, bộ phận rời, linh kiện, tiền mặt, các chi phí khác...)

Then Vietnamese party(ies) shall contribute.....in the form of.....(the land use right, machinery and equipment, raw materials, spare parts, components, cash, other costs....)

b) Bên (các Bên) nước ngoài: góp bằng.....

(máy móc thiết bị, nguyên vật liệu, bộ phận rời, linh kiện, tiền nước ngoài, các chi phí khác...)

The foreign party(ies) shall contribute.....in the form of.....(machinery and equipment, , raw materials, spare parts, components, cash, other costs....)

Nếu vào thời điểm đóng góp thực tế, những giá trị trên đây thay đổi so với giá trị hiện tại thì các Bên phải thỏa thuận về những sửa đổi đó và báo cáo Ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh xem xét và chuẩn y.

At the time when the actual contribution is made, if the projected values shown above differ from the actual contributes values, the two parties must reach an agreement on the differences and report same to the Saigon Hi-tech Park for consideration and approval.

Trong trường hợp một Bên không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ như đã thỏa thuận thì Bên đó phải thông báo cho các Bên kia biết lý do và những biện pháp xử lý trước . . . ngày. Thiệt hại thực tế và chính đáng do sự chậm trễ hay không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của một Bên gây ra, sẽ được bồi thường theo thỏa thuận của các Bên; trong trường hợp không thỏa thuận được thì sẽ do cơ quan xét xử hoặc trọng tài quy định tại Điều 10 Hợp đồng này quyết định.

Where one of the parties is unable to fulfill its responsibilities as agreed, that party must inform the other party withindays of the reasons as well as the measures to be taken to remedy the situation. The actual and legitimate losses caused by any delay or inability of one party to carry out its responsibility(ies) must be compensated for as mutually agreed; in cases of disagreement, the decision shall be made by the judicial body or arbitration organization stipulated in article 10 of this contract.

Điều 4/Article 4:

Các trách nhiệm, nghĩa vụ khác của các Bên trong việc thực hiện Hợp đồng/*Other duties and responsibilities of the parties in the implementation of the contract:*

- Bên Việt Nam/*Vietnamese party(ies):*.....

- Bên nước ngoài/*Foreign party(ies):*.....

(*Quy định cụ thể Bên chịu trách nhiệm, thời hạn hoàn thành. . . trong từng việc như tổ chức và quản lý sản xuất, quản lý kỹ thuật và công nghệ, mua sắm thiết bị, nguyên liệu, tiêu thụ sản phẩm. . .*).

(State in detail the party bearing the responsibilities for, and the time-limit for, completion of each jobs, such as organization and management of production, technical and technology control, purchase of equipment, raw materials, consumption of products, and so forth).

Điều 5/Article 5:

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các Bên thỏa thuận cơ chế giám sát như sau:....

During the implementation of the contract, the parties agree on the following supervision mechanism:

(Miêu tả cụ thể cơ chế, trong đó có thể thành lập Ban điều phối, Văn phòng điều hành của Bên nước ngoài bao gồm phương thức thành lập, hoạt động, quyền hạn, trách nhiệm...).

(Describe in detail the mechanism whereby a co-ordination board and operating office may be established and the method of establishment, activities, authority, responsibilities, and so forth).

Điều 6/Article 6:

Thời hạn Hợp đồng này là. . . . năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Bất kỳ sự thay đổi nào về thời hạn của Hợp đồng phải được các Bên thỏa thuận và báo cáo xem xét và chuẩn y.

The duration of this contract is.....years from the date of issuance of the investment registration certificate. Any changes to the duration of the contract must be agreed by the parties and reported to the investment registration certificate issuing-body for consideration and approval.

Nếu một Bên hợp doanh muốn kéo dài thời hạn Hợp đồng ngoài thời hạn đã được thỏa thuận phải thông báo cho (các) Bên kia ít nhất là. . . . tháng trước ngày Hợp đồng hết hạn. Nếu các Bên thỏa thuận kéo dài thời hạn Hợp đồng thì phải báo cáo Ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh xem xét trong thời hạn ít nhất là 6 tháng trước khi hết hạn Hợp đồng.

Any of the business co-operation parties wishing to extend the agreed duration of the contract must so inform the other party at least.....months prior to the expiry of the contract. If the parties agree to the extension of the contract, they must submit an application for consideration by the SHTP at least six months prior to the expiry of the contract.

If all conditions for termination of the contract in which are stipulated in the contract cannot be implemented, the contract shall remain in effect regardless of the expiry of the contract, provided that the extended duration of the contract is approved by the investment registration certificate - issuing body.

Điều 7/Article 7:

Kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đầu tư, Hợp đồng này được thực hiện theo tiến độ sau:

The schedule for implementing this contract from the date of issuance of the investment registration certificate shall be as follows:

1. Khởi công xây dựng: từ tháng thứ.

Construction: from month.....to month.....

2. Lắp đặt thiết bị: từ tháng thứ.

Equipment installation: from month.....to month.....

3. Vận hành thử: từ tháng thứ.

Trial operation: from month.....to month....

4. Sản xuất chính thức: từ tháng thứ.

Official production: from month.....

Điều 8/Article 8:

1. (các Bên) nước ngoài thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư. (ghi rõ phương thức nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của Bên nước ngoài: nộp trực tiếp, Bên Việt Nam nộp hộ v.v...).

The foreign party(ies) must fully carry out its/their tax obligations and other financial obligation as stipulated in the investment license. (State clearly the method of paying profits tax and the profit remittance tax of the foreign party(ies): via direct payment, via the Vietnamese party(ies), and so forth).

2. (Các) Bên Việt Nam thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật áp dụng đối với Doanh nghiệp trong nước và các quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư.

The Vietnamese party (ies) shall fully carry out its/their taxation obligations and other financial obligations in accordance with the laws applicable to domestic enterprises and the provisions stipulated in the investment license.

Lưu ý: cần xác định rõ Bên chịu trách nhiệm nộp các loại thuế chung liên quan đến thực hiện Hợp đồng như thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng. . .

(Note: The party responsible for paying the general taxes related to the implementation of the contract such as export duties, import duties, turnover tax....should be clearly defined.)

Điều 9/Article 9:

Các Bên tham gia Hợp đồng thỏa thuận chi sản phẩm và / hoặc lợi nhuận, các khoản lỗ thông qua việc thực hiện Hợp đồng như sau:

The contracting parties agree to share products and/or profits losses from the implementation of the contract as follows:

○ (các) Bên Việt Nam (ghi rõ từng Bên, nếu cần thiết)

Vietnamese party(ies) : (State clearly each party, if necessary)

○ (các Bên) nước ngoài (ghi rõ từng Bên, nếu cần thiết)

Foreign party(ies): (State clearly each party, if necessary)

Điều 10/Article 10:

Tranh chấp giữa các Bên có liên quan, hoặc phát sinh từ Hợp đồng trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trong trường hợp các Bên tranh chấp vẫn không thỏa thuận được với nhau thì vụ tranh chấp sẽ được đưa ra. . . (ghi rõ tên và địa chỉ Tòa án hoặc tổ chức trọng tài).

Any disputes among the parties related to or arising from the contract must first be resolved through negotiation and conciliation. In case of continued disagreement, the disputes shall be referred to.....(clearly state name and address of court or arbitration organization).

Quyết định của. . . (tổ chức trên) là chung thẩm và các Bên phải tuân theo.

The decision of.....(name of above organization)..shall be final and binding on both parties.

Điều 11/Article 11:

Các Bên có quyền chuyển nhượng giá trị phần vốn của mình trong Hợp đồng, theo các quy định tại Luật Đầu tư và các điều khoản liên quan của Nghị định số 108/NĐ-CP của Chính phủ.

The parties may assign the value of their respective capital contributions in the contract as stipulated in the Investment law and Degree 108/ND-CP.

Điều 12/Article 12:

Hợp đồng hợp tác kinh doanh này có thể chấm dứt hoạt động trước thời hạn và / hoặc kết thúc trong các trường hợp sau:

This business co-operation contract may be terminated prior to the expiry of its duration or terminate in the following cases:

Điều 13/Article 13:

Khi Hợp đồng hết hạn, các Bên thỏa thuận việc thanh lý các tài sản liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của các Bên trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

Upon expiry of the contract, the parties agree on the liquidation of the assets relating to their rights and responsibilities in the business co-operation contract as follows:

(Mô tả chi tiết các điều kiện có liên quan đến quyền hạn, nghĩa vụ, tài sản. . . phù hợp với các quy định tại Luật Đầu tư và các điều khoản liên quan của Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ).

(Describe in detail the condition in respect of each party's rights, responsibilities, assets, and so forth, in conformity with the spirit of the Law on Investment and relevant provisions of the Decree.)

Điều 14/Article 14:

Mọi điều khoản khác có liên quan không được quy định cụ thể tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh này sẽ được các Bên thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và của Giấy chứng nhận đầu tư.

All other terms relating to the business co-operation contract but not specifically provided for in this business co-operation contract shall be implemented by the parties in accordance with the provisions of the law of Vietnam and of the investment license.

Điều 15/Article 15:

Hợp đồng hợp tác kinh doanh này có thể được sửa đổi, bổ sung sau khi có thỏa thuận bằng văn bản giữa các Bên và phải được cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư chuẩn y trước khi thực hiện.

This business co-operation contract may be supplemented and/or amended pursuant to a written agreement between the parties and must be approved by the investment license issuing body prior to being implemented.

Điều 16/Article 16:

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

This contract shall take effect from the date of issuance of the investment registration certificate.

Điều 17/Article 17:

Hợp đồng hợp tác kinh doanh này được ký ngày., tại., gồm . . . bản gốc bằng tiếng Việt Nam và bằng tiếng. . . . (tiếng nước ngoài thông dụng). Cả hai bản tiếng Việt Nam và tiếng. . . . đều có giá trị pháp lý như nhau.

This contract is signed at....(location)....on.....(date).....inoriginals in Vietnamese and in.....(a commonly used foreign language).....Both the Vietnamese version and the.....version shall be of equal validity.

Đại diện

Bên (các Bên) nước ngoài

(Ký tên, chức vụ và dấu)

FOREIGN PARTY

(Signature, title and seal)

Đại diện

Bên (các Bên) Việt Nam

(Ký tên, chức vụ và dấu)

VIETNAMESE PARTY

(Signature, title and seal)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HƯỚNG DẪN LẬP
GIẢI TRÌNH KINH TẾ KỸ THUẬT

I. CHỦ ĐẦU TƯ:

1. Tên Công ty:
2. Đại diện pháp luật:
 - Họ, tên; năm sinh; quốc tịch.
 - Số hộ chiếu. . ., Ngày cấp. . ., Nơi cấp. . .
 - Chức vụ, địa chỉ thường trú.
3. Trụ sở chính:
Điện thoại, Telex, Fax:
4. Ngành nghề kinh doanh chính:
5. Giấy phép thành lập Công ty:
Đăng ký tại. . ., Ngày. . .
Vốn đăng ký:
Công ty mở tài khoản tại Ngân hàng:
Số tài khoản:

(Nếu có nhiều chủ đầu tư thì mô tả riêng từng chủ đầu tư theo những nội dung trên)

II. DOANH NGHIỆP XIN THÀNH LẬP:

1. Tên gọi của doanh nghiệp
 - Tên tiếng Việt:
 - Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài thông dụng:
2. Hình thức đầu tư của doanh nghiệp: (100% vốn nước ngoài, Liên doanh, Hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng).
3. Thời gian hoạt động của doanh nghiệp:
4. Mục tiêu hoạt động chính của doanh nghiệp:
5. Vốn đầu tư:
 - 5.1 Tổng vốn đầu tư dự kiến:, trong đó:
 - Vốn cố định: USD, bao gồm:
 - + Nhà xưởng: m2, trị giá. USD
 - + Văn phòng: m2, trị giá. USD
 - + Máy móc, thiết bị: USD
 - + Vốn cố định khác: USD
 - Vốn lưu động: USD
 - 5.2 Nguồn vốn:
 - Tổng số: USD, trong đó:
 - Vốn pháp định (hoặc vốn góp): USD, trong đó:
 - + Bên (các bên) Việt Nam góp: USD, gồm:
 - * Tiền: USD
 - * Tài sản: USD
 - + Bên (các bên) nước ngoài góp: USD, gồm:
 - * Tiền nước ngoài: USD

* Thiết bị, máy móc: USD

* Tài sản khác: USD

- Vốn vay: USD. Nêu rõ ai chịu trách nhiệm dàn xếp vốn vay, các điều kiện vay trả, bảo lãnh.

III. SẢN PHẨM DỊCH VỤ VÀ THỊ TRƯỜNG:

1. Sản phẩm, dịch vụ: tên, ký mã hiệu, thông số kỹ thuật chủ yếu, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm.

2. Thị trường dự kiến sẽ tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ:

3. Căn cứ lựa chọn sản phẩm, dịch vụ và thị trường:

- Tình hình cung-cầu về sản phẩm, dịch vụ trên các thị trường đã xác định trong qua khứ, hiện tại và dự báo tình hình cung cầu này trong tương lai, cơ sở của những dự báo đó.

- So sánh sản phẩm, dịch vụ của dự án với các sản phẩm, dịch vụ cùng loại đạt chất lượng quốc tế hiện có trên thị trường thế giới.

IV. QUY MÔ SẢN PHẨM VÀ DỰ KIẾN THỊ TRƯỜNG TIÊU THỤ:

Tên sản phẩm, dịch vụ (đơn vị)	Năm thứ 1			Năm . . .	Năm sản xuất ổn định		
	Số lượng	Giá ước tính	Thành tiền		Số lượng	Giá ước tính	Thành tiền
1.							
2.							
3.							
Tổng doanh thu							

Tỷ lệ tiêu thụ sản phẩm

- Tiêu thụ nội địa: % sản phẩm

- Xuất khẩu: % sản phẩm

V. CÔNG NGHỆ, MÁY MÓC, THIẾT BỊ VÀ MÔI TRƯỜNG:

1. Công nghệ:

- Sơ đồ quy trình công nghệ chủ yếu (hoặc các công nghệ chủ yếu)

- Đặc điểm chủ yếu của giải pháp công nghệ đã lựa chọn

- Dự thảo Hợp đồng chuyển giao công nghệ, hỗ trợ kỹ thuật (nếu có)

2. Danh mục máy móc, thiết bị:

Đơn vị: USD

Tên thiết bị	Xuất xứ	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng	Ước giá	Giá trị
I. Thiết bị sản xuất					
II. Thiết bị phụ trợ					
III. Thiết bị vận chuyển					
IV. Thiết bị văn phòng					

Ghi chú: Nếu là thiết bị cũ, thì cần bổ sung năm sản xuất, đánh giá chất lượng và giá trị còn lại. Biên bản giám định máy móc, thiết bị (nếu có).

3. Môi trường: trình bày rõ việc dự án có thải ra các tác nhân gây ô nhiễm môi trường không, nếu có thì trình bày các biện pháp xử lý cần thiết để bảo vệ môi trường không bị ô nhiễm quá giới hạn cho phép: đối với các trường hợp cần phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thì cần phải thực hiện đúng theo quy định của Bộ KH, CN & MT.

VI. CÁC NHU CẦU CHO SẢN XUẤT:

1. Nhu cầu về nguyên liệu và bán thành phẩm:

Đơn vị: USD

Danh mục (chủng loại)	Năm thứ 1			Năm thứ. . .	Năm sx ổn định
	Số lượng	Ước giá	Giá trị		
I. Nhập khẩu vào Việt Nam					
1.					
2.					
3.					
...					
II. Mua tại Việt Nam					
1.					
2.					
3.					
...					

2. Nhu cầu nhiên liệu, năng lượng, nước, các dịch vụ và nguồn cung cấp:

Tên gọi (chủng loại)	Nguồn cung cấp	Năm thứ 1		Năm thứ...	Năm sx ổn định
		Khối lượng	Giá trị		
1.					
2.					
3.					

Trình bày phương án giải quyết nhu cầu cấp điện, nước của dự án.

3. Nhu cầu về lao động vào năm thứ. . . khi đạt công suất thiết kế

Loại lao động	Người Việt Nam	Người nước ngoài	Cộng
1. Cán bộ quản lý			
2. Nhân viên kỹ thuật và giám sát			
3. Công nhân lành nghề			
4. Công nhân giản đơn			
5. Nhân viên văn phòng			
Tổng số			

VII. MẶT BẰNG ĐỊA ĐIỂM VÀ XÂY DỰNG - KIẾN TRÚC:

1. Địa điểm và mặt bằng

- Địa chỉ (xã, huyện, tỉnh), ranh giới và/hoặc tọa độ địa lý của địa điểm dự án (kèm theo bản vẽ).
- Hiện trạng mặt bằng và cơ sở hạ tầng của địa điểm (đường sá, cầu cống, điện, nước, thoát nước, thông tin liên lạc. . .).

- Diện tích mặt đất, mặt nước, mặt biển sử dụng cho dự án và mức giá cho thuê.
- Giá trị đền bù, di chuyển cần thực hiện để giải phóng mặt bằng trên cơ sở thỏa thuận với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

2. Xây dựng - Kiến trúc

2.1 Các hạng mục trong khuôn viên và ngoài khuôn viên

Đơn vị: USD

Tên hạng mục	Đơn vị	Quy mô	Đơn giá	Thành tiền
I. Các hạng mục xây mới				
1.				
2.				
3.				
II. Các hạng mục sửa chữa, cải tạo				
1.				
2.				
3.				
Cộng				

Ghi chú: các hạng mục có kết cấu đặc biệt cần có giải trình cụ thể.

2.2 Sơ đồ tổng mặt bằng (kèm theo bản vẽ)

2.3 Tổng tiến độ xây dựng

VIII. TỔ CHỨC QUẢN LÝ, LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG:

1. Sơ đồ tổ chức của doanh nghiệp

2. Quỹ lương hàng năm

	Năm			
	1	2	ổn định
I. Nhân viên người nước ngoài (ở các bộ phận)				
1.				
2.				
3.				
Tổng quỹ lương cho nhân viên nước ngoài				
II. Nhân viên người Việt Nam (ở các bộ phận)				
1.				
2.				
3.				
Tổng quỹ lương cho nhân viên người Việt Nam				
III. Tổng quỹ lương (I + II)				

3. Phương thức tuyển dụng, kế hoạch đào tạo cán bộ quản lý, kỹ thuật và công nhân (nêu rõ nội dung và chi phí dự kiến)

IX. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN:

- Hoàn thành thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp: tháng thứ.
- Thuê địa điểm: tháng thứ.
- Khởi công xây dựng: tháng thứ.

- Lắp đặt thiết bị: tháng thứ.
- Vận hành thử: tháng thứ.
- Sản xuất chính thức: tháng thứ.

X. CƠ CẤU VỐN ĐẦU TƯ THEO NĂM THỰC HIỆN:

1. Vốn lưu động (chỉ áp dụng cho những dự án có tổng vốn đầu tư trên 5 triệu USD)

Đơn vị: USD

Thành phần	Năm thứ 1	Năm. . .	Năm sx ổn định
1. Vốn sản xuất			
- Nguyên liệu và bán thành phẩm nhập khẩu			
- Nguyên liệu và bán thành phẩm nội địa			
- Lương và bảo hiểm xã hội			
- Chi phí điện, nước, nhiên liệu			
- Phụ tùng thay thế			
2. Vốn lưu thông			
- Nguyên vật liệu tồn kho			
- Bán thành phẩm tồn kho			
- Thành phẩm tồn kho			
- Hàng bán chịu			
3. Vốn bằng tiền mặt			
Tổng vốn lưu động			

2. Vốn cố định:

Đơn vị: USD

Thành phần	Năm thứ 1	Năm. . .	Năm sx ổn định
1. Chi phí chuẩn bị đầu tư			
2. Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san nền và giá trị góp vốn bằng quyền sử dụng đất của Bên Việt Nam (nếu có)			
3. Giá trị nhà cửa và kết cấu hạ tầng sẵn có			
4. Chi phí xây dựng mới hoặc/và cải tạo nhà xưởng, kết cấu hạ tầng			
5. Chi phí máy móc, thiết bị dụng cụ			
6. Vốn góp bằng chuyển giao công nghệ hoặc mau công nghệ trả gọn (nếu có)			
7. Chi phí đào tạo ban đầu			
8. Chi phí khác			
Tổng vốn cố định			

XI. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH:

1. Doanh thu (giá trị)

Đơn vị: USD

Các khoản thu	Năm thứ 1	Năm. . .	Năm sx ổn định
1.			
2.			
...			
Tổng doanh thu hàng năm			

2. Chi phí (giá thành) sản xuất, dịch vụ:

3. Dự kiến lãi, lỗ:

Các chỉ tiêu	Năm thứ 1	Năm . . .	Năm sx ổn định
1. Tổng doanh thu			
2. Tổng chi phí (kể cả lỗ năm trước)			
3. Lợi nhuận trước thuế			
4. Thuế lợi tức			
5. Lợi nhuận sau thuế			
6. Các quỹ			
7. Lợi nhuận được chia			
Trong đó:			
- Bên (các bên) Việt Nam			
- Bên (các bên) nước ngoài			

XII. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA DỰ ÁN:

1. Hiệu quả tài chính:

- Thời gian hoàn vốn
- Điểm hòa vốn lý thuyết
- Hiện giá thuần NPV
- Tỷ suất thu hồi nội bộ IRR
- Phân tích độ nhạy đối với các dự án có sự biến động lớn về giá của các yếu tố đầu vào (vật tư, nguyên liệu, bán thành phẩm. . .)
- Khả năng cân đối ngoại tệ

2. Hiệu quả kinh tế-xã hội của dự án:

- Các loại thu và khoản nộp cho Nhà nước Việt Nam
- Mức độ tiên tiến của sản phẩm và công nghệ áp dụng
- Giá trị sản phẩm tạo ra, trong đó có giá trị xuất khẩu
- Số việc làm được tạo ra bởi dự án

XIII. TỰ NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ:

- Tính khả thi và hiệu quả của dự án
- Các kiến nghị về ưu đãi và các biện pháp mà Nhà nước Việt Nam cần áp dụng liên quan đến dự án.

Ngày. tháng. năm 20...

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký tên, đóng dấu)

18. Thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư có quy mô từ 300 tỷ đồng trở lên và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập doanh nghiệp

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Bước 2: Sau khi chuẩn bị đầy đủ hồ sơ thì nhà đầu tư sẽ nộp hồ sơ tại VP Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh, đường D1, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9 (trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận sẽ tiến hành hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ thì bộ phận tiếp nhận viết giấy biên nhận.

Bước 3: Sau khi có giấy biên nhận hẹn ngày nhận kết quả thì nhà đầu tư sẽ nhận kết quả tại bộ phận trả hồ sơ.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu);

2. Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất hoặc Giấy chứng nhận Ngân hàng);

3. Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của nhà đầu tư:

- *Đối với nhà đầu tư là tổ chức:* Bản sao công chứng Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD hoặc các tài liệu tương đương khác và kèm bản sao y CMND, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện.

- *Đối với nhà đầu tư là cá nhân:* Bản sao công chứng hộ chiếu hoặc CMND.

- *Lưu ý:* Các bản sao công chứng không quá 03 tháng, kể từ ngày công chứng.

4. Hợp đồng Liên doanh hoặc Hợp đồng Hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư giữa nhà đầu tư trong nước và nước ngoài (theo mẫu). Hợp đồng Liên doanh hoặc Hợp đồng Hợp tác kinh doanh do đại diện có thẩm quyền của các Bên liên doanh ký vào từng trang và ký đầy đủ vào cuối Hợp đồng;

5. Bản giải trình công nghệ, với nội dung bổ sung đầy đủ các góp ý đã được Hội đồng Khoa học Công nghệ thông qua;

6. Giải trình kinh tế - kỹ thuật gồm các nội dung theo mẫu (theo mẫu);

7. Dự thảo Điều lệ công ty tương ứng mỗi loại hình doanh nghiệp và phải có đầy đủ chữ ký của các thành viên thành lập công ty;

8. Danh sách thành viên công ty ứng mỗi loại hình doanh nghiệp (theo mẫu);

9. Văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với công ty kinh doanh ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có vốn pháp định;

10. Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề đối với công ty kinh doanh ngành nghề mà theo quy định của Pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ gốc và 03 bộ sao

- **Thời hạn giải quyết:** 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): các Bộ, ngành có liên quan.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Lệ phí (nếu có):** Không có.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (Phụ lục I-3);

+ Hợp đồng Liên doanh hoặc Hợp đồng Hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư giữa nhà đầu tư trong nước và nước ngoài;

+ Giải trình kinh tế - kỹ thuật;

+ Danh sách thành viên công ty ứng mỗi loại hình doanh nghiệp.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Dự án phải đáp ứng các tiêu chí công nghệ cao về chi phí nghiên cứu phát triển, ngành, đào tạo,...

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- + Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006;
- + Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2006;
- + Luật Kinh doanh bất động sản số 63/2006/QH11 ban hành ngày 12 tháng 7 năm 2006, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2007;
- + Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ban hành ngày 27 tháng 6 năm 2005, có hiệu lực thi hành 01 tháng 01 năm 2006;
- + Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008;
- + Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- + Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- + Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản;
- + Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;
- + Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;
- + Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp;
- + Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHCN ngày 18 tháng 02 năm 2006 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành “quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao”;
- + Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam;
- + Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự thủ đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

+ Quyết định số 71/QĐ-KCNC ngày 20 tháng 6 năm 2007 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Tp Hồ Chí Minh, có hiệu lực kể từ ngày ký, về việc ban hành quy trình hướng dẫn thủ tục đầu tư vào Khu Công nghệ cao Tp Hồ Chí Minh.

Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

Phụ lục I-3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ/ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ
(đối với trường hợp gắn với thành lập Doanh nghiệp)

Kính gửi: BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
TP. HỒ CHÍ MINH (SHTP)

Nhà đầu tư:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Chức vụ: Ngày sinh:

Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/hộ chiếu số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với trường hợp không có CMND/hộ chiếu (*tên giấy, số, ngày, nơi cấp*):

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện nay: Điện thoại:

Fax: Mail:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư/Quyết định thành lập

Số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Ngày sinh:

Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/hộ chiếu số: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với trường hợp không có CMND/hộ chiếu (*tên giấy, số, ngày, nơi cấp*)

Chức vụ:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện nay:..... Điện thoại:.....

Fax:..... Email:.....

Đăng ký thành lập tổ chức kinh tế để thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

I. Nội dung đăng ký thành lập doanh nghiệp:

1. Tên doanh nghiệp:

g) Tên bằng tiếng Việt:.....

h) Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....

i) Tên viết tắt nếu có:.....

2. Địa chỉ trụ sở chi nhánh:

✓ Số nhà/đường:

✓ Phố/xã:

✓ Phường/quận:.....

✓ Huyện/tỉnh:.....

✓ Thành phố:.....

Chi nhánh/văn phòng đại diện (nếu có):

✓ Số nhà/đường:

✓ Phố/xã:.....

✓ Phường/quận:.....

✓ Huyện/tỉnh:.....

✓ Thành phố:.....

13. Loại hình doanh nghiệp đăng ký thành lập:

14. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

.....

15. Ngành nghề kinh doanh:

STT	Mã ngành	Tên ngành

16. Vốn của doanh nghiệp:

17. Vốn pháp định:

II. Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án đầu tư:

2. Địa điểm thực hiện dự án:

Diện tích đất dự kiến sử dụng:

3. Mục tiêu và quy mô của dự án:
4. Vốn đầu tư thực hiện dự án:
Trong đó: Vốn góp để thực hiện dự án:
5. Thời hạn hoạt động:.....
6. Tiến độ thực hiện dự án:.....
7. Kiến nghị được hưởng ưu đãi đầu tư:.....

III. Nhà đầu tư cam kết:

1. Về tính chính xác của nội dung hồ sơ đầu tư;
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đầu tư.

....., ngày tháng năm

NHÀ ĐẦU TƯ

Hồ sơ kèm theo:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**Independence - Freedom - Happiness***HỢP ĐỒNG LIÊN DOANH****JOINT VENTURE CONTRACT**

Căn cứ Luật Đầu tư tại Việt Nam và các văn bản pháp lý khác có liên quan, các Bên dưới đây đã ký Hợp đồng liên doanh để xin thành lập tại Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam một Doanh nghiệp liên doanh với nội dung như sau:

Based on the Investment Law in Vietnam and other relevant legal documents, the parties mentioned hereinafter have signed a joint venture contract to establish in the Socialist Republic of Vietnam a joint venture enterprise with the following contents and on the following terms:

A. Bên (các Bên) Việt Nam/ Vietnamese party(ies)**6. Tên Công ty:**.....

Name of company

2. Đại diện được ủy quyền:

Authorized representative:

Chức vụ / Title:**3. Trụ sở chính / Head office:****Điện thoại/ Telephone:**..... **Fax:**.....**4. Ngành, nghề kinh doanh chính/ Main business lines:**.....**5. Giấy phép thành lập công ty/ Certificate of incorporation no:****Đăng ký tại/ Registered at:****Ngày/ Date:**.....**B. Bên (các Bên) nước ngoài /Foreign party(ies):****1. Tên công ty hoặc cá nhân :**.....

Name of company or individual:

2. Đại diện được ủy quyền:

Authorized representative:

Chức vụ/ Title:

Quốc tịch /Nationality:

3. Trụ sở chính/ Head office:

Điện thoại / Telephone: **Fax:**.....

4. Ngành, nghề kinh doanh chính:

Main line of business:

5. Giấy phép thành lập công ty:.....

Certificate of incorporation no:

Đăng ký tại/ Registered at:

Ngày/ Date:.....

Ghi chú: Nếu một hoặc cả hai Bên liên doanh gồm nhiều thành viên, thì từng thành viên sẽ mô tả đầy đủ các chi tiết nêu trên; Mỗi Bên cần chỉ định đại diện được ủy quyền của mình.

(Note: If any of the joint venture parties comprises more than one member, each member shall provide in full the above details. Each party shall appoint an authorized representative...)

Điều 1/ Article 1:

1. Các Bên thỏa thuận thành lập một Doanh nghiệp liên doanh tại Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhằm mục đích: (mô tả các mục tiêu sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp liên doanh).

The parties agree to establish the joint venture enterprise in the Socialist Republic of Vietnam with the purpose of: (State in detail the objectives of production and business of the joint venture enterprise)

2. Tên Doanh nghiệp liên doanh là. . . . (tiếng Việt Nam), tên giao dịch (bằng tiếng nước ngoài thông dụng) của Doanh nghiệp liên doanh là

The name of the joint venture enterprise is :(in Vietnamese); the transaction name of the joint venture enterprise in a commonly foreign language is:

Điều 2 / Article 2:

1. Địa chỉ của Doanh nghiệp liên doanh

Address of the joint venture enterprise

- **Trụ sở chính/ Head office:**.....

- **Nhà máy/xưởng sản xuất chính:**

Main production factory/workshop

- **Chi nhánh (nếu có):**.....

Branch(es)

- **Văn phòng đại diện (nếu có):**

Representative office(s)

2. Năng lực sản xuất: Hàng hóa/dịch vụ vào năm sản xuất ổn định**Chia thành sản phẩm chính và phụ (nếu cần thiết)**Production capacity: goods/services * in the year in which the production becomes stable.
Split into main and auxiliary products (if necessary).**3. Sản phẩm của Doanh nghiệp liên doanh sẽ được tiêu thụ:**

Products of the joint venture enterprise shall be marketed as follows

- **Tại thị trường Việt Nam:**.....% sản phẩm
Vietnamese market: % of products
- **Tại thị trường nước ngoài:**% sản phẩm
Foreign markets: % of product

4. Các cam kết chung khác của các Bên liên doanh trong việc thực hiện dự án:...**(tiến độ và nội dung thực hiện chương trình nội địa hóa đối với các sản phẩm cơ khí, điện, điện tử...).**

Any other general undertaking of joint venture parties in relation to the implementation of the project such as the progress and the contents of the localization program for mechanical, electric and electronic products, and so forth.

Điều 3/ Article 3:**1. Tổng vốn đầu tư của Doanh nghiệp là:**

The total invested capital of the enterprise

2. Vốn đăng ký của Doanh nghiệp là:

The register capital of the enterprise

Trong đó:

To which

a. Bên Việt Nam góp/ The Vietnamese party contributes:**chiếm/ accounting for.....% vốn pháp định/ of legal capital, bằng/ comprising:**- **Tiền/ Cash:**.....- **Giá trị máy móc, thiết bị:**

Value of equipment, machinery

- **Giá trị chuyển giao công nghệ (nếu có):.....**

Value of technology transfer (if any)

(kèm theo Hợp đồng chuyển giao công nghệ)**(Enclose technology transfer contract)**- **Giá trị quyền sử dụng đất, nhà xưởng hoặc các khoản góp vốn khác**

Value of the land use right, factory, or other contributions

b. Bên nước ngoài góp/ The foreign party contributes:....., chiếm/**accounting for.....% vốn đăng ký / of register capital, bằng/ comprising:**- **Tiền/ Cash:**.....- **Giá trị máy móc, thiết bị:**

Value of equipment, machinery

- **Giá trị chuyển giao công nghệ (nếu có):.....**

Value of technology transfer (if any)

(kèm theo Hợp đồng chuyển giao công nghệ)**(Enclose technology transfer contract)**

- Các khoản góp vốn khác theo Luật Đầu tư nước ngoài

Other contributions in accordance with the Law on Foreign Investment

(Trường hợp Doanh nghiệp liên doanh gồm nhiều Bên, trình bày chi tiết tỷ lệ, phương thức góp vốn của từng Bên).

(In case of a multi-party joint venture describe in detail the capital contribution percentage and method of contribution by each party.)

3. Vốn vay/ Loans:

(Nêu chi tiết về quy mô; Bên chịu trách nhiệm thu xếp vốn vay; các điều kiện vay trả, bảo lãnh.)

(Describe in detail the scale; the party responsible for arranging the loans; the conditions of loans, repayment, guarantee, and so forth.)

Điều 4/ Article 4:

Các Bên cam kết góp vốn đầy đủ theo đúng tiến độ như sau:

The parties undertake to contribute their respective capital contributions fully and on time as follows

(miêu tả chi tiết tiến độ góp vốn của từng Bên).

(Describe in detail the schedule for capital contribution by each party.)

Điều 5/ Article 5:

Bên nào không có khả năng hoàn thành tiến độ góp vốn như đã cam kết tại Điều 4 thì Bên đó phải thông báo cho (các) Bên kia lý do và biện pháp xử lý trước. . . . ngày và phải bồi thường những thiệt hại cho (các) Bên kia nếu có, mức bồi thường do các Bên thỏa thuận, trường hợp không thỏa thuận được sẽ do cơ quan xét xử hoặc Trọng tài quy định tại Điều 10 Hợp đồng này quyết định.

Any party unable to complete the capital contribution schedule as agreed in article 4 shall have to inform the other party(ies) of the reasons therefore and the measures to be taken by the party in order to resolve the situation ...(days) in advance and shall provide compensation to the other party(ies) for losses (if any). The compensation rate shall be agreed by the parties; in case of disagreement, the decision shall be made by the judicial body or arbitration organization stipulated in article 10 of this contract.

Điều 6/ Article 6:

Thời hạn Hợp đồng liên doanh này là. . . . năm kể từ ngày được cấp Giấy Phép đầu tư. Bất kỳ sự thay đổi nào về thời hạn phải được các Bên thỏa thuận và báo cáo cơ quan cấp Giấy Phép đầu tư xem xét chuẩn y.

The duration of this joint venture contract is.... years, commencing from the date of issuance of the investment registration certificate. Any changes to this duration must be agreed by all parties and reported to the investment registration certificate - issuing body for consideration and approval.

Điều 7/ Article 7:

Kể từ ngày được cấp Giấy phép đầu tư, dự án này được thực hiện theo tiến độ sau:
Commencing from the date of issuance the investment registration certificate, this contract shall be implemented following the schedule below:

1. Khởi công xây dựng: : từ tháng thứ.

Construction: from month

2. Lắp đặt thiết bị: từ tháng thứ.

Equipment installation: from month

3. Vận hành thử: từ tháng thứ.

Trial operation: from month

4. Sản xuất chính thức: từ tháng thứ.

Official production: from month

Điều 8/ Article 8:

Trách nhiệm khác của các Bên liên doanh được quy định như sau:.....

Other responsibilities of joint venture parties are stipulated as follows

(Phân định rõ trách nhiệm của từng Bên trong việc xin cấp giấy phép đầu tư, thuê đất, cung ứng điện, nước, tài chính, vật liệu xây dựng, thiết bị, công nghệ, thị trường, quản lý, đào tạo. . .)

(Allocate clearly the responsibilities of each party in the application for the investment license, entry visas, land rent, supply of electric power and water, finance, building materials, equipment, technology, markets, management, training, and so forth)

Điều 9/ Article 9:

Sau khi hoàn thành mọi nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam, các Bên chia lợi nhuận và chịu rủi ro của Doanh nghiệp liên doanh theo tỷ lệ góp vốn của mỗi Bên (trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác phù hợp với pháp luật Việt Nam được quy định trong Hợp đồng liên doanh).

(Ghi rõ tỷ lệ chia lợi nhuận và rủi ro cho từng Bên liên doanh).

After fulfilling all financial obligations to the State of Vietnam, the remaining profits and losses of the joint venture enterprise shall be shared in proportion to the capital contribution of each party, except where otherwise agreed by the parties in accordance with the law of Vietnam and provided for in the joint venture contract. The percentage of profits and losses shared by each joint venture party shall be specified.

Điều 10/ Article 10:

Tranh chấp giữa các Bên có liên quan, hoặc phát sinh từ Hợp đồng trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trong trường hợp các Bên tranh chấp vẫn không thỏa thuận được với nhau thì vụ tranh chấp sẽ được đưa ra. . . . (ghi rõ tên và địa chỉ tòa án hoặc tổ chức trọng tài).

Any disputes between the parties related to or arising from the contract shall be resolved first through negotiation and conciliation. In cases where the parties in dispute cannot agree with each other, the dispute shall be referred to.....(*State clearly the name and address of the court or arbitration organization*).

Quyết định của. . . . (tổ chức trên) là chung thẩm và các Bên sẽ phải tuân theo

The decision of ... (above organization)... shall be final and binding on the parties.

Điều 11/ Article 11:

Doanh nghiệp liên doanh có thể chấm dứt hoạt động, giải thể doanh nghiệp trong các trường hợp sau:

The joint venture enterprise may terminate its operations or dissolve the enterprise in the following cases:

Điều 12/ Article 12:

Các Bên liên doanh có quyền chuyển nhượng giá trị phần vốn của mình trong Doanh nghiệp liên doanh theo các quy định tại điều lệ doanh nghiệp và theo quy định của Luật doanh nghiệp, luật đầu tư.

The joint venture parties may assign the value of their respective contributed capital in the contract as stipulated in the charter and in the enterprise Law, in the Investment Law.

Điều 13/ Article 13:

Mọi điều khoản khác có liên quan không được quy định cụ thể tại Hợp đồng liên doanh này sẽ được các Bên thực hiện theo pháp luật Việt Nam và Giấy chứng nhận đầu tư.

All other related terms that are not stipulated in this joint venture contract shall be implemented by the parties in accordance with the law of Vietnam and the investment license.

Điều 14/ Article 14:

Hợp đồng liên doanh này có thể được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị và thông báo cho Ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh trước khi thực hiện.

The joint venture contract may be supplemented and/or amended in accordance with the resolution of the board of management and subject to approval by the Saigon Hi-tech Park prior to the implementation (*of such amendment and/or addition*)

Điều 15/ Article 15:

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

This contract shall take effect as of the date of issuance of the investment registration certificate.

Điều 16/ Article 16:

Hợp đồng liên doanh này được ký ngày. . . tại., gồm. . . bản gốc bằng tiếng Việt Nam và bằng tiếng. (tiếng nước ngoài thông dụng). Cả hai bản tiếng Việt Nam và tiếng. đều có giá trị pháp lý như nhau.

This joint venture contract is signed at.. (location)...on.... (date)...in....originals in Vietnamese and in....(a commonly used foreign language). Both versions shall be of equal legal validity.

Đại diện

Bên (các Bên) nước ngoài
FOREIGN PARTY(IES)
(Ký tên, chức vụ và dấu)
(Signature and seal)

Đại diện

Bên (các Bên) Việt Nam
VIETNAMESE PARTY(IES)
(Ký tên, chức vụ và dấu)
(Signature and seal)

Trường hợp có nhiều Bên: từng Bên sẽ ký, ghi rõ chức vụ người đại diện ký và đóng dấu (nếu có).

Where there are several parties, state the name of each party and affix the appropriate seal (if any).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

**HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH****BUSINESS CO-OPERATION CONTRACT**

Căn cứ Luật Đầu tư tại Việt Nam và các văn bản pháp lý khác có liên quan, các Bên dưới đây mong muốn được tiến hành hoạt động đầu tư tại Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo hình thức Hợp đồng hợp tác kinh doanh với nội dung và phạm vi được quy định trong Hợp đồng này như sau:

Pursuant to the Investment Law in Vietnam and other relevant legal instruments, the parties mentioned hereinafter wish to carry out investment activities in the Socialist Republic of Vietnam in the form of a business co-operation contracts as outlined in the contents and scope of this business co-operation contract.

A. Bên (các Bên) Việt Nam:**A. Vietnamese party(ies):**

1. Tên Công ty / *Company name*:
2. Đại diện được ủy quyền / *Authorized representative*:
- Chức vụ / *Title*:
3. Trụ sở chính / *Head office*:
- Điện thoại / *Telephone*:
- Fax:
4. Ngành, nghề kinh doanh chính/ *Main business line(s)*
5. Giấy phép thành lập công ty / *Certificate of incorporation No*:
- Đăng ký tại / *Register at*:
- Ngày / *Date*:

B. Bên (các Bên) nước ngoài:**B. Foreign party(ies):**

1. Tên công ty hoặc cá nhân / *Name of company or individual*.....
2. Đại diện được ủy quyền / *Authorized representative*:
- Chức vụ / *Title*:
- Quốc tịch / *Nationality*:

Địa chỉ thường trú / *Permanet address*:

3. Trụ sở chính / *Head office*:

Điện thoại / *Telephone*: Fax:

4. Ngành, nghề kinh doanh chính/ *Main business lines*:

5. Giấy phép thành lập công ty / *Certifiaice of incoporation No*:

Đăng ký tại / *Registered at*:

Ngày / *Date*:

Ghi chú: Nếu một hoặc cả hai Bên liên doanh gồm nhiều thành viên, thì từng thành viên sẽ mô tả đầy đủ các chi tiết nêu trên; Mỗi Bên cần chỉ định đại diện được ủy quyền của mình.

(Note: If either contracting party comprises more than one member, then each member shall provide all above details. Each party needs to appoint its own authorized representative.)

Cùng thỏa thuận ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh này với các điều khoản và điều kiện sau đây:

Hereby agree to sign this Business Co-operation Contract with the following terms and conditions:

Điều 1/Article 1:

Mục tiêu hợp tác kinh doanh trên cơ sở Hợp đồng.

Objectives of business co-operation on the basis of a contract:

(mô tả chi tiết nội dung và phạm vi hợp tác kinh doanh)

(State in detail a clear description of the proposed content and scope of business co-operation)

Điều 2/ Article 2:

1. Địa điểm thực hiện / *Location*:

2. Năng lực sản xuất: Hàng hóa/dịch vụ vào năm sản xuất ổn định

Product capacity: goods/services in the stabilized production year

○ *(Chia thành sản phẩm chính và phụ - nếu cần thiết)*

○ *Split into main and auxiliary products(if necessary)*

3. Sản phẩm của Hợp đồng hợp tác kinh doanh này sẽ được tiêu thụ:

Product(s) of this Cooperation contract shall be marketed as follows:

○ *Tại thị trường Việt Nam/Vietnamese market: % sản phẩm/% of products*

○ *Tại thị trường nước ngoài/Foreign market: % sản phẩm/% of products*

4. Văn phòng điều hành của Bên nước ngoài (nếu có).....

Operating office (if any):

Địa chỉ/ *Address*:.....

Điện thoại/ *Telephone*:..... Fax:.....

Điều 3/ Article 3:

Trách nhiệm của các Bên hợp doanh trong việc góp vốn để thực hiện Hợp đồng:

Responsibilities of business co-operation parties to contribute capital for the implementation of the contracts:

a) Bên (các Bên) Việt Nam: góp..... bằng.....

(quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, nguyên vật liệu, bộ phận rời, linh kiện, tiền mặt, các chi phí khác...)

Then Vietnamese party(ies) shall contribute.....in the form of.....(the land use right, machinery and equipment, raw materials, spare parts, components, cash, other costs....)

b) Bên (các Bên) nước ngoài: góp bằng.....

(máy móc thiết bị, nguyên vật liệu, bộ phận rời, linh kiện, tiền nước ngoài, các chi phí khác...)

The foreign party(ies) shall contribute.....in the form of.....(machinery and equipment, , raw materials, spare parts, components, cash, other costs....)

Nếu vào thời điểm đóng góp thực tế, những giá trị trên đây thay đổi so với giá trị hiện tại thì các Bên phải thỏa thuận về những sửa đổi đó và báo cáo Ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh xem xét và chuẩn y.

At the time when the actual contribution is made, if the projected values shown above differ from the actual contributes values, the two parties must reach an agreement on the differences and report same to the Saigon Hi-tech Park for consideration and approval.

Trong trường hợp một Bên không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ như đã thỏa thuận thì Bên đó phải thông báo cho các Bên kia biết lý do và những biện pháp xử lý trước . . . ngày. Thiệt hại thực tế và chính đáng do sự chậm trễ hay không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của một Bên gây ra, sẽ được bồi thường theo thỏa thuận của các Bên; trong trường hợp không thỏa thuận được thì sẽ do cơ quan xét xử hoặc trọng tài quy định tại Điều 10 Hợp đồng này quyết định.

Where one of the parties is unable to fulfill its responsibilities as agreed, that party must inform the other party withindays of the reasons as well as the measures to be taken to remedy the situation. The actual and legitimate losses caused by any delay or inability of one party to carry out its responsibility(ies) must be compensated for as mutually agreed; in cases of disagreement, the decision shall be made by the judicial body or arbitration organization stipulated in article 10 of this contract.

Điều 4/Article 4:

Các trách nhiệm, nghĩa vụ khác của các Bên trong việc thực hiện Hợp đồng/*Other duties and responsibilities of the parties in the implementation of the contract:*

- Bên Việt Nam/*Vietnamese party(ies):*.....

- Bên nước ngoài/*Foreign party(ies):*.....

(Quy định cụ thể Bên chịu trách nhiệm, thời hạn hoàn thành. . . trong từng việc như tổ chức và quản lý sản xuất, quản lý kỹ thuật và công nghệ, mua sắm thiết bị, nguyên liệu, tiêu thụ sản phẩm. . .).

(State in detail the party bearing the responsibilities for, and the time-limit for, completion of each jobs, such as organization and management of production, technical and technology control, purchase of equipment, raw materials, consumption of products, and so forth).

Điều 5/Article 5:

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các Bên thỏa thuận cơ chế giám sát như sau:....

During the implementation of the contract, the parties agree on the following supervision mechanism:

(Miêu tả cụ thể cơ chế, trong đó có thể thành lập Ban điều phối, Văn phòng điều hành của Bên nước ngoài bao gồm phương thức thành lập, hoạt động, quyền hạn, trách nhiệm...).

(Describe in detail the mechanism whereby a co-ordination board and operating office may be established and the method of establishment, activities, authority, responsibilities, and so forth).

Điều 6/Article 6:

Thời hạn Hợp đồng này là. . . . năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Bất kỳ sự thay đổi nào về thời hạn của Hợp đồng phải được các Bên thỏa thuận và báo cáo xem xét và chuẩn y.

The duration of this contract is.....years from the date of issuance of the investment registration certificate. Any changes to the duration of the contract must be agreed by the parties and reported to the investment registration certificate issuing-body for consideration and approval.

Nếu một Bên hợp doanh muốn kéo dài thời hạn Hợp đồng ngoài thời hạn đã được thỏa thuận phải thông báo cho (các) Bên kia ít nhất là. . . . tháng trước ngày Hợp đồng hết hạn. Nếu các Bên thỏa thuận kéo dài thời hạn Hợp đồng thì phải báo cáo Ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh xem xét trong thời hạn ít nhất là 6 tháng trước khi hết hạn Hợp đồng.

Any of the business co-operation parties wishing to extend the agreed duration of the contract must so inform the other party at least.....months prior to the expiry of the contract. If the parties agree to the extension of the contract, they must submit an application for consideration by the SHTP at least six months prior to the expiry of the contract.

If all conditions for termination of the contract in which are stipulated in the contract cannot be implemented, the contract shall remain in effect regardless of the expiry of the contract, provided that the extended duration of the contract is approved by the investment registration certificate - issuing body.

Điều 7/Article 7:

Kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đầu tư, Hợp đồng này được thực hiện theo tiến độ sau:

The schedule for implementing this contract from the date of issuance of the investment registration certificate shall be as follows:

1. Khởi công xây dựng: từ tháng thứ.

Construction: from month.....to month.....

2. Lắp đặt thiết bị: từ tháng thứ.

Equipment installation: from month.....to month.....

3. Vận hành thử: từ tháng thứ.

Trial operation: from month.....to month....

4. Sản xuất chính thức: từ tháng thứ.

Official production: from month.....

Điều 8/Article 8:

1. (các Bên) nước ngoài thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư. (ghi rõ phương thức nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của Bên nước ngoài: nộp trực tiếp, Bên Việt Nam nộp hộ v.v...).

The foreign party(ies) must fully carry out its/their tax obligations and other financial obligation as stipulated in the investment license. (State clearly the method of paying profits tax and the profit remittance tax of the foreign party(ies): via direct payment, via the Vietnamese party(ies), and so forth).

2. (Các) Bên Việt Nam thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật áp dụng đối với Doanh nghiệp trong nước và các quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư.

The Vietnamese party (ies) shall fully carry out its/their taxation obligations and other financial obligations in accordance with the laws applicable to domestic enterprises and the provisions stipulated in the investment license.

Lưu ý: cần xác định rõ Bên chịu trách nhiệm nộp các loại thuế chung liên quan đến thực hiện Hợp đồng như thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng. . .

(Note: The party responsible for paying the general taxes related to the implementation of the contract such as export duties, import duties, turnover tax....should be clearly defined.)

Điều 9/Article 9:

Các Bên tham gia Hợp đồng thỏa thuận chi sản phẩm và / hoặc lợi nhuận, các khoản lỗ thông qua việc thực hiện Hợp đồng như sau:

The contracting parties agree to share products and/or profits losses from the implementation of the contract as follows:

○ (các) Bên Việt Nam (ghi rõ từng Bên, nếu cần thiết)

Vietnamese party(ies) : (State clearly each party, if necessary)

○ (các Bên) nước ngoài (ghi rõ từng Bên, nếu cần thiết)

Foreign party(ies): (State clearly each party, if necessary)

Điều 10/Article 10:

Tranh chấp giữa các Bên có liên quan, hoặc phát sinh từ Hợp đồng trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trong trường hợp các Bên tranh chấp vẫn không thỏa thuận được với nhau thì vụ tranh chấp sẽ được đưa ra. . . (ghi rõ tên và địa chỉ Tòa án hoặc tổ chức trọng tài).

Any disputes among the parties related to or arising from the contract must first be resolved through negotiation and conciliation. In case of continued disagreement, the disputes shall be referred to.....(clearly state name and address of court or arbitration organization).

Quyết định của. . . (tổ chức trên) là chung thẩm và các Bên phải tuân theo.

The decision of.....(name of above organization)..shall be final and binding on both parties.

Điều 11/Article 11:

Các Bên có quyền chuyển nhượng giá trị phần vốn của mình trong Hợp đồng, theo các quy định tại Luật Đầu tư và các điều khoản liên quan của Nghị định số 108/NĐ-CP của Chính phủ.

The parties may assign the value of their respective capital contributions in the contract as stipulated in the Investment law and Degree 108/ND-CP.

Điều 12/Article 12:

Hợp đồng hợp tác kinh doanh này có thể chấm dứt hoạt động trước thời hạn và / hoặc kết thúc trong các trường hợp sau:

This business co-operation contract may be terminated prior to the expiry of its duration or terminate in the following cases:

Điều 13/Article 13:

Khi Hợp đồng hết hạn, các Bên thỏa thuận việc thanh lý các tài sản liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của các Bên trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

Upon expiry of the contract, the parties agree on the liquidation of the assets relating to their rights and responsibilities in the business co-operation contract as follows:

(Mô tả chi tiết các điều kiện có liên quan đến quyền hạn, nghĩa vụ, tài sản. . . phù hợp với các quy định tại Luật Đầu tư và các điều khoản liên quan của Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ).

(Describe in detail the condition in respect of each party's rights, responsibilities, assets, and so forth, in conformity with the spirit of the Law on Investment and relevant provisions of the Decree.)

Điều 14/Article 14:

Mọi điều khoản khác có liên quan không được quy định cụ thể tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh này sẽ được các Bên thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và của Giấy chứng nhận đầu tư.

All other terms relating to the business co-operation contract but not specifically provided for in this business co-operation contract shall be implemented by the parties in accordance with the provisions of the law of Vietnam and of the investment license.

Điều 15/Article 15:

Hợp đồng hợp tác kinh doanh này có thể được sửa đổi, bổ sung sau khi có thỏa thuận bằng văn bản giữa các Bên và phải được cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư chuẩn y trước khi thực hiện.

This business co-operation contract may be supplemented and/or amended pursuant to a written agreement between the parties and must be approved by the investment license issuing body prior to being implemented.

Điều 16/Article 16:

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

This contract shall take effect from the date of issuance of the investment registration certificate.

Điều 17/Article 17:

Hợp đồng hợp tác kinh doanh này được ký ngày., tại., gồm . . . bản gốc bằng tiếng Việt Nam và bằng tiếng. . . . (tiếng nước ngoài thông dụng). Cả hai bản tiếng Việt Nam và tiếng. . . . đều có giá trị pháp lý như nhau.

This contract is signed at....(location)....on.....(date).....inoriginals in Vietnamese and in.....(a commonly used foreign language).....Both the Vietnamese version and the.....version shall be of equal validity.

Đại diện

Bên (các Bên) nước ngoài

(Ký tên, chức vụ và dấu)

FOREIGN PARTY

(Signature, title and seal)

Đại diện

Bên (các Bên) Việt Nam

(Ký tên, chức vụ và dấu)

VIETNAMESE PARTY

(Signature, title and seal)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HƯỚNG DẪN LẬP
GIẢI TRÌNH KINH TẾ KỸ THUẬT

I. CHỦ ĐẦU TƯ:

1. Tên Công ty:
2. Đại diện pháp luật:
 - Họ, tên; năm sinh; quốc tịch.
 - Số hộ chiếu. . . , Ngày cấp. . . , Nơi cấp. . .
 - Chức vụ, địa chỉ thường trú.
3. Trụ sở chính:
Điện thoại, Telex, Fax:
4. Ngành nghề kinh doanh chính:
5. Giấy phép thành lập Công ty:
Đăng ký tại. . . , Ngày. . .
Vốn đăng ký:
Công ty mở tài khoản tại Ngân hàng:
Số tài khoản:

(Nếu có nhiều chủ đầu tư thì mô tả riêng từng chủ đầu tư theo những nội dung trên)

II. DOANH NGHIỆP XIN THÀNH LẬP:

1. Tên gọi của doanh nghiệp
 - Tên tiếng Việt:
 - Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài thông dụng:
2. Hình thức đầu tư của doanh nghiệp: (100% vốn nước ngoài, Liên doanh, Hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng).
3. Thời gian hoạt động của doanh nghiệp:
4. Mục tiêu hoạt động chính của doanh nghiệp:
5. Vốn đầu tư:
 - 5.1 Tổng vốn đầu tư dự kiến: , trong đó:
 - Vốn cố định: USD, bao gồm:
 - + Nhà xưởng: m2, trị giá. USD
 - + Văn phòng: m2, trị giá. USD
 - + Máy móc, thiết bị: USD
 - + Vốn cố định khác: USD
 - Vốn lưu động: USD
 - 5.2 Nguồn vốn:
Tổng số: USD, trong đó:
 - Vốn pháp định (hoặc vốn góp): USD, trong đó:
 - + Bên (các bên) Việt Nam góp: USD, gồm:
 - * Tiền: USD
 - * Tài sản: USD
 - + Bên (các bên) nước ngoài góp: USD, gồm:
 - * Tiền nước ngoài: USD

* Thiết bị, máy móc: USD

* Tài sản khác: USD

- Vốn vay: USD. Nêu rõ ai chịu trách nhiệm dàn xếp vốn vay, các điều kiện vay trả, bảo lãnh.

III. SẢN PHẨM DỊCH VỤ VÀ THỊ TRƯỜNG:

1. Sản phẩm, dịch vụ: tên, ký mã hiệu, thông số kỹ thuật chủ yếu, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm.

2. Thị trường dự kiến sẽ tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ:

3. Căn cứ lựa chọn sản phẩm, dịch vụ và thị trường:

- Tình hình cung-cầu về sản phẩm, dịch vụ trên các thị trường đã xác định trong qua khứ, hiện tại và dự báo tình hình cung cầu này trong tương lai, cơ sở của những dự báo đó.

- So sánh sản phẩm, dịch vụ của dự án với các sản phẩm, dịch vụ cùng loại đạt chất lượng quốc tế hiện có trên thị trường thế giới.

IV. QUY MÔ SẢN PHẨM VÀ DỰ KIẾN THỊ TRƯỜNG TIÊU THỤ:

Tên sản phẩm, dịch vụ (đơn vị)	Năm thứ 1			Năm . . .	Năm sản xuất ổn định		
	Số lượng	Giá ước tính	Thành tiền		Số lượng	Giá ước tính	Thành tiền
1.							
2.							
3.							
Tổng doanh thu							

Tỷ lệ tiêu thụ sản phẩm

- Tiêu thụ nội địa: % sản phẩm

- Xuất khẩu: % sản phẩm

V. CÔNG NGHỆ, MÁY MÓC, THIẾT BỊ VÀ MÔI TRƯỜNG:

1. Công nghệ:

- Sơ đồ quy trình công nghệ chủ yếu (hoặc các công nghệ chủ yếu)

- Đặc điểm chủ yếu của giải pháp công nghệ đã lựa chọn

- Dự thảo Hợp đồng chuyển giao công nghệ, hỗ trợ kỹ thuật (nếu có)

2. Danh mục máy móc, thiết bị:

Đơn vị: USD

Tên thiết bị	Xuất xứ	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng	Ước giá	Giá trị
I. Thiết bị sản xuất					
II. Thiết bị phụ trợ					
III. Thiết bị vận chuyển					
IV. Thiết bị văn phòng					

Ghi chú: Nếu là thiết bị cũ, thì cần bổ sung năm sản xuất, đánh giá chất lượng và giá trị còn lại. Biên bản giám định máy móc, thiết bị (nếu có).

3. Môi trường: trình bày rõ việc dự án có thải ra các tác nhân gây ô nhiễm môi trường không, nếu có thì trình bày các biện pháp xử lý cần thiết để bảo vệ môi trường không bị ô nhiễm quá giới hạn cho phép: đối với các trường hợp cần phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thì cần phải thực hiện đúng theo quy định của Bộ KH, CN & MT.

VI. CÁC NHU CẦU CHO SẢN XUẤT:

1. Nhu cầu về nguyên liệu và bán thành phẩm:

Đơn vị: USD

Danh mục (chủng loại)	Năm thứ 1			Năm thứ. . .	Năm sx ổn định
	Số lượng	Ước giá	Giá trị		
I. Nhập khẩu vào Việt Nam					
1.					
2.					
3.					
...					
II. Mua tại Việt Nam					
1.					
2.					
3.					
...					

2. Nhu cầu nhiên liệu, năng lượng, nước, các dịch vụ và nguồn cung cấp:

Tên gọi (chủng loại)	Nguồn cung cấp	Năm thứ 1		Năm thứ...	Năm sx ổn định
		Khối lượng	Giá trị		
1.					
2.					
3.					

Trình bày phương án giải quyết nhu cầu cấp điện, nước của dự án.

3. Nhu cầu về lao động vào năm thứ. . . khi đạt công suất thiết kế

Loại lao động	Người Việt Nam	Người nước ngoài	Cộng
1. Cán bộ quản lý			
2. Nhân viên kỹ thuật và giám sát			
3. Công nhân lành nghề			
4. Công nhân giản đơn			
5. Nhân viên văn phòng			
Tổng số			

VII. MẶT BẰNG ĐỊA ĐIỂM VÀ XÂY DỰNG - KIẾN TRÚC:

1. Địa điểm và mặt bằng

- Địa chỉ (xã, huyện, tỉnh), ranh giới và/hoặc tọa độ địa lý của địa điểm dự án (kèm theo bản vẽ).
- Hiện trạng mặt bằng và cơ sở hạ tầng của địa điểm (đường sá, cầu cống, điện, nước, thoát nước, thông tin liên lạc. . .).

- Diện tích mặt đất, mặt nước, mặt biển sử dụng cho dự án và mức giá cho thuê.
- Giá trị đền bù, di chuyển cần thực hiện để giải phóng mặt bằng trên cơ sở thỏa thuận với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

2. Xây dựng - Kiến trúc

2.1 Các hạng mục trong khuôn viên và ngoài khuôn viên

Đơn vị: USD

Tên hạng mục	Đơn vị	Quy mô	Đơn giá	Thành tiền
I. Các hạng mục xây mới				
1.				
2.				
3.				
II. Các hạng mục sửa chữa, cải tạo				
1.				
2.				
3.				
Cộng				

Ghi chú: các hạng mục có kết cấu đặc biệt cần có giải trình cụ thể.

2.2 Sơ đồ tổng mặt bằng (kèm theo bản vẽ)

2.3 Tổng tiến độ xây dựng

VIII. TỔ CHỨC QUẢN LÝ, LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG:

1. Sơ đồ tổ chức của doanh nghiệp

2. Quỹ lương hàng năm

	Năm			
	1	2	ổn định
I. Nhân viên người nước ngoài (ở các bộ phận)				
1.				
2.				
3.				
Tổng quỹ lương cho nhân viên nước ngoài				
II. Nhân viên người Việt Nam (ở các bộ phận)				
1.				
2.				
3.				
Tổng quỹ lương cho nhân viên người Việt Nam				
III. Tổng quỹ lương (I + II)				

3. Phương thức tuyển dụng, kế hoạch đào tạo cán bộ quản lý, kỹ thuật và công nhân (nêu rõ nội dung và chi phí dự kiến)

IX. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN:

- Hoàn thành thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp: tháng thứ.
- Thuê địa điểm: tháng thứ.
- Khởi công xây dựng: tháng thứ.

- Lắp đặt thiết bị: tháng thứ.
- Vận hành thử: tháng thứ.
- Sản xuất chính thức: tháng thứ.

X. CƠ CẤU VỐN ĐẦU TƯ THEO NĂM THỰC HIỆN:

1. Vốn lưu động (chỉ áp dụng cho những dự án có tổng vốn đầu tư trên 5 triệu USD)

Đơn vị: USD

Thành phần	Năm thứ 1	Năm. . .	Năm sx ổn định
1. Vốn sản xuất - Nguyên liệu và bán thành phẩm nhập khẩu - Nguyên liệu và bán thành phẩm nội địa - Lương và bảo hiểm xã hội - Chi phí điện, nước, nhiên liệu - Phụ tùng thay thế			
2. Vốn lưu thông - Nguyên vật liệu tồn kho - Bán thành phẩm tồn kho - Thành phẩm tồn kho - Hàng bán chịu			
3. Vốn bằng tiền mặt			
Tổng vốn lưu động			

2. Vốn cố định:

Đơn vị: USD

Thành phần	Năm thứ 1	Năm. . .	Năm sx ổn định
1. Chi phí chuẩn bị đầu tư 2. Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san nền và giá trị góp vốn bằng quyền sử dụng đất của Bên Việt Nam (nếu có) 3. Giá trị nhà cửa và kết cấu hạ tầng sẵn có 4. Chi phí xây dựng mới hoặc/và cải tạo nhà xưởng, kết cấu hạ tầng 5. Chi phí máy móc, thiết bị dụng cụ 6. Vốn góp bằng chuyển giao công nghệ hoặc mau công nghệ trả gọn (nếu có) 7. Chi phí đào tạo ban đầu 8. Chi phí khác			
Tổng vốn cố định			

XI. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH:

1. Doanh thu (giá trị)

Đơn vị: USD

Các khoản thu	Năm thứ 1	Năm. . .	Năm sx ổn định
1.			
2.			
...			
Tổng doanh thu hàng năm			

2. Chi phí (giá thành) sản xuất, dịch vụ:

3. Dự kiến lãi, lỗ:

Các chỉ tiêu	Năm thứ 1	Năm . . .	Năm sx ổn định
1. Tổng doanh thu			
2. Tổng chi phí (kể cả lỗ năm trước)			
3. Lợi nhuận trước thuế			
4. Thuế lợi tức			
5. Lợi nhuận sau thuế			
6. Các quỹ			
7. Lợi nhuận được chia			
Trong đó:			
- Bên (các bên) Việt Nam			
- Bên (các bên) nước ngoài			

XII. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA DỰ ÁN:

1. Hiệu quả tài chính:

- Thời gian hoàn vốn
- Điểm hòa vốn lý thuyết
- Hiện giá thuần NPV
- Tỷ suất thu hồi nội bộ IRR
- Phân tích độ nhạy đối với các dự án có sự biến động lớn về giá của các yếu tố đầu vào (vật tư, nguyên liệu, bán thành phẩm. . .)
- Khả năng cân đối ngoại tệ

2. Hiệu quả kinh tế-xã hội của dự án:

- Các loại thu và khoản nộp cho Nhà nước Việt Nam
- Mức độ tiên tiến của sản phẩm và công nghệ áp dụng
- Giá trị sản phẩm tạo ra, trong đó có giá trị xuất khẩu
- Số việc làm được tạo ra bởi dự án

XIII. TỰ NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ:

- Tính khả thi và hiệu quả của dự án
- Các kiến nghị về ưu đãi và các biện pháp mà Nhà nước Việt Nam cần áp dụng liên quan đến dự án.

Ngày. tháng. năm 20...

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký tên, đóng dấu)

Ban hành kèm Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

Phụ lục I-8

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN ĐỐI VỚI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
CÓ TỪ HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Số TT	Tên thành viên sáng lập	Địa chỉ	Quyết định thành lập	Vốn góp			Chữ ký của thành viên	Ghi chú
				Tổng giá trị vốn góp	Phương thức góp vốn	Thời điểm góp vốn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

....., ngày tháng năm

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Cột (2) Thành viên là cá nhân: Họ và tên/ngày sinh/Giới tính /Quốc tịch

Cột (3) Địa chỉ: Thành viên là cá nhân: Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú

Đối với thành viên là tổ chức: địa chỉ trụ sở chính

Cột (4) Đối với thành viên sáng lập là cá nhân: Số, ngày, nơi cấp Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân

Đối với thành viên sáng lập là pháp nhân: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác

Cột (6) Phương thức góp vốn: liệt kê tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

Ban hành kèm Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

Phụ lục I-9

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP ĐỐI VỚI CÔNG TY CỔ PHẦN

Số TT	Tên Cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Quyết định thành lập	Vốn góp						Thời điểm góp vốn	Chữ ký của cổ đông sáng lập
				Tổng số cổ phần		Loại cổ phần					
						Phổ thông				
				Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

....., ngày tháng năm

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Cột (2) Cổ đông sáng lập là cá nhân : Họ và tên/ngày sinh/Giới tính /Quốc tịch

Cột (3) Địa chỉ: Cổ đông sáng lập là cá nhân: nơi đăng ký hộ khẩu thường trú
Cổ đông sáng lập là pháp nhân: địa chỉ trụ sở chính

Cột (4) Đối với cổ đông sáng lập là cá nhân: Số, ngày, nơi cấp Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân

Đối với cổ đông sáng lập là pháp nhân: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác

Ban hành kèm Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2006 về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

Phụ lục I-10

DANH SÁCH THÀNH VIÊN SÁNG LẬP ĐỐI VỚI CÔNG TY HỢP DANH

Số TT	Tên thành viên	Địa chỉ	Quyết định thành lập	Nghề nghiệp, trình độ chuyên môn của thành viên hợp danh	Vốn góp			Chữ ký của thành viên	Ghi chú
					Tổng giá trị vốn góp	Phần vốn góp	Thời điểm góp vốn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

....., ngày tháng năm

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Cột (2) Thành viên là cá nhân : Họ và tên/ngày sinh/Giới tính /Quốc tịch

Cột (3) Địa chỉ: Thành viên là cá nhân: Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú

Đối với thành viên là tổ chức: địa chỉ trụ sở chính

Cột (4) Đối với thành viên sáng lập là cá nhân: Số, ngày, nơi cấp Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân

Đối với thành viên sáng lập là pháp nhân: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác

Cột (6) Phương thức góp vốn: liệt kê tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

(Xem tiếp Công báo số 239 + 240)

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng